

Giáo Sĩ Việt Nam

Bán nguyệt san – Số 365 – Chúa nhật 03.11.2019

Giáo sĩ: ĐƯỢC CHỌN GIỮA LOÀI NGƯỜI VÀ CHO LOÀI NGƯỜI (x. Dt 5, 1)

www.conggiaovietnam.net

giaosivietnam@gmail.com

MỤC LỤC

Thông điệp SOLLICITUDO REI SOCIALIS (QUAN TÂM ĐẾN VẤN ĐỀ XÃ HỘI).....	
.....CỦA ĐỨC THÁNH CHA GIOAN-PHAOLÔ II	
LÙN CHƯA CHẮC ĐÃ THẤP (CN 31C)	Lm. Anphong Nguyễn Công Minh, ofm
HÃY NÊN THÁNH VÌ TA LÀ Đấng THÁNH	Lm. Antôn Nguyễn Văn Độ
NĂNG TƯỞNG NHỚ CẦU NGUYỆN CHO TIỀN NHÂN	LM ĐAN VINH - HHTM
DANH THÁNH CHÚA GIÊ-SU LÀ TẤT CẢ ĐỜI SỐNG KI-TÔ HỮU	
.....Lm Giu-se Nguyễn Văn Thông	
GIẤC MƠ LINH MỤC	Maria Hồng Hà CMR
MAY I, I'M SORRY, THANK YOU (BÀI GIẢNG THUYẾT DỊP GIA ĐÌNH NAZARETH TÍNH TÂM	
20 THÁNG 10 NĂM 2019)	ĐGM Phụ Tá Nguyễn Thái Thành
CHÚNG TA PHẢI TÔN KÍNH HAY TÔN THỜ ĐỨC MARIA, MẸ THẬT CỦA CHÚA GIÊ SU?	
.....Lm. Ngô Tôn Huấn, Doctor of Ministry	
TÁC PHẨM KÍNH CHÀO NỮ VƯƠNG RẤT THÁNH - MẸ THIÊN CHÚA QUA LỜI CHÚA	
(CHƯƠNG 4)	Tiến sĩ Trần Mỹ Duyệt chuyển ngữ
CHUYỆN MỖI TUẦN – CHUYỆN VỀ CÂU NÓI “BUÔNG ĐAO ĐỒ TÈ THÀNH PHẬT”.....	
.....Lm Giuse Ngô Mạnh Điệp	
VAI TRÒ CỦA DINH DƯỠNG	Bác Sĩ Nguyễn Ý-Đức, MD.
TUỔI THƠ BỊ ĐÁNH CẤP	Chuyện phiếm của Gã siêu.

Thông điệp SOLLICITUDO REI SOCIALIS (QUAN TÂM ĐẾN VẤN ĐỀ XÃ HỘI)

LTS. Đặc San GSVN đã phổ biến rộng rãi bản dịch DoCat của UBCL&HB, HĐGMVN. Nay chúng con xin lần lượt phổ biến tất cả các thông điệp của các Đức Thánh Cha, từ thời Đức Lêô XIII (1891), với thông điệp Tân Sự (Rerum Novarum) cho tới Đức Thánh Cha Phanxicô (2015), với thông điệp Chúc tụng Chúa (Laudato Si). Tất cả các văn kiện này chính là "nền" cho Học Thuyết Xã Hội của Giáo Hội. Xin chân thành cảm ơn các trang

mạng đã cung cấp cho Dân Chúa và Dân Chúng Việt Nam những tư liệu rất quý báu này, đặc biệt xin chân thành cảm ơn các dịch giả đã thực hiện các bản dịch Việt Ngữ.

**Thông điệp SOLLICITUDO REI SOCIALIS
(QUAN TÂM ĐẾN VẤN ĐỀ XÃ HỘI)
CỦA ĐỨC THÁNH CHA GIOAN-PHAOLÔ II
Nhân dịp kỷ niệm 20 năm thông điệp
POPULORUM PROGRESSIO
CỦA ĐỨC THÁNH CHA PHAOLÔ VI
bản dịch của Lm. Fx. Hoàng Đình Mai**

Nguồn: <https://daminhtamhiep.net/2012/06/thong-diep-sollicitudo-rei-socialis-quan-tam-den-van-de-xa-hoi/>

Phép lành

*Anh em đáng kính,
Các con thân mến,
Gửi lời chào thăm và phép lành Tòa Thánh.*

I- NHẬP ĐỀ

1. Bằng nhiều cách khác nhau, Giáo hội tích cực quan tâm đến vấn đề xã hội, nghĩa là đến những gì nhằm thực sự phát triển con người và xã hội, để bản thân con người được trọng kính và thăng tiến trong mọi chiều kích. Một trong những phương thế được ưu tiên sử dụng trong những thời gian gần đây đó là các Đức Giáo Hoàng Rôma đã lấy Huấn Quyền của mình mà trình bày vấn đề bằng cách dựa vào thông điệp *Rerum Novarum* của Đức Lêo XIII (1), đôi khi công bố những văn kiện khác về xã hội trùng hợp với những dịp kỷ niệm hàng năm của thông điệp đầu tiên này (2).

Nhờ những lần can thiệp ấy, các Đức Giáo Hoàng đã làm nổi bật những khía cạnh mới trong học thuyết xã hội của Giáo hội. Như thế, khởi đầu nhờ sự đóng góp đáng kể của Đức Lêo XIII, được Huấn Quyền tiếp tục làm cho thêm phong phú, một bộ môn học thuyết hợp thời đã được hình thành, ăn khớp với nhau để Giáo hội lần lượt giải thích những biến cố xảy ra trong dòng lịch sử dưới ánh sáng của toàn bộ Lời Chúa được Đức Kitô mạc khải (3) và với sự trợ giúp của Chúa Thánh Thần (x Ga 14,16-26; 16,13-15). Bằng cách ấy, Giáo hội cố gắng hướng dẫn con người để họ dựa vào những suy tư của lý trí và sự đóng góp của những khoa nhân văn mà đáp trả ơn gọi trở thành những người có trách nhiệm xây dựng xã hội trần thế.

2- Toàn bộ giáo huấn quan trọng này về xã hội, vừa làm khuôn mẫu vừa làm nổi bật thông điệp *Populorum Progressio*, đã được vị tiền nhiệm đáng kính của tôi, Đức Phaolô VI, công bố ngày 26 tháng 3 năm 1967.

Chỉ cần nhắc lại những cuộc kỷ niệm nối tiếp nhau trong năm nay, dưới những hình thức khác nhau và trong nhiều đoàn hội phần đạo cũng như phần đời, để thấy rằng thông điệp này luôn hợp thời. Cùng với mục đích ấy, Ủy ban Giáo Hoàng “Công Lý và Hòa Bình” năm ngoái đã gửi một thư luân lưu cho các Thượng Hội Đồng các Giáo hội Đông Phương và cho các Hội Đồng Giám Mục để xin đóng góp ý kiến và đề nghị về cách thức tốt đẹp nhất để đánh dấu dịp kỷ niệm thông điệp, hầu làm phong phú, và nếu cần, làm sáng tỏ giáo huấn của thông điệp. Chính Ủy ban này, nhân dịp hai mươi năm, đã tổ chức trọng thể lễ kỷ niệm mà tôi đã tham dự với bài phát biểu kết thúc (5). Giờ đây, cũng vì lưu tâm tới nội dung những câu trả lời dành cho thư luân lưu nói trên, tôi nghĩ nên khép lại năm 1987 bằng một thông điệp bàn về những chủ đề của *Populorum Progressio*.

3- Từ đó, chủ yếu tôi nhắm vào hai mục tiêu rất quan trọng : một mặt để tỏ lòng trọng kính đối với văn kiện lịch sử của Đức Phaolô VI và giáo huấn của ngài; mặt khác theo đúng đường lối đã được các vị tiền nhiệm đáng kính trên ngai tòa Phêrô đề ra, để khẳng định lại tính cách liên tục về học thuyết xã hội của Giáo hội, cũng như về sự đổi mới không ngừng của học thuyết này. Thực vậy, tính cách liên tục và đổi mới mang lại cho giáo huấn của Giáo hội một giá trị bền vững.

Hai đặc tính trên làm nổi bật giáo huấn của Giáo hội về vấn đề xã hội. Một đàng giáo huấn này có tính cách bền vững vì nó đồng nhất trong “gợi ý căn bản”, trong “các nguyên tắc suy tư”, trong “các tiêu chuẩn phán đoán”, trong “các chỉ dẫn nền tảng cho hoạt động” (6), và nhất là trong mối liên hệ chính yếu với Tin Mừng của Chúa; đàng khác, giáo huấn đó luôn mới mẻ vì có những thích nghi cần thiết và phù hợp với những đổi thay của hoàn cảnh lịch sử và với sự tiếp nối không ngừng của những biến cố dệt nên đời sống của con người và xã hội.

4- Tôi xác tín rằng giáo huấn của thông điệp *Populorum Progressio*, được gửi đến cho con người và xã hội vào những năm sáu mươi, vẫn còn là một lời kêu gọi mạnh mẽ cho lương tâm con người hôm nay, vào những năm cuối của thập niên tám mươi. Khi cố gắng phác họa những nét lớn của thế giới hiện nay – luôn theo đúng quan điểm của lý do gợi ý cho văn kiện này tức là “sự phát triển các dân tộc”, một chủ đề khó mà khai thác hết – tôi dự tính sẽ kéo dài âm vang bằng cách liên kết giáo huấn này với những áp dụng có thể trong thời buổi lịch sử hiện nay của chúng ta, vốn không kém phần bi thảm hơn so với cách đây hai mươi năm.

Chúng ta biết rõ thời gian luôn trôi đi cùng một nhịp điệu, tuy nhiên, người ta có ấn tượng rằng nó liên tục gia tăng chuyển động, nhất là vì những hiện tượng chúng ta đang sống xảy đến một cách dồn dập và phức tạp. Do đó, bộ mặt thế giới, suốt hai mươi năm qua, tuy vẫn giữ được một số những nét căn bản bền vững, nhưng đã trải qua những đổi thay đáng kể và đưa ra những khía cạnh hoàn toàn mới.

Vào lúc sắp bước sang ngàn năm thứ ba của Kitô giáo, được đánh dấu bởi niềm khắc khoải chờ mong, như trong một “Mùa Vọng” mới (7), tác động một cách nào đó tới mọi người, đem lại cơ hội đào sâu giáo huấn, để nêu lên những viễn tượng của thông điệp.

Nhờ nghiên cứu thần học về thực tại hiện nay, bài suy tư này có mục đích nhấn mạnh đến sự cần thiết phải có một quan niệm phong phú và đa dạng hơn về sự phát triển, dựa theo các đề nghị của thông điệp và đưa ra một vài kiểu mẫu thực hành.

II- TÍNH CÁCH MỚI MẸ CỦA THÔNG ĐIỆP POPULORUM PROGRESSIO

5- Ngay khi được công bố, văn kiện của Đức Thánh Cha Phaolô VI đã được dư luận chung chú ý tới vì tính cách mới mẻ của nó. Văn kiện đã chứng tỏ một cách cụ thể và rõ ràng những đặc tính liên tục và đổi mới đã nêu trên, trong học thuyết xã hội của Giáo hội. Vì thế nhờ đọc kỹ thông điệp, ý định khám phá lại những khía cạnh của giáo huấn ấy sẽ là sợi dây dẫn vào những suy tư này.

Thế nhưng trước hết tôi muốn dừng lại ở thời điểm công bố : Năm 1967. Ngay sự kiện Đức Thánh Cha Phaolô VI quyết định công bố một thông điệp về xã hội vào năm ấy là một lời mời gọi phải nghiên cứu văn kiện trong mối tương quan với Công Đồng Chung Vatican II, vừa kết thúc vào ngày 8 tháng 12 năm 1965.

6- Chúng ta phải nhìn thấy trong hoàn cảnh này một cái gì khác hơn là một sự gắn gũi đơn giản về thời gian. Thông điệp *Populorum Progressio*, một cách nào đó, trở nên như một văn kiện áp dụng giáo huấn của Công Đồng. Và điều đó, không hẳn vì thông điệp thường xuyên trích dẫn các bản văn Công Đồng (8), cho bằng vì thông điệp xuất phát từ mối ưu tư của Giáo hội đã từng gợi ý cho toàn bộ công việc của Công Đồng – cách riêng cho hiến chế mục vụ *Gaudium et Spes* – trong việc phối hợp và khai triển nhiều chủ đề trong giáo huấn về xã hội.

Vì thế có thể nói được rằng thông điệp *Populorum Progressio* là như một đáp ứng lời kêu gọi mà Công Đồng đã bày tỏ ở ngay đầu hiến chế *Gaudium et Spes*: “Những vui mừng và hy vọng, những ưu sầu và lo lắng của con người ngày nay, nhất là của những người nghèo túng, và của tất cả những ai đau khổ, cũng là những vui mừng và hy vọng, những ưu sầu và lo lắng của các môn đệ Đức Kitô, và không có gì thực sự là của con người mà lại không gieo âm hưởng trong lòng họ” (9). Những lời đó cho thấy lý do căn bản đã gợi ý cho văn kiện quan trọng của Công Đồng, khởi đi từ việc nhận định về tình trạng nghèo khổ và chậm phát triển mà hàng triệu người đang phải sống.

Sự nghèo khổ và chậm tiến ấy, dưới những tên gọi khác, chính là “những ưu sầu và lo lắng” của ngày hôm nay, “nhất là của những người nghèo” : trước cảnh tượng bao la về nỗi đói đau và khổ cực, Công Đồng muốn mở ra những chân trời của niềm vui mừng và hy vọng. Đó cũng chính là mục tiêu mà thông điệp của Đức Phaolô VI nhắm tới, hoàn toàn trung thành với gợi ý của Công Đồng.

7- Ngay cả trong việc sắp xếp các chủ đề, vẫn theo truyền thống cao quý học thuyết xã hội của Giáo hội, thông điệp đã trực tiếp lấy lại cách trình bày mới mẻ cũng như cách tổng hợp phong phú mà Công Đồng đã gạn lọc, nhất là trong hiến chế *Gaudium et Spes*.

Về những gì liên quan tới nội dung và các chủ đề thông điệp đã lấy lại, cần phải nhấn mạnh : “là chuyên viên về các vấn đề con người”, Giáo hội ý thức mình có bổn phận phải tìm hiểu “những dấu chỉ của thời đại và giải thích theo ánh sáng Tin Mừng” (10); đồng thời cũng ý thức sâu xa về sứ mạng “phục vụ” của mình, khác với chức năng của nhà nước, ngay cả khi Giáo hội lo lắng đến số phận của những con người trong hoàn cảnh cụ thể (11); nhắc lại những bất bình trong tình huống của những con người này (12); xác nhận giáo huấn của Công Đồng về “của cải dành cho mọi người” (13) vốn là âm vang trung thành với truyền thống ngàn đời của Giáo hội; quý chuộng văn hóa và văn minh kỹ thuật khi chúng góp phần vào việc giải phóng con người (14), mà không quên nhìn nhận những giới hạn của chúng (15); sau hết, về chủ đề phát triển, vốn là chủ đề của thông điệp, cần nhấn mạnh đến “bổn phận rất nghiêm trọng” đòi buộc các nước đã phát triển hơn “phải giúp đỡ các nước đang phát triển” (16). Ngay cả quan niệm về phát triển được thông điệp đưa ra cũng trực tiếp xuất phát từ cách thức đặt vấn đề của hiến chế mục vụ (17).

Những tham khảo rõ ràng từ hiến chế mục vụ cũng như những tham khảo khác đều dẫn tới kết luận thông điệp được trình bày như một áp dụng giáo huấn của Công Đồng về xã hội đối với vấn đề phát triển và chậm phát triển của các dân tộc.

8- Như vậy, việc phân tích ngắn gọn giúp chúng ta dễ thẩm định hơn tính cách mới mẻ của thông điệp, có thể được thu tóm vào ba yếu tố.

Yếu tố thứ nhất dựa vào chính sự việc có một văn kiện xuất phát từ thẩm quyền cao nhất của Giáo hội Công giáo và được dành cho chính Giáo hội cũng như cho “mọi người thiện chí” (18), bàn về một đề tài, mà mới nhìn qua, chỉ có tính cách kinh tế và xã hội : việc phát triển các dân tộc. Chữ “phát triển” ở đây là thuật ngữ được vay mượn từ khoa xã hội và kinh tế. Dưới khía cạnh này, thông điệp *Populorum Progressio* hoàn toàn đi theo đường hướng của thông điệp *Rerum Novarum* bàn về “thân phận giới thợ thuyền”. Xét theo bề mặt, hai chủ đề này xem ra có phần xa lạ đối với những điều lợi ích quan trọng và chính đáng của Giáo hội, được coi như một thể chế tôn giáo, chủ đề “phát triển” còn xa lạ hơn cả chủ đề “thân phận giới thợ thuyền”. Phải nhận rằng khi tiếp nối thông điệp của Đức Lêô XIII, văn kiện của Đức Phaolô VI đã có công nhấn mạnh tới đặc tính đạo đức và văn hóa trong cách đặt vấn đề liên quan đến phát triển, cũng như tới tính cách chính đáng và cần thiết trong việc Giáo hội can thiệp vào lãnh vực này.

Ở đây, học thuyết xã hội Kitô giáo một lần nữa đã biểu lộ đặc tính áp dụng Lời Chúa vào đời sống con người và xã hội cũng như vào những thực tại trần gian liên hệ, bằng cách đưa ra “những nguyên tắc suy tư”, “những tiêu chuẩn phán đoán”, và “những chỉ dẫn hành động”. Như vậy, trong văn kiện của Đức Phaolô VI, người ta tìm lại được ba yếu tố trên với khuynh hướng chủ yếu là thực hành, nghĩa là nhắm tới đời sống luân lý.

Do đó, khi Giáo hội quan tâm đến việc “phát triển các dân tộc”, thì không thể bị kết án là vượt quá lãnh vực thẩm quyền của mình và lại càng không vượt quá sự ủy nhiệm Chúa đã trao phó.

9- Yếu tố thứ hai biểu lộ tính cách mới mẻ của thông điệp *Populorum Progressio* hệ tại việc mở ra một chân trời rộng lớn cho điều người ta thường gọi là “vấn đề xã hội”.

Thực ra thông điệp *Mater et Magistra* của Đức Gioan XXIII đã có được tầm nhìn rộng lớn trên (21) và Công Đồng đã dội lại tiếng vang trong hiến chế *Gaudium et Spes* (22). Tuy nhiên, giáo huấn về xã hội của Giáo hội chưa xác quyết một cách hoàn toàn minh bạch rằng vấn đề xã hội có chiều kích toàn cầu (23) và đã không rút ra từ xác quyết ấy và từ việc phân tích kèm theo một “chỉ dẫn hành động”, như Đức Thánh Cha Phaolô VI đã làm trong thông điệp của ngài.

Một lập trường rõ rệt như vậy cho thấy một nội dung hết sức phong phú cần phải nêu lên. Trước hết, phải loại bỏ một sự hiểu lầm có thể xảy ra. Thừa nhận vấn đề xã hội có chiều kích toàn cầu không có nghĩa là phủ nhận đích điểm hay tầm mức quan trọng của nó trong phạm vi quốc gia và địa phương. Trái lại, điều đó có nghĩa là những vấn đề trong các xí nghiệp hay trong phong trào thợ thuyền và nghiệp đoàn của một nước hay một vùng nhất định nào đó không được coi như những hiện tượng riêng rẽ, chẳng liên hệ với nhau, nhưng chúng ngày càng tùy thuộc vào những yếu tố có tầm ảnh hưởng vượt quá phạm vi của vùng hay biên giới của quốc gia.

Điều đáng buồn là dưới góc độ kinh tế, số các nước đang phát triển lại vượt xa số các nước đã phát triển : những đám người không của cải và những tiện ích do sự phát triển đem lại thì đông hơn nhiều so với những người được hưởng dùng.

Vì thế, chúng ta đang đứng trước một vấn đề nghiêm trọng, đó là sự phân chia không đồng đều những phương tiện sinh sống, vốn được dành cho mọi người ngay từ đầu; đối với những phúc lợi do những phương tiện ấy mang lại cũng thế. Và điều đó xảy ra mà không thể qui trách nhiệm cho các dân tộc kém may mắn, cũng không phải do một thứ định mệnh gắn liền với những điều kiện thiên nhiên hay với toàn bộ hoàn cảnh.

Khi tuyên bố vấn đề xã hội có chiều kích toàn cầu, thông điệp của Đức Phaolô VI trước hết nêu lên một sự kiện thuộc phạm vi luân lý, có nền tảng trong việc phân tích khách quan về thực tại. Theo chính lời lẽ của thông điệp, “mỗi người phải ý thức” về sự việc ấy (24), vì điều đó liên quan trực tiếp tới lương tâm, là nguồn gốc của những quyết định luân lý.

Trong khuôn khổ ấy, sự mới mẻ của thông điệp không hệ tại việc khẳng định đặc tính lịch sử, tính cách phổ quát của vấn đề xã hội, cho bằng hệ tại việc thẩm định luân lý về thực tại đó. Như vậy, những người có trách nhiệm về các công việc chung, những người dân trong những nước giàu, mỗi người với tư cách riêng, đặc biệt nếu là Kitô hữu, họ đều có bổn phận luân lý – tùy mức độ trách nhiệm của mình – trong những quyết định của cá nhân hay của chính phủ, phải lưu tâm đến mối liên hệ toàn cầu, đến sự lệ thuộc lẫn nhau (25) giữa thái độ của họ với sự khốn cùng và chậm tiến của hàng triệu con người. Nói một cách rất chính xác, thông điệp của Đức Phaolô VI giải thích đòi buộc luân lý là “bổn phận của tình liên đới”, và mặc dù có nhiều hoàn cảnh đổi thay trên thế giới, xác quyết này ngày hôm nay vẫn còn giữ nguyên hiệu lực và giá trị như khi được viết ra.

Mặt khác, vẫn không đi ra ngoài khuôn khổ cái nhìn luân lý ấy, sự mới mẻ của thông điệp còn hệ tại cách thức trình bày vấn đề tự căn bản, nghĩa là chính quan niệm về phát triển đã thay đổi đáng kể khi người ta nhìn nó trong viễn tượng các nước trên thế giới lệ thuộc lẫn nhau. Sự phát triển đích thực không thể chỉ là việc đơn thuần tích lũy của cải và gia tăng tài sản cũng như tiện ích, nếu sự phát triển ấy bị trả giá bằng việc làm cho dân chúng bị chậm tiến và không đếm xỉa gì tới những chiều kích xã hội, văn hóa và tinh thần của con người (26).

10- Dưới khía cạnh thứ ba, thông điệp mang lại một yếu tố mới mẻ cho toàn bộ học thuyết xã hội của Giáo hội và cho chính quan niệm về phát triển. Sự mới mẻ này được biểu lộ ở một câu trong đoạn kết của văn kiện và có thể được coi như là công thức tóm lược văn kiện, cũng như mang lại cho văn kiện tính cách lịch sử : “Phát triển là tên gọi mới của hòa bình” (27).

Thực ra, nếu vấn đề xã hội có được một chiều kích toàn cầu, là vì sự đòi hỏi của công lý chỉ có thể được đáp ứng ở mức độ ấy. Không biết đến đòi hỏi ấy là chuốc lấy nguy cơ làm nảy sinh khuynh hướng phản kháng bằng bạo lực từ phía những nạn nhân của bất công, vốn là nguyên nhân của nhiều cuộc chiến tranh đã từng xảy ra. Dân chúng vì không được phân chia một cách công bằng những của cải, mà ngay từ đầu đã được dành cho mọi người, nên có thể tự hỏi : tại sao lại không dùng bạo lực để đáp trả những kẻ đã đối xử với chúng ta bằng bạo lực trước ? Và nếu người ta xem xét tình trạng này dựa vào sự phân chia thế giới thành những khối ý thức hệ – vốn đã có trong năm 1967 – với những ảnh hưởng và những ràng buộc về kinh tế và chính trị phát sinh từ đó, thì mối nguy hiểm còn to lớn hơn nữa.

Thêm vào nhận định đầu tiên ấy về nội dung đầy ấn tượng của lời lẽ trong thông điệp, một nhận định khác được văn kiện ám chỉ (28) : đó là làm sao biện minh được sự kiện những số tiền khổng lồ có thể và phải được dùng để gia tăng sự phát triển các dân tộc, thì trái lại đã được dùng để làm giàu cho những cá nhân hay những phe nhóm, hoặc được dành để tăng thêm kho vũ khí, trong các nước đã phát triển cũng như trong các nước đang phát triển, làm đảo ngược những ưu tiên chính đáng ? Và điều đó càng thêm nghiêm trọng nếu người ta quan tâm tới những khó khăn thường làm cản trở việc chuyển thẳng những khoản tiền dành để giúp các nước đang cần đến. Nếu “sự phát triển là tên gọi mới của hòa bình”, thì chiến tranh và những chuẩn bị quân sự là những kẻ thù lớn nhất của việc phát triển toàn diện các dân tộc.

Như vậy, theo sự diễn tả của Đức Phaolô VI, chúng ta được mời gọi nhìn lại quan niệm về phát triển, quan niệm này quả thật không trùng hợp với việc chỉ tìm thỏa mãn những nhu cầu vật chất bằng cách tăng thêm của cải, mà không đếm xỉa tới những khổ đau của đa số, mặc cho tính ích kỷ của cá nhân và quốc gia dẫn dắt. Thư thánh Giacôbê nhắc nhở chúng ta một cách chính xác : “Chẳng phải là bởi đó mà sinh ra những chiến tranh và xung đột sao ? Chẳng phải là bởi chính những khoái lạc của anh em đang gây chiến trong các chi thể của anh em đó sao ? Anh em ham muốn mà không có” (Gc 4,1-2).

Trái lại, trong một thế giới khác, hàng lo lắng đến lợi ích chung của toàn thể nhân loại, nghĩa là lưu tâm đến sự phát triển về tinh thần và nhân bản của mọi người, chứ không tìm kiếm lợi ích cá nhân, thì hòa bình sẽ là điều có thể, như hoa trái của một “nền công lý hoàn chỉnh hơn giữa loài người” (29).

Sự mới mẻ ấy của thông điệp cũng có một giá trị bền vững và hiện đại, khi người ta nghĩ đến não trạng của con người ngày nay, rất nhạy bén về mối liên hệ chặt chẽ giữa việc tôn trọng công lý và việc thiết lập một nền hòa bình đích thực.

III- TOÀN CẢNH THẾ GIỚI NGÀY NAY

11- Giáo huấn căn bản của thông điệp *Populorum Progressio* vào thời điểm lúc bấy giờ đã có được một tiếng vang đáng kể vì tính cách mới mẻ của nó. Không thể nói được rằng bối cảnh xã hội chúng ta đang sống hôm nay hoàn toàn giống như bối cảnh xã hội cách đây hai mươi năm.

Vì thế giờ đây tôi muốn dừng lại ở một vài đặc điểm của thế giới hiện đại và trình bày vắn tắt để rồi đào sâu giáo huấn thông điệp của Đức Phaolô VI, vắn từ quan điểm “phát triển các dân tộc”.

12- Sự kiện thứ nhất cần phải nêu lên, đó là niềm hy vọng vào sự phát triển, lúc đó thật mạnh mẽ, mà ngày nay dường như còn lâu mới thực hiện được.

Về vấn đề này, thông điệp đã không ảo tưởng. Ngôn từ cứng cỏi, đôi khi bi thảm của thông điệp chỉ muốn nhấn mạnh đến tính cách nghiêm trọng của tình thế và đề nghị cho lương tâm mọi người bổn phận cấp bách phải góp phần giải quyết. Trong những năm ấy, người ta lạc quan cho rằng chẳng cần phải cố gắng quá sức cũng có thể xóa bỏ được tình trạng trì trệ về kinh tế của các dân tộc ít được ưu đãi, đem lại cho họ những hạ tầng cơ sở và giúp họ trong tiến trình kỹ nghệ hóa.

Trong bối cảnh lịch sử thời đó, ngoài những cố gắng của mỗi nước, Tổ Chức Liên Hiệp Quốc đã đưa ra sáng kiến dành hai thập niên liên tiếp cho việc phát triển (30). Thực vậy, những biện pháp song phương và đa phương được áp dụng để giúp cho nhiều nước, một số đã được độc lập từ lâu, một số khác – đông hơn – mới trở thành Quốc gia sau tiến trình xóa bỏ chế độ thuộc địa. Về phần mình, Giáo hội cảm thấy có bổn phận phải đào sâu những vấn đề do tình huống mới đặt ra, với ý định nâng đỡ những cố gắng trên bằng cách đem lại cho chúng một “cái hồn”, nhờ nguồn cảm hứng có tính cách tôn giáo và nhân bản.

13- Không thể nói được rằng những sáng kiến về tôn giáo, nhân bản, kinh tế và kỹ thuật khác nhau ấy là vô ích, bởi vì chúng đã đạt được một số những thành quả. Nhưng nói chung, nếu xét tới những yếu tố khác nhau, người ta không thể phủ nhận rằng tình hình thế giới hiện nay đã tạo nên một ấn tượng nặng phần tiêu cực, xét theo phương diện phát triển.

Vì thế, tôi muốn lưu ý tới một số những chỉ dẫn có tính cách tổng quát, mà không loại trừ những yếu tố đặc thù khác. Không đi sâu vào việc phân tích các con số hay các bản thống kê, nhưng chỉ nhìn vào thực trạng có vô số người, nam cũng như nữ, trẻ con, người lớn cũng như người già, tất một lời những con người cụ thể và độc nhất đang quần quai dưới sức nặng không thể mang nổi của khổ đau. Họ là hàng triệu con người đã mất đi niềm hy vọng, vì tại nhiều nơi trên trái đất, tình trạng của họ thực sự đã trở nên nghiêm trọng. Trước thảm cảnh cùng cực và thiếu thốn của biết bao nhiêu anh chị em chúng ta, thì chính Chúa Giêsu đang đến chất vấn chúng ta (Mt 25,31-46).

14- Nhận định tiêu cực đầu tiên là luôn có một hồ sâu lan rộng, phân cách giữa các vùng được gọi là phía Bắc đã phát triển và các vùng phía Nam đang phát triển. Cách gọi mang tính cách địa lý này chỉ có giá trị như một hướng dẫn, bởi vì ai cũng biết ranh giới giữa giàu và nghèo nằm ngay bên trong những xã hội, dù đã phát triển hay đang phát triển. Thực vậy, trong các nước giàu cũng có những bất bình đẳng xã hội tới mức cùng khổ, đồng thời trong các nước kém phát triển cũng thường thấy những biểu lộ của tính ích kỷ và phô trương của cải vừa làm cho kinh ngạc lại vừa tai tiếng.

Tại một số nơi trên thế giới, đặc biệt tại các vùng phát triển phía Bắc thì dư thừa của cải và những tiện nghi, trong khi đó phía Nam lại sống trong một sự chậm tiến không thể chấp nhận được và chính vùng địa lý chính trị này lại là nơi sinh sống của phần lớn nhân loại.

Khi nhìn vào sự chênh lệch của các lãnh vực khác nhau – sản xuất và phân phối lương thực, vệ sinh, sức khỏe và nhà ở, nước uống, điều kiện làm việc, nhất là đối với phụ nữ, tuổi thọ và những chỉ dẫn về xã hội cũng như kinh tế – bức tranh toàn thể hiện ra làm người ta thất vọng, dù xem xét tự bản chất hay so sánh nó với những dữ kiện tương ứng tại những nước đã phát triển hơn. Lúc bấy giờ tự nhiên người ta buột miệng thốt lên tiếng “hố sâu”.

Có thể đây không phải là từ ngữ thích hợp nhất để diễn tả đúng cái thực tại theo nghĩa có thể mang lại cảm tưởng về một hiện tượng đậm chân tại chỗ. Không phải vậy. Trong tiến trình của các nước đã phát triển và đang phát triển, những năm vừa qua người ta đã chứng kiến một sự gia tăng tốc độ khác nhau, tạo thêm những chênh lệch, khiến các nước đang phát triển, đặc biệt các nước nghèo nhất, thấy mình bị rơi vào một tình trạng trì trệ rất nghiêm trọng.

Còn phải nói thêm về những khác biệt văn hóa và những hệ thống giá trị giữa các nhóm dân cư, không luôn đi đôi với mức độ phát triển kinh tế, nhưng góp phần tạo nên những chênh lệch. Đó là những yếu tố và những khía cạnh làm cho vấn đề xã hội trở nên phức tạp hơn nhiều, chính vì vấn đề này đã mang một tầm vóc toàn cầu.

Khi quan sát các vùng khác nhau trên thế giới, bị phân cách bởi hố sâu ngày càng lan rộng, khi nhận thấy mỗi vùng dường như đều theo đuổi đường lối của mình với những cách thực hiện riêng biệt, người ta hiểu được tại sao trong ngôn ngữ thông thường lại nói tới nhiều thế giới bên trong một thế giới duy nhất của chúng ta : thế giới thứ nhất, thế giới thứ hai, thế giới thứ ba, và hơn nữa thế giới thứ tư (31). Những cách diễn tả này chắc chắn không nhằm đưa ra một sắp hạng đầy đủ tất cả các nước, nhưng không phải là không có ý nghĩa : chúng cho thấy một nhận thức mơ hồ rằng sự hợp nhất của thế giới, hay nói cách khác sự hiệp nhất của nhân loại, đã bị vi phạm nặng nề. Cách nói như vậy, với ít nhiều giá trị khách quan, chắc chắn phải ẩn chứa một nội dung luân lý, mà Giáo hội không thể thờ ơ, vì Giáo hội là “bí tích”, có nghĩa vừa là dấu chỉ vừa là phương tiện (...) hợp nhất của nhân loại (32).

15- Bức tranh vừa nêu lên sẽ không đầy đủ nếu ngoài “những chỉ dẫn về kinh tế và xã hội” của tình trạng kém phát triển, người ta không thêm vào những chỉ dẫn khác cũng mang tính cách tiêu cực và đáng được quan tâm hơn nữa, bắt đầu từ những chỉ dẫn thuộc lãnh vực văn hóa. Đó là nạn mù chữ, tình trạng khó khăn hay không thể đạt tới những mức độ học vấn cao hơn, không có khả năng tham dự vào việc xây dựng đất nước mình, những hình thức bóc lột và đàn áp về kinh tế, xã hội, chính trị và ngay cả về tôn giáo đối với con người cũng như đối với các quyền lợi của con người, mọi hình thức kỳ thị, đặc biệt là sự kỳ thị đáng ghê tởm hơn cả dựa trên việc phân biệt chủng tộc. Thật đáng tiếc nếu tìm thấy một vài vết thương này tại những vùng phía Bắc phát triển hơn thì chắc chắn những vết thương này lại thường xảy ra hơn, dai dẳng hơn và khó trừ diệt hơn tại những nước đang phát triển và chậm tiến.

Phải lưu ý rằng, trong thế giới ngày nay quyền đưa ra sáng kiến về kinh tế là một trong những quyền thường bị bóp nghẹt hơn cả. Thế nhưng đó lại là một quyền quan trọng, không phải chỉ đối với cá nhân, mà còn đối với lợi ích chung nữa. Kinh nghiệm cho chúng ta thấy rằng chối bỏ hay hạn chế quyền này nhân danh một sự “bình đẳng” giả mạo của mọi người trong xã hội, nếu không tiêu hủy quyền này trong thực tế, thì cũng tiêu hủy óc sáng kiến, nghĩa là cá tính sáng tạo của người công dân. Kết quả đó không phải là một sự bình đẳng chân thực, nhưng là một sự “san bằng xuống dưới”. Sáng kiến sáng tạo được thay thế bằng tính thụ động, lệ thuộc và phục tùng bộ máy quan liêu, như một cơ quan duy nhất có quyền “tổ chức” và “quyết định” – nếu không phải là cơ quan sở hữu – về toàn bộ của cải và các phương tiện sản xuất, đặt mọi người vào cái thế phải phục tùng dường như tuyệt đối, giống như thói quen lệ thuộc của người công nhân vô sản đối với tư bản chủ nghĩa. Điều đó làm cho người ta cảm thấy bị tước đoạt hay bị thất vọng, để rồi thờ ơ với sinh hoạt quốc gia, thúc đẩy nhiều người bỏ xứ ra đi hay cố võ cho một thứ di dân “tâm lý”.

Một tình trạng như vậy cũng kéo theo những hậu quả về phương diện “quyền của mỗi nước”. Thực vậy, thường xảy ra khi một nước bị mất đi tư cách pháp nhân của mình, nghĩa là mất đi “chủ quyền” của mình về kinh tế, chính trị, xã hội, và một cách nào đó, cả về văn hóa nữa, vì trong một cộng đồng quốc gia mọi lãnh vực đó của đời sống được liên kết với nhau.

Ngoài ra còn phải nhắc lại rằng không một đoàn thể xã hội nào, chẳng hạn như một đảng phái, có quyền chiếm đoạt vai trò chỉ đạo duy nhất, vì điều đó dẫn tới việc hủy diệt nhân cách đích

thực của xã hội và của những cá nhân thành viên của quốc gia, như đã xảy ra trong mọi chế độ độc tài. Trong tình trạng ấy, con người và dân tộc trở thành những “đồ vật”, cho dù có mọi lời tuyên bố ngược lại và những lời hứa hẹn bảo đảm.

Ở đây cần phải thêm rằng, trong thế giới ngày nay, có nhiều hình thức nghèo khổ khác. Thực vậy, một số những thiếu thốn hay mất mát không đáng được gọi là nghèo khổ hay sao? Việc chối bỏ hay hạn chế những quyền của con người – chẳng hạn như quyền tự do tôn giáo, quyền được tham dự vào việc xây dựng xã hội, quyền tự do gia nhập hay thành lập những nghiệp đoàn, hay đưa ra những sáng kiến về mặt kinh tế – những việc đó chẳng phải đã làm cho con người ra nghèo khổ, nếu không muốn nói là còn nghèo khổ hơn so với việc bị tước đoạt của cải vật chất hay sao? Và một sự phát triển không công nhận đầy đủ những quyền ấy có thực là một sự phát triển mang chiều kích nhân bản hay không?

Tóm lại, ngày nay tình trạng chậm phát triển không chỉ về kinh tế, mà còn về văn hóa, chính trị và một cách rất đơn giản là chậm tiến về con người như thông điệp *Progressio Populorum* đã nêu lên cách đây hai mươi năm. Vậy ở đây cần phải tự hỏi xem thực tại đáng buồn ngày hôm nay chẳng phải là kết quả, ít nữa một phần, của một quan niệm quá hẹp hòi, chỉ biết đến khía cạnh kinh tế của việc phát triển đó sao.

16- Phải nhìn nhận rằng tình trạng đã trở nên rất nghiêm trọng, mặc dù trong hai thập niên vừa qua đã có những cố gắng đáng khen ngợi của những nước đã phát triển hơn hay đang phát triển, và của các Tổ chức quốc tế để tìm ra một lối thoát cho tình trạng này, hay ít nữa chữa trị được một vài triệu chứng.

Tình trạng ngày càng trở nên nghiêm trọng như thế được qui trách nhiệm cho nhiều nguyên nhân. Phải kể đến những thiếu sót thực sự và nặng nề từ phía các nước đang phát triển, và đặc biệt từ phía những người nắm giữ quyền hành về kinh tế và chính trị. Tuy nhiên không phải vì vậy mà người ta có thể làm bộ như không nhìn thấy trách nhiệm của những nước đã phát triển, đã luôn không hiểu, hay ít ra đã không hiểu đầy đủ rằng mình có bổn phận phải giúp đỡ những nước còn xa cách với thế giới sung túc của họ.

Tuy nhiên, cần phải tố cáo những cơ chế kinh tế, tài chính và xã hội, mặc dầu do ý muốn của con người điều khiển, nhưng lại thường hoạt động một cách dường như máy móc, làm cho tình trạng cách biệt giữa những người giàu và những người nghèo trở nên khắc nghiệt hơn. Những cơ chế này, được các nước phát triển hơn điều khiển – trực tiếp hay gián tiếp – do chính sự hoạt động của mình thường ưu đãi những lợi ích của các nước điều khiển, nhưng cuối cùng đã bóp nghẹt hay chi phối nền kinh tế của các nước kém phát triển hơn. Trong phần sau, chúng ta cần phải phân tích kỹ lưỡng những cơ chế này dưới khía cạnh đạo đức và luân lý.

Thông điệp *Populorum Progressio* dự đoán những hệ thống như thế có thể làm cho những người giàu lại giàu thêm, trong khi vẫn cầm giữ những người nghèo trong cảnh khốn cùng (33). Dự đoán này được xác nhận với sự xuất hiện của thế giới thứ tư.

17- Mặc dầu tình trạng xã hội trên thế giới dường như đã bùng nổ và điều này được diễn tả trong cách nói quy ước về thế giới thứ nhất, thứ hai, thứ ba và cả thế giới thứ tư nữa. Sự lệ thuộc lẫn nhau giữa các thành phần luôn rất chặt chẽ, và nếu bị tách khỏi những đòi hỏi đạo đức, thì sẽ kéo theo những hậu quả tai hại cho những nước yếu kém nhất. Hơn nữa, sự lệ thuộc lẫn nhau ấy, do một thứ động lực từ bên trong và dưới sự thúc đẩy của những cơ chế mà người ta chỉ có thể gọi là tàn ác, tạo nên những hậu quả tiêu cực cả ở những nước giàu có. Ngay trong nội bộ những nước này, người ta cũng tìm thấy những biểu hiện đặc biệt của tình trạng kém phát triển, dù ở mức độ thấp hơn. Vậy điều hiển nhiên là sự phát triển hoặc phải trở nên chung cho mọi nước trên thế giới, hoặc phải chịu một tiến trình thoái hóa ngay cả trong những miền vốn tiến bộ đều đặn. Đặc biệt hiện tượng này là triệu chứng của bản chất sự phát

triển đích thực : hoặc là mọi nước trên thế giới đều được tham gia vào sự phát triển, hoặc là không còn sự phát triển đích thực nữa.

Trong số những triệu chứng đặc thù của tình trạng kém phát triển ngày càng đe dọa các dân tộc đã phát triển, có hai triệu chứng đặc biệt cho thấy tình trạng bi đát. Trước hết là cơn khủng hoảng về nhà ở. Trong năm quốc tế những người vô gia cư do Tổ chức Liên Hiệp Quốc đề xướng, sự quan tâm hướng tới hàng triệu con người không có một nơi cư ngụ xứng đáng, hay không có ngay cả một nơi để ở, nhằm thức tỉnh lương tâm và tìm ra một giải pháp cho vấn đề nghiêm trọng này, vốn đã để lại những hậu quả tiêu cực cho cá nhân, gia đình và xã hội (34).

Tình trạng không đủ nhà ở được ghi nhận ở khắp nơi và phần lớn là do hiện tượng đô thị hóa liên tục gia tăng (35). Ngay cả những dân tộc phát triển nhất cũng cho thấy cảnh tượng đáng buồn của những cá nhân và những gia đình phải thực sự đấu tranh để sống còn, không mái nhà, hay với một nơi trú ngụ tạm bợ đến nỗi cũng chẳng khá hơn gì.

Tình trạng thiếu nhà ở tự bản chất là một vấn đề rất nghiêm trọng, phải được coi như là dấu chỉ và tổng hợp của cả một chuỗi những thiếu thốn về kinh tế, xã hội, văn hóa hay đơn giản là thiếu thốn về phương diện nhân bản, và nếu để ý tới tính cách phổ biến của hiện tượng này, chúng ta sẽ dễ dàng nhận ra rằng mình còn lâu mới đạt được sự phát triển đích thực các dân tộc.

18- Một triệu chứng khác, chung cho phần lớn các quốc gia, đó là hiện tượng thất nghiệp và d? thừa nhân công.

Ai mà chẳng thấy tính cách thời sự và nghiêm trọng ngày càng gia tăng của một hiện tượng như vậy tại các nước kỹ nghệ hóa (36) ? Nếu hiện tượng đó đáng báo động tại các nước đang phát triển với tỷ lệ dân số tăng cao và đông đảo giới trẻ, thì tại các nước có nền kinh tế phát triển mạnh, các nguồn cung cấp việc làm dường như bị hạn chế, và khả năng có được việc làm giảm đi thay vì gia tăng.

Cùng với một chuỗi những hậu quả tiêu cực ở mức độ cá nhân và xã hội, từ chỗ bị tổn hại đến chỗ đánh mất sự tự trọng mà bất kỳ người đàn ông hay đàn bà nào cũng cần phải có, hiện tượng đó mời gọi chúng ta tự hỏi một cách nghiêm túc về mô hình phát triển đã được thực hiện trong hai mươi năm qua. Điều mà thông điệp *Laborem exercens* đã nói tới đến nay vẫn mang tính cách thời sự hơn bao giờ hết : “Phải nhấn mạnh rằng yếu tố cấu tạo và đồng thời việc kiểm chứng đầy đủ nhất về sự tiến bộ trong tinh thần công lý và hòa bình mà Giáo hội công bố và không ngừng cầu nguyện {...} chính là liên tục khẳng định lại giá trị lao động của người, dưới khía cạnh mục đích khách quan cũng như dưới khía cạnh phẩm giá của chủ thể mọi lao động tức là con người”. Trái lại, “người ta không khỏi sửng sốt trước sự kiện đáng ngạc nhiên có một qui mô rộng lớn” : đó là “có những đám người thất nghiệp, những đám người không được sử dụng đúng khả năng {...}. Sự kiện này chắc hẳn chứng tỏ bên trong mỗi cộng đồng chính trị cũng như qua các mối liên hệ giữa các cộng đồng ở mức độ lục địa và toàn cầu – về những gì liên quan tới việc tổ chức lao động và công nhân – có một cái gì bất ổn, và điều bất ổn đó chính là những điểm nguy kịch nhất và quan trọng nhất về phương diện xã hội” (37).

Vì tính cách phổ quát và theo một nghĩa nào đó, vì tính cách tăng thêm nhiều, hiện tượng này cũng như hiện tượng trước, do hậu quả tiêu cực của nó, tạo nên một dấu chỉ rất đặc biệt về tình trạng và phẩm chất của việc phát triển các dân tộc mà hôm nay chúng ta phải đối đầu.

19- Một hiện tượng khác, cũng tiêu biểu cho giai đoạn gần đây – dù không thấy được ở mọi nơi – nhưng chắc hẳn cũng là điểm đặc biệt của sự lệ thuộc lẫn nhau giữa các nước đã phát triển và các nước kém phát triển. Đó là vấn đề nợ nần quốc tế mà Ủy ban Giáo Hoàng “Công Lý và Hòa Bình” đã dành trọn một văn kiện để trình bày (38).

Ở đây không thể yên lặng bỏ qua mối liên hệ chặt chẽ giữa vấn đề này, mà tính cách nghiêm trọng luôn gia tăng đã được thông điệp Populorum Progressio tiên đoán, với việc phát triển các dân tộc (39).

Lý do thúc đẩy các dân tộc đang phát triển chấp nhận được cung cấp thật nhiều vốn là vì hy vọng có thể đầu tư vào những hoạt động phát triển. Do đó, việc sẵn sàng cung cấp vốn và việc nhận vốn với danh nghĩa vay mượn có thể được coi như một góp phần vào chính sự phát triển, tự bản chất đó là điều đáng mong ước và chính đáng, mặc dù đôi khi việc vay mượn ấy thiếu thận trọng và trong một số trường hợp bị coi là vợi vã.

Hoàn cảnh đã đổi thay, tại những nước mắc nợ cũng như trên thị trường tài chính quốc tế, phương tiện được dự liệu để góp phần vào việc phát triển lại biến thành một cơ chế có kết quả trái ngược. Sở dĩ như vậy vì một đằng để trả nợ, các nước vay nợ buộc phải chuyển ra nước ngoài những số vốn cần thiết để phát triển, hay ít nữa để duy trì mức sống của họ, đằng khác cũng vì lý do ấy, họ không thể nhận được những nguồn vốn mới cũng cần thiết.

Do cơ chế đó, phương tiện dành cho “sự phát triển các dân tộc” đã biến thành một cái thảng, và trong một số trường hợp, biến thành một yếu tố làm tăng thêm tình trạng kém phát triển. Như văn kiện mới đây của Ủy Ban Giáo Hoàng “Công Lý và Hòa Bình” đã nói đến (40), những nhận định trên phải giúp suy nghĩ về tính cách đạo đức của việc lệ thuộc lẫn nhau giữa các dân tộc, và để tiếp nối những quan tâm trên, cũng cần phải suy nghĩ về những đòi hỏi và những điều kiện cộng tác vào sự phát triển, do các nguyên tắc đạo đức gợi lên.

20- Ở đây nếu xét đến những nguyên nhân làm trì trệ nghiêm trọng tiến trình phát triển, đi ngược lại với những chỉ dẫn của thông điệp Populorum Progressio, nguồn đem lại biết bao hy vọng, thì chúng ta phải đặc biệt lưu ý tới những nguyên nhân chính trị của tình trạng hiện nay.

Trước toàn bộ những yếu tố hằn là phức tạp đang xảy ra cho chúng ta, thì không thể làm một cuộc phân tích đầy đủ ở đây. Thế nhưng, không được thình lạng bỏ qua một sự kiện nổi bật của bối cảnh chính trị đem lại nét đặc thù cho giai đoạn lịch sử sau thế chiến thứ hai và là một yếu tố quan trọng trong diễn biến phát triển các dân tộc.

Chúng tôi muốn nói đến sự hiện diện của hai khối đối nghịch, thường được gọi bằng những tên theo qui ước là Đông và Tây, hay Phương Đông và Phương Tây. Lý do của cách gọi trên không phải chỉ thuần túy chính trị, mà còn là địa lý chính trị, như người ta thường nói. Mỗi khối cố gắng đồng hóa hay qui tụ chung quanh mình những nước khác hay những nhóm các nước, tùy theo mức độ liên kết hay tham gia khác nhau.

Sự đối nghịch trước hết mang tính cách chính trị, theo nghĩa mỗi khối tìm thấy bản sắc của mình trong một hệ thống tổ chức xã hội và thi hành quyền bính, có khuynh hướng không thể hòa hợp với khối kia; tiếp đến sự đối nghịch chính trị bắt nguồn từ sự đối nghịch sâu xa hơn, thuộc ý thức hệ.

Thực vậy, bên Tây Phương có một hệ thống, xét theo lịch sử khởi đi từ những nguyên tắc của chủ nghĩa tư bản tự do như đã được phát triển ở thế kỷ trước với công cuộc kỹ nghệ hóa; bên Đông Phương có một hệ thống khởi đi từ chủ nghĩa tập sản Macxít, nảy sinh từ cách giải thích tình trạng của các giai cấp vô sản theo lối hiểu riêng về lịch sử. Vì dựa vào hai định kiến khác nhau về con người, tự do và vai trò xã hội, nên mỗi ý thức hệ đều đưa ra và cổ võ trên bình diện kinh tế những hình thức trái ngược nhau về cách tổ chức lao động và các cơ cấu sở hữu, nhất là trong lãnh vực được gọi là những phương tiện sản xuất.

Trong khi mở rộng những hệ thống và những trung tâm quyền lực trái ngược nhau với những hình thức tuyên truyền và thuyết phục riêng của mình, thì đương nhiên sự đối nghịch về ý thức

hệ dần dần biến thành sự đối nghịch về quân sự, làm nảy sinh hai khối cường quốc vũ trang, khối này nghi ngờ và lo sợ khối kia chiếm ưu thế.

Đến lượt mình, các quan hệ quốc tế cũng không thể không chịu ảnh hưởng “lỗi lý luận theo các khối” và những “phạm vi ảnh hưởng” riêng biệt. Nảy sinh từ khi kết thúc thế chiến thứ hai, tình trạng căng thẳng giữa hai khối đã chi phối suốt bốn mươi năm tiếp theo, khi thì mang tính cách “chiến tranh lạnh”, khi thì mang tính cách “chiến tranh ủy nhiệm” nhờ khai thác những tranh chấp địa phương hay để người ta phải sống trong bất ổn và lo âu trước mối đe dọa của một cuộc chiến tranh công khai và toàn diện.

Nếu ngày nay, một nguy cơ như vậy dường như đã rời xa, dù chưa hoàn toàn biến mất, và nếu người ta đã đạt được thỏa hiệp đầu tiên về việc phá hủy một loại trang bị hạt nhân nào đó, thì sự hiện diện và đối nghịch giữa hai khối vẫn còn là một yếu tố có thực và đáng quan ngại, tiếp tục chi phối toàn bộ thế giới.

21- Người ta có thể nhận thấy điều đó, và với một hậu quả hết sức tiêu cực, trong những mối quan hệ quốc tế liên quan tới các nước đang phát triển. Thực vậy người ta biết rằng mối căng thẳng giữa Phương Đông và Phương Tây phát sinh từ một đối nghịch, không phải giữa hai mức độ phát triển khác nhau, nhưng đúng hơn, là giữa hai quan niệm về chính sự phát triển con người và các dân tộc, cả hai đều thiếu sót và cần phải được sửa đổi tận gốc rễ. Sự đối nghịch ấy được chuyển vào bên trong những nước này, góp phần khơi rộng hố sâu vốn đã có trên bình diện kinh tế giữa Bắc và Nam, đồng thời là một hậu quả của khoảng cách phân chia hai thế giới phát triển hơn và kém phát triển.

Đó là một trong những lý do khiến học thuyết xã hội của Giáo hội có thái độ phê phán đối với chủ nghĩa tư bản tự do cũng như đối với chủ nghĩa tập sản Macxít. Thực vậy, theo quan điểm phát triển, đương nhiên người ta sẽ tự hỏi bằng cách nào và tới mức độ nào hai hệ thống trên có thể biến đổi hay thích nghi, để hỗ trợ hay thúc đẩy một sự phát triển thực sự cũng như toàn diện của con người và của các dân tộc trong xã hội hiện nay. Bởi vì những biến đổi và những thích nghi ấy rất cấp bách và cần thiết vì lợi ích phát triển chung cho mọi người.

Các nước mới được độc lập đang cố gắng để có được một bản sắc văn hóa và chính trị, cần sự đóng góp hữu hiệu và không vụ lợi của các nước giàu có và phát triển hơn, họ thấy mình bị liên lụy – đôi khi còn bị lôi cuốn – vào những xung đột ý thức hệ, làm nảy sinh những chia rẽ trong nước không thể tránh được, đến nỗi trong một số trường hợp gây nên những cuộc nội chiến thực sự. Và điều đó xảy ra chỉ vì những vốn đầu tư và viện trợ giúp phát triển thường bị sử dụng sai mục đích và bị lạm dụng để nuôi dưỡng những tranh chấp, ở ngoài và trái với lợi ích của các nước phải được thừa hưởng. Nhiều nước trong số này ngày càng ý thức hơn về nguy cơ trở thành nạn nhân của một chế độ thực dân mới và tìm cách tránh né. Chính một ý thức như vậy đã khai sinh ra Phong trào quốc tế các nước không liên kết, mặc dầu có những khó khăn, những do dự và đôi khi cả những mâu thuẫn nữa. Về phương diện tích cực, phong trào này muốn khẳng định một cách hữu hiệu quyền mỗi dân tộc được có bản sắc, nền độc lập và an ninh riêng của mình, cũng như có quyền được thụ hưởng những phúc lợi dành cho mọi người, trên cơ sở bình đẳng và liên đới.

22- Sau những suy nghĩ trên, chúng ta có thể có được một cái nhìn sáng tỏ hơn về bức tranh của hai mươi năm qua và hiểu rõ hơn những tương phản tồn tại ở phía Bắc, nghĩa là Đông Phương và Tây Phương, như nguyên nhân, dĩ nhiên không phải là nguyên nhân cuối cùng, của việc chậm trễ hay trì trệ ở phía Nam.

Các nước đang phát triển, thay vì trở nên những quốc gia tự trị, nhằm tiến tới việc được phân chia một cách công bằng những của cải và lợi ích dành cho mọi người, thì lại trở nên những bộ phận của một guồng máy, những phần tử của một bánh xe khổng lồ. Điều đó cũng thường được thấy trong lãnh vực các phương tiện truyền thông xã hội, mà phần lớn thời gian được

những trung tâm đặt tại phía Bắc thế giới quản trị, không quan tâm đúng mức tới những ưu tiên và những vấn đề riêng, đồng thời không tôn trọng bản sắc văn hóa của những nước đang phát triển; cũng thường thấy những phương tiện truyền thông trái lại đang áp đặt một cái nhìn méo mó về đời sống cũng như con người và như vậy không đáp ứng được những đòi hỏi của một sự phát triển đích thực.

Mỗi khối, bằng cách riêng của mình, đều che dấu kỹ lưỡng khuynh hướng “đế quốc” theo cách nói thông thường, hay khuynh hướng thực dân mới dưới nhiều hình thức; đó là cơn cám dỗ mà người ta dễ rơi vào, như lịch sử, ngay cả lịch sử gần đây đã cho thấy.

Chính tình trạng bất thường này – hậu quả của một cuộc chiến tranh và nổi bật tâm quá đáng về nền an ninh riêng của mình – đã hãm lại đà liên đới hợp tác giữa mọi người vì lợi ích chung của nhân loại, nhất là gây thiệt hại cho các dân tộc hiếu hòa, vì thấy quyền mình được hưởng những của cải dành cho mọi người bị ngăn chặn.

Nhìn dưới góc cạnh này, sự phân chia thế giới hiện nay là một ngăn trở trực tiếp cho việc biến đổi thực sự những hoàn cảnh chậm tiến tại các nước đang phát triển và tại các nước kém mở mang. Nhưng các dân tộc không mãi cam chịu số phận mình. Hơn thế nữa, chính những nhu cầu của một nền kinh tế bị bóp nghẹt bởi những chi phí quân sự, cũng như bởi chế độ quan liêu và sự thiếu hiệu quả từ bên trong, hình như bây giờ lại cổ vũ cho những tiến trình có thể làm cho tình trạng đối nghịch bớt căng thẳng và dễ dàng thiết lập một cuộc đối thoại hữu ích và một sự hợp tác đích thực vì hòa bình.

23- Theo Thông điệp *Populorum Progressio* các tài nguyên và vốn đầu tư cho việc sản xuất vũ khí phải được dùng để làm giảm bớt nỗi thống khổ của dân nghèo (41), việc công bố trên làm cho lời mời gọi phải vượt lên trên tình trạng đối nghịch giữa hai khối trở nên cấp bách hơn.

Ngày nay, trong thực tế các tài nguyên này được sử dụng để làm cho khối này có thể thắng được khối kia và như thế bảo đảm nền an ninh của riêng mình. Đối với những nước này, dưới khía cạnh lịch sử, kinh tế và chính trị, có khả năng nắm giữ vai trò lãnh đạo, một sai lầm như thế, tự căn bản là một khuyết điểm, gây khó khăn cho việc chu toàn đầy đủ bổn phận liên đới giữa họ với các dân tộc đang khao khát được phát triển toàn diện.

Cần phải xác định ở đây, mà không bị coi là thái quá rằng vai trò lãnh đạo giữa các dân tộc chỉ có thể được biện minh bằng khả năng và ước muốn góp phần vào lợi ích chung một cách rộng rãi và quảng đại.

Một nước, với ít nhiều ý thức, nhượng bộ cho sự cám dỗ tự khép mình, bằng cách trốn tránh các trách nhiệm do địa vị vượt trội của mình trong liên minh với các dân tộc, sẽ thiếu sót nghiêm trọng một bổn phận đạo đức chính xác. Bổn phận ấy có thể dễ dàng nhận ra trong cảnh huống lịch sử, khiến các tín hữu cảm đoán được những sắp đặt của Thiên Chúa quan phòng, dùng các quốc gia để thực hiện những ý định của mình, cũng như “làm tiêu tan những dự tính của muôn dân” (x TV 33, [32], 10).

Trong khi phương Tây đem lại ấn tượng là đang đi tới những hình thức ngày càng thêm cô lập và ích kỷ, và phương Đông, vì những lý do còn đang tranh cãi, dường như không biết đến bổn phận phải cộng tác vào những cố gắng làm giảm bớt nỗi thống khổ của các dân tộc, thì người ta không phải chỉ đứng trước một sự phản bội những mong đợi chính đáng của nhân loại, với những hậu quả không thể lường trước được, mà còn đứng trước việc xóa bỏ thực sự đối với một đòi buộc luân lý.

24- Trước những nhu cầu chính đáng của con người và trước việc sử dụng những phương tiện thích hợp để thỏa mãn những nhu cầu ấy, nếu việc sản xuất vũ khí là một xáo trộn nặng nề đang ngự trị trong thế giới hiện nay, thì việc buôn bán vũ khí cũng vậy. Phải thêm rằng việc đó

còn bị luân lý kết án một cách nghiêm khắc hơn. Như người ta biết, đây là một cuộc buôn bán không biên giới, có thể băng qua những rào cản của các khối. Cuộc buôn bán ấy biết cách vượt lên trên sự phân cách giữa Đông phương và Tây phương, nhất là sự phân cách chống đối giữa Bắc và Nam, đến nỗi – điều này nghiêm trọng hơn – len lỏi vào những miền khác tạo nên khu vực phía nam thế giới. Như vậy, chúng ta đứng trước một hiện tượng khác thường : trong khi những viện trợ kinh tế và những chương trình phát triển bị ngăn chặn do những rào cản về ý thức hệ không thể vượt qua và những rào cản về quan thuế và thị trường, thì vũ khí, bất luận từ đâu, vẫn được lưu hành một cách tự do hầu như tuyệt đối trong các miền khác nhau trên thế giới. Và như tài liệu mới đây của Ủy ban giáo hoàng “ Công Lý và Hòa Bình” về nợ nần quốc tế (42) cho hay : mọi người đều biết rằng trong một số trường hợp các nước chưa phát triển đã sử dụng vốn vay mượn từ các nước phát triển để mua vũ khí.

Cần phải thêm vào đó một nguy cơ khủng khiếp, mà mọi người đều biết, do việc tích lũy các vũ khí hạt nhân một cách không thể tưởng tượng nổi, kết luận đương nhiên là tình hình thế giới hiện nay, kể cả thế giới kinh tế, thay vì tỏ ra quan tâm tới một sự phát triển đích thực đem đến cho mọi người một cuộc sống “xứng hợp với con người hơn” – như thông điệp *Populorum Progressio* (43) mong muốn – thì hình như lại xô đẩy chúng ta tiến mau hơn đến cái chết.

Những hậu quả của một tình trạng như vậy được nhận thấy nơi vết thương ngày càng thêm trầm trọng, vết thương đặc thù và tiêu biểu cho những mất quân bình và xung đột của thế giới hiện nay, là có hàng triệu người tị nạn do chiến tranh, thiên tai, bách hại và kỳ thị đủ mọi loại đã cướp mất của họ nhà cửa, công việc, gia đình và quê hương. Thảm kịch của những đám đông ấy phản chiếu trên khuôn mặt tiêu tụy của những người đàn ông, đàn bà và con trẻ không tìm thấy được một mái ấm trong một thế giới phân rẽ và thờ ơ.

Người ta cũng không thể nhắm mắt trước một vết thương đau đớn khác của thế giới hôm nay : hiện tượng khủng bố, được hiểu như một quyết tâm tiêu diệt và phá hủy không phân biệt người và của, tạo nên một bầu khí sợ hãi và bất an, thường kèm theo việc bắt cóc con tin. Để bênh vực cho hành động bất nhân ấy, dù có đưa ra một ý thức hệ nào chẳng nữa, hay viện cớ xây dựng một xã hội tốt đẹp hơn, thì các hành động khủng bố vẫn không bao giờ có thể được biện minh. Càng không thể được biện minh, như thường xảy ra hiện nay, khi những quyết định và những hành động như vậy đôi lúc trở thành những cuộc thăm sát thực sự, cũng như việc bắt cóc những người vô tội và không liên quan tới những xung đột, chỉ nhằm mục đích tuyên truyền cho phe nhóm mình bênh vực, hay tệ hơn nữa, những hành động ấy mặc nhiên trở thành mục đích, theo kiểu người ta giết chỉ đơn thuần để mà giết. Trước một cảnh tượng hãi hùng như thế cũng như trước biết bao nhiêu đau khổ, những lời tôi đã nói cách đây vài năm và tôi còn muốn lặp lại, vẫn giữ nguyên giá trị : “Kitô giáo cấm (...) sử dụng những đường lối hận thù, tàn sát những người không được bảo vệ và những phương pháp khủng bố” (44).

25- Ở đây cũng phải nói qua về vấn đề dân số và về cách thức bàn đến vấn đề này hiện nay, như Đức Phaolô VI đã chỉ vẽ trong thông điệp của ngài (45) và như chính tôi cũng đã trình bày một cách đầy đủ trong tông huấn *Familiaris Consortio* (46).

Người ta không thể chối bỏ, nhất là tại khu vực phía Nam hành tinh, vấn đề dân số tự bản chất đã tạo nên những khó khăn cho việc phát triển. Cũng nên thêm ngay rằng, tại khu vực phía Bắc, vấn đề này được đặt ngược lại : điều đáng bận tâm, đó là việc giảm sút tỷ lệ sinh sản kèm theo sự lão hóa của dân chúng như một hậu quả đương nhiên, làm cho không thể đổi mới ngay cả về mặt sinh học. Hiện tượng này có thể gây cản trở cho việc phát triển. Cũng không thể xác quyết được rằng những khó khăn loại này chỉ xuất phát từ việc gia tăng dân số, cũng không thể chứng minh được rằng mọi gia tăng dân số đều không thể đi đôi với việc phát triển có trật tự.

Đàng khác, thật đáng lo sợ khi nhận thấy nhiều nước đã phát động những chiến dịch có hệ thống để chống lại việc sinh sản, do sáng kiến của nhà nước, không những ngược lại với bản

sắc văn hóa và tôn giáo của những nước ấy mà còn ngược lại với bản chất của sự phát triển đích thực. Những chiến dịch này thường bị áp lực và được vốn ngoại quốc tài trợ, và ở nơi này hay nơi khác, người ta còn coi đó là điều kiện cho việc giúp đỡ và viện trợ về kinh tế cũng như tài chánh. Trong mọi trường hợp, đó là một sự hoàn toàn thiếu tôn trọng quyền tự do quyết định của những người liên hệ, nam cũng như nữ, thường bị áp lực quá sức chịu đựng, kể cả những ép buộc về kinh tế, khiến họ phải quy phục những hình thức đàn áp mới. Chính những đám dân nghèo nhất lại bị ngược đãi, và điều này đôi khi làm phát sinh khuynh hướng chủ nghĩa chủng tộc, hoặc khuyến khích việc áp dụng một số những hình thức ưu sinh, cũng là một thứ chủ nghĩa chủng tộc.

Sự kiện trên đáng bị lên án thật nghiêm khắc, đó là là dấu chỉ của một quan niệm sai lạc và xấu xa về sự phát triển đích thực của con người.

26- Một bức toàn cảnh, chủ yếu là tiêu cực, về tình trạng đích thực của sự phát triển trong thế giới hiện nay sẽ không đầy đủ nếu không ghi nhận đồng thời cũng có những khía cạnh tích cực.

Điểm tích cực đầu tiên là có nhiều người, nam cũng như nữ, ý thức đầy đủ về phẩm giá của mình và của mỗi con người. Ý thức ấy được biểu lộ, chẳng hạn qua việc khắp nơi người ta quan tâm mạnh mẽ đến việc tôn trọng nhân quyền, cũng như qua việc dứt khoát bác bỏ những vi phạm. Người ta ghi nhận một dấu chỉ nói lên điều ấy nơi những hiệp hội tư nhân mới được thành lập, một số đã có được tầm mức quốc tế, và hầu hết đều có mục đích theo dõi kỹ lưỡng và khách quan những biến cố xảy ra trên thế giới trong một lãnh vực tế nhị như vậy.

Trên bình diện này, phải nhìn nhận ảnh hưởng của Bản Tuyên Ngôn Nhân Quyền được Tổ chức Liên Hiệp Quốc công bố cách đây gần bốn mươi năm. Ngay việc bản Tuyên ngôn ra đời và dần dần được cộng đồng quốc tế chấp nhận đã là một dấu chỉ cho thấy ý thức ngày càng thêm vững mạnh. Vẫn trong lãnh vực nhân quyền, cũng cần phải nói như vậy về các văn kiện pháp lý của Tổ chức Liên Hiệp Quốc hay của các Tổ chức quốc tế khác (47).

Sự ý thức chúng ta nói tới không phải chỉ là việc làm của những cá nhân mà còn là việc làm của các quốc gia và các dân tộc, những thực thể có một bản sắc văn hóa nhất định, vốn đặc biệt nhạy cảm đối với việc duy trì, tự do quản lý và phát huy di sản quý báu của mình.

Đồng thời, trong thế giới bị phân chia và bị xáo trộn bởi mọi thứ tranh chấp, người ta thấy gia tăng niềm xác tín về một sự hoàn toàn lệ thuộc lẫn nhau, và vì thế cũng gia tăng sự cần thiết của tình liên đới muốn đảm nhận và biểu lộ sự lệ thuộc ấy trên bình diện luân lý. Ngày nay, có lẽ còn hơn cả thời xưa, con người hiểu rằng mình có một vận mệnh chung phải cùng nhau xây dựng nếu muốn cho mọi người thoát khỏi thảm họa. Với nỗi lo âu, sợ hãi và những hiện tượng đào thoát như ma túy, tiêu biểu cho thế giới hiện đại, người ta thấy lớn dần ý tưởng cho rằng lợi ích mà tất cả chúng ta được mời gọi đến và hạnh phúc mà chúng ta mong ước chỉ có thể đạt được nếu mọi người cùng cố gắng và thi hành, không trừ một ai, điều này đòi phải loại bỏ tính ích kỷ của riêng mình.

Ở đây cũng phải ghi nhận rằng, mặc dù mọi cám dỗ hủy diệt sự sống, từ việc phá thai đến việc tạo nên cái chết êm dịu, thì việc lo lắng sống chung hòa bình là như dấu chỉ của việc tôn trọng sự sống, và một lần nữa, ý thức rằng hòa bình không thể chia cắt được; đó là việc làm của mọi người, hay của không ai cả. Một nền hòa bình luôn đòi hỏi phải hết sức tôn trọng công lý và do đó, cũng phải phân phối công bằng những thành quả của sự phát triển đích thực.

Trong những triệu chứng tích cực của thời buổi hiện nay, còn phải ghi nhận một ý thức rộng rãi hơn về những giới hạn của các tài nguyên sẵn có, việc cần thiết phải tôn trọng sự toàn vẹn và những nhịp điệu của thiên nhiên cũng như phải cân nhắc trong việc lên kế hoạch phát triển,

thay vì hy sinh chúng theo một số quan niệm có tính cách my dân. Điều đó ngày nay người ta gọi là sự quan tâm tới sinh thái.

Cũng phải công bằng nhìn nhận rằng những vị cầm quyền, những người làm chính trị, kinh tế, những nghiệp đoàn, những nhà khoa học và những viên chức quốc tế – trong đó nhiều người chịu ảnh hưởng của niềm tin tôn giáo – họ cố gắng tìm cách chữa trị những tai họa của thế giới, dù bản thân phải hy sinh nhiều, và với tất cả những phương tiện có thể, họ cố gắng lo cho một số người ngày càng đông, nam cũng như nữ, được hưởng thành quả của hòa bình và một cuộc sống xứng đáng hơn (48).

Các Tổ chức lớn quốc tế và một số tổ chức cấp miền đã đóng góp nhiều vào công việc đó bằng cách liên kết những cố gắng của mình để việc can thiệp được hữu hiệu hơn.

Cũng để góp phần mà một vài nước thuộc thế giới thứ ba, dù còn phải gánh chịu nhiều điều kiện tiêu cực, đã đạt được một sự tự túc nào đó về lương thực, hay một mức độ kỹ nghệ hóa khả dĩ tồn tại một cách xứng đáng và bảo đảm công ăn việc làm cho lớp người lao động.

Vậy trong thế giới hiện đại, không phải tất cả đều là tiêu cực, và không thể khác được, vì Chúa Cha quan phòng luôn yêu thương chăm sóc đến cả những lo lắng thường ngày của chúng ta (x Mt 6,25-32; 10,23-31; Lc 12,6-7.22-30); hơn nữa, những giá trị tích cực chúng ta đã nêu lên chứng tỏ có một nỗi bận tâm mới về luân lý, nhất là những gì liên quan tới những vấn đề lớn của con người như phát triển và hòa bình.

Thực tại này làm tôi phải suy nghĩ về bản chất đích thực của sự phát triển các dân tộc theo đường hướng thông điệp chúng ta mừng kỷ niệm và bằng cách tỏ lòng mộ mến giáo huấn của thông điệp ấy.

[còn tiếp](#)

Chú thích:

- 1- Lêo XIII, *Tđ Rerum Novarum* (15.5.1891) : *Leonis XIII P.M. Acta*, XI, Roma 1892, trang 97-144.
- 2- Piô IX, *Tđ Quadragesimo anno* (15.5.1931) : *AAS* 23 (1931), trang 177-228; Gioan XIII, *Tđ Mater et Magistra* (15.5.1961) : *AAS* 53 (1961), trang 401-464; Phaolô VI, *Tđ Octogesima Adveniens* (14.5.1971) : *AAS* 63 (1971), trang 404-434; Gioan-Phaolô II, *Tđ Laborem Exercens* (14.9.1981) : *AAS* 73 (1981), trang 577-647; Piô XII đã công bố một sứ điệp truyền thanh (1.6.1941), nhân kỷ niệm năm thứ 50 thông điệp của Đức Lêo XIII : *AAS* 33 (1941) trang 195-205.
- 3- Xem *Cđ Vat II*, Hiến chế về mạc khải của Thiên Chúa *Dei Verbum*, số 4.
- 4- Phaolô VI, *Tđ Populorum Progressio* (26.3.1967) : *AAS* 59 (1967), trang 257-299.
- 5- Xem *L'Observatore Romano*, 25.3.1987.
- 6- Xem Thánh bộ Giáo lý Đức tin, *Huấn thị về tự do Kitô giáo và giải phóng Libertatis conscientia* (22.3.1986), số 72 : *ASS* 79 (1987), trang 586; Phaolô VI, *Tđ Octogesima adveniens* (14.5.1971) số 4 : *AAS* 63 (1971), trang 403-404.
- 7- Xem *Tđ Redemptoris Mater* (15.3.1987) số 3 : *AAS* 79 (1987), trang 363-364; Bài giảng lễ ngày 1.1.1987 : *L'Observatore Romano* 2.1.1987.
- 8- *Tđ Populorum Progressio*, trích dẫn các tài liệu *Cđ Vat II* 19 lần, trong đó 16 lần rút từ Hiến chế mục vụ về Giáo hội trong thế giới ngày nay *Gaudium et Spes*.
- 9- *Gaudium et Spes*, số 1.
- 10- Tài liệu đã dẫn số 4; Xem *Tđ Populorum Progressio* số 13, quyển C, trang 263-264.
- 11- Xem *Gaudium et Spes*, số 3; *Tđ Populorum Progressio* số 13, quyển C, trang 264.
- 12- Xem *Gaudium et Spes*, số 63; *Tđ Populorum Progressio* số 9, quyển C, trang 261-262.
- 13- Xem *Gaudium et Spes*, số 69; *Tđ Populorum Progressio* số 22, quyển C, trang 269.
- 14- Xem *Gaudium et Spes*, số 57; *Tđ Populorum Progressio* số 41, quyển C, trang 77.

- 15- Xem *Gaudium et Spes*, số 19; *Tđ Populorum Progressio* số 41, quyển C, trang 277-278.
- 16- Xem *Gaudium et Spes*, số 86; *Tđ Populorum Progressio* số 48, quyển C, trang 281.
- 17- Xem *Gaudium et Spes*, số 69; *Tđ Populorum Progressio* số 14-21, quyển C, trang 264-268.
- 18- Xem *Dẫn nhập của Tđ Populorum Progressio*, quyển C, trang 257.
- 19- *Tđ Rerum Novarum* của Lêô XII với chủ đề chính là “Thân phận người lao động” : Leonis XIII P.M. Acta, XI, Rôma 1892, trang 97.
- 20- Xem *Thánh bộ Giáo lý Đức tin, Huấn thị về tự do Kitô giáo và giải phóng Lebertatis conscientia* (22.3.1986), số 72 : AAS 79 (1987), trang 586; Phaolô VI, *Tt Octogesima adveniens* (14.5.1971) số 4 : AAS 63 (1971), trang 403-404.
- 21- Xem *Tđ Mater et Magistra* (15.5.1961) : AAS 53 (1961), trang 440.
- 22- *Gaudium et Spes*, số 63.
- 23- *Tđ Populorum Progressio* số 3, quyển C, trang 263-258; Xem số 9, quyển C, trang 261.
- 24- Xem *tđđ* số 3, quyển C, trang 258.
- 25- Xem *tđđ* số 48, quyển C, trang 281.
- 26- Xem *tđđ* số 14, quyển C, trang 264 : “Sự phát triển không được giản lược vào việc lớn mạnh đơn thuần về kinh tế. Một sự phát triển đích thực phải mang tính cách toàn diện, nghĩa là thăng tiến mọi người và toàn diện con người”.
- 27- *Tđđ*, số 87, quyển C, trang 299.
- 28- Xem *tđđ* , số 53, quyển C, trang 283.
- 29- Xem *tđđ*, số 76, quyển C, trang 295.
- 30- Hai thập niên đó là những năm 1960-1970 và 1970-1980. Chúng ta hiện đang ở vào thập niên thứ ba 1980-1990.
- 31- Từ ngữ “thế giới thứ tư” được dùng không những để nói về những nước chậm tiến, mà nhất là còn nói về những khu vực rất nghèo hay quá túng cực tại những nước có lợi tức cao hay trung bình.
- 32- *Cđ Vat II, Hiến chế tín lý về Giáo hội Lumen gentium*, số 1.
- 33- Xem *Tđ Populorum Progressio* số 33, quyển C, trang 273.
- 34- Chúng ta biết rằng Tòa Thánh đã tham gia vào việc cử hành Năm quốc tế này bằng một văn kiện đặc biệt của Ủy ban Giáo Hoàng “Công lý và Hòa bình” : *Bạn đã làm gì cho người anh em không chỗ nương thân ? Giáo hội và vấn đề nhà ở* (ngày 27 tháng 12 năm 1987).
- 35- Xem Phaolô VI, *Tt Octogesima Adveniens* (14.5.1971), số 8-9 : AAS 63 (1971), trang 406-408.
- 36- Tập nghiên cứu về kinh tế thế giới năm 1987 do Liên Hiệp Quốc ấn hành chứa đựng nhiều dữ kiện về các vấn đề này (trang 8-9). Tỷ lệ thất nghiệp trong các nước phát triển với nền kinh tế thị trường đã tăng từ 3% năm 1970 lên 8% năm 1986. Số người thất nghiệp hiện nay là 29 triệu.
- 37- *Tđ Larorem Exercens* (14.9.1981) số 18 : AAS 73 (1981), trang 624-625.
- 38- *Để phục vụ cộng đồng nhân loại; một cái nhìn đạo đức về vấn đề nợ nần quốc tế* (27.12.1986).
- 39- *Tđ Populorum Progressio* số 4, quyển C, trang 283-284 : “Các nước đang phát triển sẽ không còn bị đè nặng do những món nợ mà rõ ràng là dịch vụ đang làm tiêu tan những món tiền kiếm được. Mức lãi xuất và thời hạn vay mượn phải được điều chỉnh lại, để cả hai phía đều có thể chấp nhận được, đồng thời phải cân bằng các món tiền trợ cấp nhưng không, các khoản cho vay không lấy lời hay lấy lời rất ít và thời gian để trả dần”.
- 40- Xem phần “Giới thiệu văn kiện Để phục vụ cộng đồng nhân loại : một cái nhìn đạo đức về vấn đề nợ nần quốc tế (27.12.1986).
- 41- Xem *Tđ Populorum Progressio* số 53, quyển C, trang 283.
- 42- *Để phục vụ cộng đồng nhân loại* (27.12.1986). III.2.1.
- 43- Xem *Tđ Populorum Progressio* số 20-21, quyển C, trang 267-268.
- 44- *Bài giảng gần Drogheda, Ái Nhĩ Lan* (29.9.1979), số 5 : AAS 71 (1979), II trang 1097.
- 45- Xem *Tđ Populorum Progressio* số 37, quyển C, trang 275-276.
- 46- *Th Familiaris Consortio* (22.11.1981), đặc biệt số 30 : AAS 74 (1982) trang 115-117.
- 47- Xem *Nhân quyền. Tuyển tập các tài liệu quốc tế, Liên Hiệp Quốc, Nữu Ước 1983; Gioan-Phaolô II, Tđ Redemptor Hominis* (4.3.1979), số 17 : AAS 71 (1979), trang 296.

48- Xem *Cơ Vạt II, Hiến chế mục vụ về Giáo hội trong thế giới ngày nay Gaudium et Spes; Phaolô VI, Td Populorum Progressio, số 76, quyển C, trang 294-295* : “*Diệt trừ đói khổ và chống lại bất công là cách cổ võ tốt nhất cho sự tiến bộ về nhân bản và về tinh thần của mọi người, cũng như cho lợi ích chung của nhân loại. Hòa bình {...} được xây dựng ngày qua ngày, trong việc theo đuổi một trật tự được Thiên Chúa muốn, bao gồm một nền công lý hoàn hảo hơn giữa người với nhau*”.

VỀ MỤC LỤC

LÙN CHƯA CHẮC ĐÃ THẤP (CN 31C)

“Nhất lé nhì lùn.” Người Việt ta hay nói vậy. Vì không phải là người Việt, nên không chắc Chúa Giêsu đã biết câu cảnh báo này : *Đừng chơi nhà thẳng lé, đừng ghé nhà thẳng lùn*. Có lẽ Chúa không biết câu ấy thật nên hôm nay Chúa không những đã ghé, mà còn ở lại ăn cơm, nơi nhà một người rất lùn, tên là Giakêu. Ông lùn nhưng ông không thấp. Lùn chưa chắc đã thấp. Bởi :

1. Giakêu lùn nhưng có một quyết tâm cao.

Quyết tâm cao được thể hiện bằng cách :

-*Leo lên cây cao* : Để gặp Chúa, người ta phải biết vượt cao hơn cái trần tục của mình. Leo cao, bao giờ cũng đòi phải cố gắng. Ông leo cao để tìm Chúa. Và rồi ông gặp được Chúa thật. Vì vừa ngay lúc ấy, Chúa đến nơi, và Người nhìn lên, bốn mắt gặp nhau, Chúa đọc được cái khát vọng trong lòng ông Giakêu. Chúa thương thiện chí của ông. Chúa cảm động trước cố gắng của ông. Và rồi Chúa gọi ông xuống. Chúa chừa vào nhà ông, nhưng Chúa đã cho ông vào lòng Chúa rồi. Ông vẫn còn ngồi trên cây, nhưng Chúa đã đưa ông vào trong trái tim Chúa rồi. Chưa ai như Chúa, chủ nhà chừa mời mà Chúa đã tự mời mình vào nhà người ta. “*Này Giakêu, xuống mau đi, vì hôm nay tôi phải ở lại trong nhà ông.*”

Quyết tâm cao khác của Giakêu, đó là :

-*Quyết mở hầu bao* : Và khi gặp Chúa rồi, ắt hẳn ông phải có một quyết tâm cực cao, ông mới mở nổi hầu bao cắt đi những đồng tiền liền khúc ruột.

Khi Chúa Giê-su nói với ông rằng hôm nay Ngài sẽ đến nhà ông, và khi ông đã khám phá ra rằng mình đã gặp được một người bạn mới rất tuyệt diệu, lập tức ông có một quyết định. Ông đã quyết định đem *nửa phần gia tài* mình phân phát cho người nghèo, và *nửa phần còn lại* ông cũng không giữ riêng cho ông, song ông sẽ dùng để đền bù cho tất cả những gian lận mà ông tự thú đã phạm.

Trong việc đền trả này ông lại còn đi xa hơn điều luật pháp đòi hỏi. Chỉ khi nào trộm (cướp thì đúng hơn) là một hành động *bạo lực* và dụng tâm gây tàn hại, bấy giờ mới buộc phải đền *gấp bốn* (x. Xh 22,1). Nếu chỉ là việc trộm cắp thường và nguyên vật không thể hoàn trả, thì phải tính *gấp đôi* mà đền (x. Xh 22,4.7). Nếu bị can tự thú và tình nguyện hoàn trả thì chỉ phải trả theo giá nguyên vật, cộng thêm một phần năm nữa thôi (x. Ds 5,7). Giakêu nhất định làm nhiều hơn điều luật pháp đòi hỏi. Bằng hành động, ông tỏ ra đã được biến cải.

Giáo sĩ Boreham có kể một chuyện đáng ghi. Trong một buổi họp kia, khi vài ba bà đứng lên làm chứng ơn phước đã được ban, có một bà ngồi câm lặng buồn rầu. Người ta mời bà làm

chứng thì bà từ chối. Khi hỏi lý do, bà trả lời : *"Trong số những bà vừa đứng lên làm chứng đó có bốn bà nợ tiền tôi mà tôi và gia đình tôi đang đói lắm vì không có tiền mua thức ăn."* Lời chứng sẽ hoàn toàn vô giá trị nếu không được bảo đảm bằng hành động thực tế xác nhận cho sự thành thực của lời nói. Chúa Giê-su không đòi sự thay đổi trong lời nói, nhưng Ngài đòi hỏi sự thay đổi trong đời sống.

Giakêu Lùn chưa chắc đã thấp, vì Giakêu có quyết tâm cao

Và Giakêu Lùn chưa chắc đã thấp bởi lẽ Giakêu vẫn cao vì không bị đè nặng.

2. Giakêu lùn nhưng vẫn cao vì không bị đè nặng

Người ta nói tập tạ thì lùn, vì bị tạ đè lên người. Nhưng vẫn có những người không tập tạ, mà vẫn lùn, không sao cao lên được, vì bị đè bởi những gánh nặng : gánh nặng tội lỗi, gánh nặng tài sản.

-gánh nặng tội lỗi, đè bẹp con người làm con người cứ đi trong tầng thấp không sao nâng cao lên được.

-gánh nặng tài sản, của cải: tường ở lầu cao, ăn cao lương mỹ vị, nhưng mấy khi họ được thanh thản vươn cao, bởi lúc nào cũng ưu tư lo lắng, làm sao giữ được tiền, làm sao cho tiền sinh lợi. Còn Giakêu, của cải không đè bẹp ông làm ông thấp, bởi ông trở thành cao cả, vì ông đã biết sống có tình người.

"Tôi xin lấy nửa gia tài của tôi mà cho người nghèo."

Rất lạ. Việc đầu tiên lại là nghĩ đến người nghèo ? Phải chăng, dưới ánh sáng của Chúa, ông đã chợt nhận ra rằng : suốt những tháng năm qua, ông đã là kẻ ích kỷ, đóng khung. Ông đã không hề biết đến "tình người". Sống mà không biết đến người khác, là tự huỷ cái tính đồng loại của mình. Ông chỉ là một kẻ ích kỷ. Kẻ ích kỷ là kẻ cô đơn nhất trong cuộc đời. Bởi không bao giờ, người ích kỷ có một chỗ đứng trong con tim người khác.

Bây giờ ông Giakêu muốn trở lại, hội nhập lại với cộng đồng, ông muốn san sẻ, ông muốn mình thành kẻ hữu ích cho cuộc đời.

"Và nếu tôi đã chiếm đoạt của ai cái gì, tôi xin đền gấp bốn."

Trước đây, hằn vớ nghề nghiệp thu thuế của mình, nhiều lúc ông đã là kẻ gian tham, nhưng sao những lúc ấy, ông vẫn thấy cứ tỉnh bơ. Giờ này gặp được Chúa, ông đã thấy những bất công ấy là tội ác. Ông nghiệm ra rằng : Sự gian dối luôn là một gánh nặng, đè trĩu linh hồn con người. Chỉ có sự công bằng, bác ái mới làm hồn con người thanh thản và bình an và bay cao.

Ông trở thành cao cả, bởi tâm hồn ông bây giờ thanh thản, trắng trong, không bận vương, tựa Nguyễn Công Trứ : *"nợ tang bằng trắng trắng vỗ tay reo."* Chiều cao thân xác Giakêu vẫn thấp, nhưng chiều cao linh hồn ông giờ đã ngất cao khi ông chia của cải cho người thấp bé.

Bởi vậy, lùn chưa chắc đã thấp.

Chúng ta nếu không muốn lùn vì bị đè nặng bởi tội lỗi và của cải thì hãy noi gương Giakêu rộng tay phân phát, nhất là cho đồng bào bị bão lụt miền Trung mà chúng ta quên góp hôm nay. Rộng tay làm phúc cũng được tha thứ tội khiên nữa chứ không phải chơi. Thánh Phêrô viết như vậy trong thư thứ nhất : *"Anh em hãy hết tình yêu thương nhau, vì lòng yêu thương che phủ muôn vàn tội lỗi"* (I Pr 4,8). Thực ra Phêrô trích từ sách Châm Ngôn : *"Ghen ghét sinh cãi vã, tình yêu khỏa lấp mọi lỗi lầm"* (Cn 10, 12). Mà không cần sách Châm Ngôn, hay Thư

Phêrô, chúng ta được chính Chúa Giêsu nói trong bài Tin Mừng hôm nay : Hôm nay nhà này (Giakêu) được ơn cứu độ. Giakêu dùng cửa cải làm việc bác ái, vừa trút được gánh nặng tội lỗi vừa không bị cửa cải đè đầu, nên Giakêu lùn mà vẫn cao. Hãy noi gương Giakêu, là ta không bị đè nặng bởi tội, không bị đè bẹp bởi tiền, ta hiên ngang vươn cao tới Chúa. Lùn chưa chắc đã thấp, nhưng như Giakêu lùn mà vươn cao tới tận trời xanh, nơi có Chúa ngự trị. Amen

Anphong Nguyễn Công Minh, ofm

(lấy ý của Lm Đaminh Thiêm, và Lm Hàm)

VỀ MỤC LỤC

HÃY NÊN THÁNH VÌ TA LÀ ĐẲNG THÁNH

Lễ Các Thánh Nam Nữ

(Mt 5, 1-12a)

Kính mời theo dõi video bài giảng tại đây:

<https://www.youtube.com/watch?v=EUn42oFqYbk&feature=youtu.be>

Phụng vụ lễ trọng kính Các Thánh Nam Nữ của Thiên Chúa hôm nay, với lời kinh, tiếng hát, các bài đọc, thánh ca lời cuốn tâm hồn chúng ta vượt qua không gian và thời gian, bay lên cõi trời cao để chiêm ngưỡng Các Thánh, những người được coi là diễm phúc. Chúng ta vui mừng chiêm ngưỡng thành Giê-su-sa-lem thiên quốc là Mẹ chúng ta. Nơi đó, có Đức Maria và anh chị em chúng ta là toàn thể các thánh muôn đời ca tụng Chúa, và chúng ta là lũ khách được đức tin soi dẫn đang vội vã tiến về và ước ao trở nên như thế.

Trong ngày lễ Các Thánh Nam Nữ, thánh Bernardô đã bắt đầu bài giảng nổi tiếng với câu hỏi như sau : "*Có ích gì hay không lời chúc tụng của chúng ta dành cho các vị thánh, có ích gì hay không lời tôn vinh của chúng ta, có ích gì hay không việc chúng ta cử hành long trọng như thế này?*" Đây cũng là câu hỏi đặt ra cho chúng ta ngày hôm nay. Câu trả lời của thánh Bernardô thật thú vị và cũng rất thời sự: "*Những vị thánh của chúng ta không cần đến những danh dự chúng ta dành cho các ngài, và việc phụng tự chúng ta dành cho các ngài cũng không mang lại cho các ngài điều gì thêm. Phần tôi, tôi cần thú nhận rằng, khi tôi nghĩ đến các vị thánh, tôi cảm thấy bừng cháy lên những ước muốn to lớn*".

Ước muốn to lớn mà thánh Bernardô nói ở trên là ước muốn nên thánh. Cho dù việc chúng ta mừng kính chẳng thêm ích gì cho Các Thánh, nhưng điều đó lại thúc dục chúng ta trở nên thánh. Ai trong chúng ta lại không mơ ước trở nên tốt lành. Chúng ta mong lắm, thích lắm, vì trở nên tốt lành là trở về với bản chất của mình, trở nên giống Chúa là Chân, Thiện, Mỹ. Thiên Chúa đã dựng nên chúng ta theo hình ảnh của Chúa, giống như Chúa (x.St 1, 26-27). Tự bản chất, chúng ta giống Chúa, tâm hồn chúng ta đẹp như Chúa. Nhưng tội lỗi làm cho tâm hồn chúng ta ra nhem nhuốc, xấu xí, không còn giống Chúa nữa. Chúng ta bị tha hoá, bị khác đi, không còn giữ được bản chất tốt lành thừa ban đầu nữa. Nên trọn lành là trở nên giống Chúa, và ai trong chúng ta cũng có thể trở nên giống Chúa. Chúa muốn tất cả chúng ta sẽ là những vị thánh : "*Bởi chưng đã viết rằng: Các người hãy là thánh vì Ta là Thánh*" (1Pr 1, 16).

Đầu mỗi câu Tin Mừng hôm nay bằng từ "*phúc*". Chúng ta có thể suy diễn rằng, Thiên Chúa muốn chúng ta là những thánh nhân, phúc nhân. Phúc cho những ai nghèo khó trong tinh thần, phúc cho những ai đau khổ, phúc cho những kẻ hiền lành, phúc cho những ai đói khát sự công

chính, phúc cho những kẻ có lòng nhân từ, phúc cho những ai có lòng trong sạch, phúc cho những ai hoạt động cho hoà bình, phúc cho những ai bị bách hại vì lẽ công chính (x. Mt 5, 3-10). Quả thật, chỉ một mình Chúa Giêsu là Đáng có phúc tuyệt hảo, là Đáng nghèo khó thật trong tinh thần, là Đáng đau khổ, hiền lành, là Đáng đói khát sự công chính, là Đáng nhân từ, và trong sạch trong tâm hồn, là Đáng hoạt động cho hoà bình, là Đáng bị bách hại vì lẽ công chính, nhưng Chúa muốn chúng ta noi theo.

Một mối phúc đặc biệt linh hứng sự chọn lựa đoạn này: "*Phúc thay ai khát khao nên người công chính, vì họ sẽ được Thiên Chúa cho thoả lòng*" (Mt 5,10). Trong số chúng ta đã có những người đói và khát sự công chính, theo ngôn ngữ Kinh Thánh, nghĩa là sự thánh thiện. Với sự thôi thúc của ơn thánh Chúa, các ngài không bằng lòng với sự kém cỏi; các ngài không bằng lòng với những biện pháp nửa vời, bằng mọi cách phấn đấu để nên thánh. Các ngài "đã giặt áo mình trong máu Con Chiên", và "tách biệt" khỏi tất cả những gì ô ւế.

Tuy nhiên lời mời gọi nên thánh vẫn là một thách thức cho chúng ta, giữa một thế giới có quá nhiều lời kéo mời chào, cám dỗ, khiến chúng ta bị lạc lối hoặc nản nã trước lời mời gọi sống thánh. Cái cám dỗ lớn nhất có lẽ là cái cám dỗ làm nhụt chí, nản lòng, khi chúng ta tự nói rằng: việc nên thánh là của ông kia bà nọ, của ai đó, chứ không phải của tôi! Lời thánh Augustinô là một khích lệ lớn cho chúng ta: "*Ông kia bà nọ nên thánh, tại sao tôi lại không?*" Chúng ta hãy noi gương các Thánh là những người anh em, bạn bè, ân nhân đã đi trước chúng ta và giờ đây đang phù trợ cho chúng ta trước tôn nhan Thiên Chúa.

Điều làm cho chúng ta phấn khởi là Các Thánh trên trời rất đông, rất nhiều người trong nhân loại, trong đó có thể có những người thân của chúng ta, khi còn sống, họ đã trải qua biết bao nhiêu đau khổ và thăng trầm, nhưng cuối cùng đã được thanh tẩy mình trong máu Con Chiên là Chúa Giêsu, họ đã trở nên tinh tuyền, sạch đẹp và đang hưởng hạnh phúc với Chúa.

Hôm nay Các Thánh Nam Nữ thúc giục chúng ta cách : "hãy cố lên! " Ai trong chúng ta cũng phải cố lên. Có rất nhiều người đã thành công. Sách Khải huyền nói đến một đoàn người thật đông đảo không tài nào đếm nổi, thuộc mọi dân, mọi nước và mọi ngôn ngữ (x. Kh 7, 9) nên chúng ta hy vọng chắc mình sẽ làm thánh nếu ta thực hành Lời Chúa dạy.

Thôi, chúng ta phải nên thôi, vì Chúa mời gọi chúng ta nên giống Ngài : "*Các người hãy Thánh, vì Ta là Thánh*" (Lv 19,2). Công Đồng Vatican II cũng khẳng định là ơn gọi của mọi người tín hữu là nên thánh. Vậy, hãy can đảm từ chối những lời ngọt ngào giả tạo, và quyết tâm sống theo Tin Mừng của Chúa Giêsu Kitô và Tám Mối, chúng ta sẽ là những vị thánh như Các Thánh mà Giáo hội mừng kính hôm nay.

Nguyện xin Đức Maria, Mẹ Chúa Giêsu, Đáng trọn vẹn thánh thiện, làm cho chúng ta trở thành những môn đệ trung thành của Chúa Giêsu Con Mẹ. Amen.

Lm. Antôn Nguyễn Văn Độ

[VỀ MỤC LỤC](#)

NĂNG TƯỞNG NHỚ CẦU NGUYỆN CHO TIỀN NHÂN

HIỆP SỐNG TIN MỪNG

LỄ CÁC ĐẰNG LINH HỒN

Ga 6,32-40

1. LỜI CHÚA: “Thật vậy, ý của Cha tôi là tất cả những ai thấy người Con và tin vào người Con, thì được sống muôn đời, và tôi sẽ cho họ sống lại trong ngày sau hết.” (Ga 6,40).

2. CÂU CHUYỆN:

1) NGUỒN GỐC LỄ CẦU HỒN (02/11):

Thánh Odilo (962- 1048) là viện phụ đan viện Cluny. Đan viện này nằm trong phần đất của đế quốc Germany. Ngài là một người nhân đức, hằng ngày cầu nguyện hi sinh và dâng lễ cầu nguyện cho các linh hồn đã qua đời.

Một hôm, một đan sĩ trong đan viện Cluny đi viếng Đất thánh. Trên đường trở về Đan viện, tàu chở vị đan sĩ bị bão đánh giạt vào một hòn đảo. Tại đó, đan sĩ gặp một ẩn sĩ và được ẩn sĩ chia sẻ: “Trên đảo này có nhiều hang lửa, trong hang có nhiều người bị hành hạ, đánh đập. Tôi thường nghe các tên quỷ phản nản với nhau về Viện phụ Odilo và các đan sĩ trong đan viện của ngài rằng: ngày nào họ cũng giải thoát một số linh hồn ra khỏi hang lửa đó. Vì thế, xin thầy về nói với cha Odilo và các anh em trong Dòng cứ tiếp tục cứu giúp các linh hồn đau khổ. Đó cũng là niềm vui cho các thánh trên thiên đàng và làm cho quỷ dữ thêm đau khổ dưới Hỏa ngục”.

Sau khi nghe biết sự việc, cha Odilo đã lập lễ Cầu Hồn vào ngày 2 tháng 11 và cử hành trong đan viện Cluny của ngài vào năm 998. Về sau lễ cầu hồn đã được truyền sang nước Pháp, và tới giữa thế kỷ 10, Đức Giáo hoàng Gio-an 14 đã lập lễ Cầu hồn trong Giáo hội Rôma. Từ thời đó, nhiều nơi đã có thói quen cầu nguyện tuần chín ngày cho các linh hồn. Trong những ngày đó họ đến đất thánh thăm viếng, sửa sang mồ mả của cha ông. Vào buổi chiều lễ Các Thánh, có những người đi từng nhà xin quà cho các linh hồn. Họ hát những bài ca cổ truyền để xin cầu cho các linh hồn mau ra khỏi Luyện ngục. Tại nước Hungary, người ta gọi ngày 2/11 là "Ngày người chết". Ngày đó, người ta tụ họp các trẻ mồ côi tới gia đình mình để cho chúng ăn, cho quần áo, quà bánh và đồ chơi... Tại miền quê nước Balan: nửa đêm lễ các linh hồn, người ta thắp sáng nhà thờ giáo xứ, để các linh hồn trong xứ đã qua đời về quanh bàn thờ cầu xin được sớm thoát khỏi luyện ngục. Sau đó các linh hồn sẽ về thăm nhà mình, thăm nơi làm việc khi họ còn sống, nên các gia đình có người qua đời đều mở cửa sổ suốt đêm ngày 2/11 để đón các linh hồn.

2) CHỨNG TÍCH VỀ LUYỆN NGỤC: Có rất nhiều chứng tích về các linh hồn từ luyện ngục về xin cầu nguyện. Ở đây xin kể ra hai chuyện được lưu trữ tại bảo tàng Rôma:

- Chứng tích 1: Mẹ hiện về với con trai:

Bà Leleux, trong đêm 21-6-1789, đã hiện về với người con trai của bà là Joseph Leleux ở Wodecq (Bỉ). Bà hiện về 11 đêm liên tiếp để nhắc nhở con bà phải xin lễ cho bà, đồng thời bảo con bà phải sửa mình lại vì anh ta đang sống bừa bãi, khô khan nguội lạnh. Bà cầm tay con và in dấu cháy cả bàn tay bà vào ống tay áo của con. Kết quả là anh đã trở lại sống thánh thiện, đã lập một hội đạo đức dành cho giáo dân, các hội viên trong hội này đã thi đua nên thánh. Anh đã qua đời cách thánh thiện ngày 19-4-1825.

- Chứng tích 2: Mẹ chồng hiện về với con dâu:

Nhạc mẫu của bà Magarita Demmerlé thuộc giáo xứ Ellinghen, giáo phận Metz, qua đời năm 1785, và 30 năm sau, năm 1815 đã hiện về với con dâu. Bà buồn bã nhìn con dâu như có ý xin điều gì. Bà Magarita Demmerlé lên tiếng hỏi thì được bà mẹ chồng cho biết là mình về để xin

con (dâu) cầu nguyện cho mình bằng cách đi hành hương lên Đền Đức Mẹ ở Mariental. Người con dâu đã làm y như lời mẹ chồng xin. Sau cuộc hành hương ấy bà mẹ chồng hiện về với con dâu một lần nữa và báo cho biết là mình đã được ra khỏi Luyện ngục mà lên Thiên đàng. Bà Magarita xin một bằng chứng thì bà mẹ chồng liền in cả bàn tay mình lên trang sách Gương Phước đang để mở trên bàn...và từ đó bà không còn hiện về nữa.

3.SUY NIỆM: TƯỜNG NHỚ TIỀN NHÂN:

1) Đức Ki-tô thiết lập Nước Trời: Nước Trời trần gian là Hội Thánh ở trần gian hôm nay và Nước trời trên Thiên đàng mai sau. Điều kiện để được gia nhập vào Nước Trời Hội Thánh ở trần gian là phải có lòng sám hối tội lỗi và tin vào Chúa Giê-su, phải được tái sinh bởi nước và Thánh Thần như lời Đức Giê-su đã kêu gọi khi ra giảng đạo: “Hãy ăn năn sám hối và tin vào Tin Mừng” (Mc 1,15). Người cũng dạy: “Không ai có thể vào nước Thiên Chúa nếu không sinh ra bởi nước và Thần Khí” (Ga 3,5). Phải thực hành giới răn bác ái bằng cách thực thi Tám mối phúc (x. Mt 5,3-12). Ngoài ra, để có được sự sống vĩnh cửu trên Thiên đàng, đòi người ta phải “chiến đấu để qua được cửa hẹp mà vào” (Lc 13,24), phải “bỏ mình, vác thập giá mình hằng ngày mà theo chân Chúa” (x. Mc 8,34), và “cùng chết với Chúa để cùng được sống lại với Người” (Rm 6,8).

2) Mẫu nhiệm các thánh thông công: Chúa Giê-su chỉ thiết lập một Hội Thánh duy nhất trên nền đá tảng đức tin của tông đồ Phê-rô đã tuyên xưng Đức Giê-su là “Đấng Ki-tô Con Thiên Chúa hằng sống” (Mt 16,16). Hội thánh do Đức Giê-su thiết lập gồm ba tình trạng: Một là Hội Thánh Lữ Hành trần gian gồm các tín hữu đang sống, đang phải chiến đấu chống lại ba thù là ma quỷ, thế gian và xác thịt của mình. Hai là Hội Thánh Vinh Quang trên Thiên đàng gồm các thánh nam nữ đang được hưởng hạnh phúc với Chúa. Ba là Hội Thánh Đau Khổ gồm các linh hồn đang được thanh luyện trong chốn luyện hình, để họ ngày thêm thanh sạch thánh thiện và hy vọng một ngày nào đó sẽ được về Thiên đàng. Còn những ai chối bỏ Thiên Chúa, nghe theo ma quỷ phạm các tội ác mà không chịu sám hối, là đã tự loại mình ra khỏi Hội Thánh và sẽ bị phạt trong hỏa ngục muôn đời, “chung số phận với tên Ác quỷ và các sứ thần của nó” (Mt 25,41).

3) Bỏ phạt đối với các linh hồn trong luyện ngục: Đức Giê-su đã mặc khải về sự thanh luyện ở đời sau khi nói: “Thầy bảo thật cho anh biết: anh sẽ không ra khỏi nơi đó, trước khi trả hết đồng xu cuối cùng” (Mt 5,26). Luyện ngục chính là phương cách Chúa dùng để thanh luyện các linh hồn khi chết vẫn còn mang vết nhơ tội lỗi hay chưa đền bù những thiệt hại đã gây ra cho tha nhân khi còn sống ở trần gian. Cầu xin Chúa giúp họ ngày một nên thanh sạch thánh thiện để sớm được Chúa rước về Thiên đàng hưởng hạnh phúc đời đời. Do đó, trong tháng các linh hồn này, mỗi tín hữu chúng ta cần dọn mình lãnh các ơn đại xá tiểu xá (với các điều kiện thường lệ), để chuyển các ơn ấy cầu cho các linh hồn trong chốn luyện hình; Ngoài ra, cần siêng năng lần hạt Mân Côi, xin lễ và làm những việc bác ái để đền tội thay cho các linh hồn là thân nhân, hay các linh hồn mồ côi ... để họ sớm được về trời. Khi lên trời chắc họ sẽ không quên cầu bầu cùng Chúa cho chúng ta. Còn các linh hồn bị sa hỏa ngục do đã trở thành quỷ dữ, thì không còn thuộc về Hội Thánh nữa, nên chúng ta không cần cầu nguyện cho họ.

4) Về việc cầu nguyện cho các linh hồn mồ côi: Thực ra, Hội thánh từ xưa đến nay không đặt vấn đề “linh hồn mồ côi” trong niềm tin và trong thực hành. Hội thánh không hề phân biệt linh hồn nào là mồ côi, linh hồn nào có thân nhân cầu nguyện, nên trong mọi thánh lễ dù có người xin lễ cầu riêng cho linh hồn thân nhân, thì vẫn có lời cầu chung cho tất cả “các tín hữu đã ly trần trong tình thương của Chúa”, gồm mọi tín hữu và cả các linh hồn chưa nhận biết Chúa. Như vậy: Nói linh hồn mồ côi chỉ là nói theo cách suy nghĩ của loài người chúng ta, nhưng cũng không sai với giáo lý và sự thực hành của Hội Thánh.

Thật vậy, trong phụng vụ thánh lễ hay kinh nhật tụng, Hội thánh vẫn khuyến khích việc cầu nguyện chung cho các linh hồn cũng như riêng từng linh hồn theo ý người xin lễ để cầu cho linh

hồn mới qua đời cũng như cầu chung cho các linh hồn. Việc cầu nguyện ấy chắc sẽ mang lại lợi ích thiêng liêng cho các linh hồn. Từ đó, có thể suy ra: những linh hồn không có thân nhân xin lễ cầu nguyện sẽ bị thua thiệt, nên đức ái buộc các tín hữu còn sống cũng phải cầu nguyện cho các linh hồn mồ côi này. Linh hồn mồ côi chính là những linh hồn bị quên lãng, vẫn đang được thanh luyện trong chốn luyện hình, nên rất cần được các tín hữu chúng ta vì đức bác ái hãy tưởng nhớ, xin lễ và làm các việc lành để cầu cho họ nữa.

4.LỜI CẦU:

Lạy Chúa, xin cho các linh hồn đã qua đời được nghỉ yên muôn đời, và cho ánh sáng ngàn thu chiếu soi trên các linh hồn ấy.

LM ĐAN VINH - HHTM

VỀ MỤC LỤC

DANH THÁNH CHÚA GIÊ-SU LÀ TẤT CẢ ĐỜI SỐNG KI-TÔ HỮU

Chúa Nhật XXXIII TN - Năm C

Lễ Các Thánh Tử Đạo Việt Nam

Bài đọc 1: Ml 3,19-20a

Bài đọc 2: 2Tx 3,7-12

Tin Mừng: Lc 21,5-19.

Lm Giu-se Nguyễn Văn Thông

Chúa Giê-su, Ngôi Hai Thiên Chúa nhập thể làm người. Ngài đã trở nên Đấng Thánh giữa nhân loại tội lỗi. Vì thế, danh Thánh của Ngài là niềm hy vọng và là tất cả của đời sống người Ki-tô hữu. Phụng vụ lời Chúa của chúa nhật XXXIII hôm nay nói lên điều đó khi Chúa Giê-su nhắc đến những điềm báo về những ngày sau hết. Đồng thời, Ngài cũng nhắc nhở rằng vì danh Thánh ấy mà người Ki-tô hữu sẽ bị bắt bớ, bị ngược đãi; nhưng đồng thời, cũng nhờ danh Thánh ấy mà người Ki-tô hữu được đảm bảo và vinh hiển trong ngày quang lâm.

Vì Danh Thầy, anh em sẽ bị bắt và bị ngược đãi.

Bài đọc 1, Giáo hội cho con cái mình đọc lại đoạn sách Ma-la-khi (3,19-20a) để cách nào đó nhằm cho thấy quang cảnh của ngày Chúa quang lâm. Ngày đó Thiên Chúa sẽ là mặt trời công chính xét xử muôn dân nước. Mọi kẻ kiêu ngạo và mọi kẻ làm điều gian ác sẽ bị đốt cháy như rơm rạ (x. Ml 3,19); và ngược lại, những kẻ kính sợ Danh Thánh Chúa sẽ được mặt trời công chính mang theo các tia sáng chữa lành bệnh tật (x. Ml 3,20).

Trong Tin Mừng của thánh Lu-ca hôm nay, Chúa Giê-su cũng nhắc đến những điềm báo về ngày quang lâm. Cụ thể, nhân có mấy người nói về Đền Thờ được trang hoàng đẹp và những đồ dâng cúng, Chúa Giê-su đã tiên báo về Đền Thờ cũng như những hiện tượng kinh khủng sẽ xảy đến. Ở đây, khi nói đến Đền Thờ, Chúa Giê-su muốn nói đến giao ước Thiên Chúa đã lập với dân của Ngài. Qua đó, ngôi Đền Thờ sẽ bị tàn phá không hòn đá nào trên hòn đá nào, nghĩa là Chúa Giê-su muốn nói đến chính Ngài sẽ bị con người bắt bớ, kết án và bị giết chết.

Đó cũng là điềm báo trước cho những ai chọn sống vì danh thánh Chúa Giê-su, hay làm chứng cho Thầy. Điềm báo trước đó có thể là bị bắt và ngược đãi, bị nộp cho các hội đường và bỏ tù, bị điệu đến trước mặt vua chúa quan quyền vì danh Thầy (x. Lc 21,12).

Tưởng chừng như những khó khăn, gian khổ kể trên mà Chúa Giê-su tiên báo cho những ai sống vì danh Ngài phải chịu là bị kịch, thì ngược lại đó lại là cơ hội để chúng ta làm chứng về Ngài. Chúa Giê-su không bỏ rơi chúng ta bao giờ. Ngài sẽ ở cùng chúng ta và gìn giữ chúng ta như lời Ngài đã hứa.

Chúa Giê-su hứa đảm bảo cho một sự bình an

Chức năng căn bản của người môn đệ của Chúa Giê-su nói riêng và người Ki-tô hữu nói chung là làm chứng cho Thầy. Cái giá phải trả cho việc làm chứng vì danh Thầy ấy lại là những khó khăn, gian khổ như chính Thầy đã chịu. Tuy nhiên, Chúa Giê-su hứa ở cùng chúng ta **“vì chính Thầy sẽ cho anh em ăn nói thật khôn ngoan, khiến cho tất cả địch thủ của anh em không tài nào chống chọi hay cãi lại được”** (Lc 21,15). Đồng thời, Chúa Giê-su cũng đảm bảo sự an toàn cho chúng ta **“dù một sợi tóc trên đầu anh em cũng không bị mất đâu”** (Lc 21,18).

Để đảm bảo cho những gì Chúa Giê-su đã hứa, Ngài mời gọi chúng ta đừng sợ hãi và hãy kiên trì. Vốn dĩ bản tính của thân phận con người xác thịt là yếu đuối. Tuy nhiên, thái độ không sợ hãi trước khó khăn gian khổ để làm chứng vì danh Thầy, cho thấy lòng yêu mến của chúng ta với Ngài. Đồng thời, sự kiên trì cho thấy niềm xác tín của chúng ta vào Ngài.

Thực tế trong cuộc sống của Ki-tô hữu ngày nay, những người làm chứng vì danh Chúa Giê-su vẫn bị thiệt thòi, gặp nhiều khó khăn, thậm chí là bị bách hại. Đôi khi, trong những hoàn cảnh ấy, chúng ta dường như chẳng thấy sự an toàn mà Chúa Giê-su đảm bảo ở đâu cả. Tuy nhiên, lời hứa của Chúa Giê-su không dừng lại ở sự an toàn của thân xác hư nát, mà là sự an toàn của một tâm hồn có Chúa ở cùng. Chính vì thế mà tâm hồn của những người làm chứng vì lòng mến Chúa luôn được bình an và vui vẻ. Đó cũng là nhân đức mà các thánh tử đạo nói chung và các thánh tử đạo Việt Nam nói riêng đã sống. Các ngài đã chọn lựa sống tình bằng hữu với Chúa qua việc yêu mến Thiên Chúa, làm chứng cho Thiên Chúa và thậm chí là phải trả giá bằng cái chết, nhưng các ngài vẫn vui vẻ đón nhận. Niềm vui đó hẳn là niềm vui nơi tâm hồn các ngài vì đã chia sẻ đau khổ với Đức Giê-su, cùng niềm hy vọng vinh quang cùng với Ngài trong ngày quang lâm (x. 1Pr 4,13).

Tuy nhiên, niềm hy vọng của chúng ta vào vinh quang của Chúa Giê-su trong ngày quang lâm được thánh Phao-lô trong thư thứ 2 gửi tín hữu Thê-xa-lô-ni-ca nhắc nhở phải sống với thái độ tích cực và có kỷ luật. Đó không phải là thái độ thụ động chờ đợi mà phải là thái độ chủ động hành động vì Nước Chúa. Ước gì Tin Mừng của Chúa Giê-su trong chúa nhật XXXIII hôm nay, lời khuyên nhủ của thánh Phao-lô, cùng nhân đức của các thánh tử đạo Việt Nam là những bài học và là niềm hy vọng cho người Ki-tô hữu ngày nay. Qua đó, chúng ta sẽ can đảm hơn và xác tín hơn nữa vào Chúa Giê-su để sống vì danh thánh Ngài và làm chứng cho Ngài.

Lm Giu-se Nguyễn Văn Thông

VỀ MỤC LỤC

GIẤC MƠ LINH MỤC

“Cho em làm Cha em mới chơi tiếp”, Nó đã từng phụng phụu vôi vĩnh như thế khi chơi trò chơi “làm lễ” với các anh và bạn bè của mình.

Từ nhỏ Nó đã ước mơ được làm Linh mục ngày nào đi lễ Nó cũng ngồi ở bàn đầu tiên học thuộc lòng hết mọi câu mà Cha dâng lễ, mọi cử chỉ của Cha, Nó đều nhớ cả dang tay, cúi đầu thế nào nó đều thuộc hết. Và trò chơi mà Nó thường rủ bạn bè trong xóm chơi cùng là “chơi làm Lễ”. Ai hỏi Nó lớn lên làm gì? Nó đều trả lời “làm Cha để dâng lễ” ai cũng tủm tỉm cười nhưng Nó thì không thể hiểu được.

Sau khi được xưng tội rước lễ Lần đầu Nó lại càng ước ao được làm Cha hơn vì Cha có thể biến Bánh và rượu thành Thịt và Máu Chúa. Nó hết sức thận trọng mỗi khi được rước lễ, Nó không bỏ bất cứ một thánh lễ ngày thường nào, và chỗ ngồi quen thuộc của nó là dãy ghế đầu tiên trong nhà thờ ở đó Nó có thể nhìn thấy toàn bộ bàn thờ và mọi cử hành của Cha Xứ. Và rồi Nó được các Soeur tuyển vào nhóm giúp lễ với hình dáng nhóc còi của Nó, và đôi mắt sáng tinh anh của nó Nó cực kỳ nhạy khi giúp lễ mọi tình huống khác thường xảy ra Nó nhanh chóng giải quyết được, như khi cây nến bị tắt Nó nhanh nhẹn đốt lại và xoay cái quạt ra phía khác không làm tắt nến nữa, hay khi rượu Lễ bị cạn Nó khéo léo lấy khăn để lọc lại. Nên các Soeur rất quý mến Nó, trong nhóm giúp Lễ này có các bạn trai và bạn gái nữa. Các bạn gái giúp lễ một thời gian thì sẽ được nghỉ giúp lễ và trở thành chị dạy cho các em nhỏ phía sau. Còn Nó vì siêng năng đi tham dự thánh lễ nên có ai vắng là Nó sẽ trở thành người giúp lễ thay. Có lần Cha Cố hỏi Nó, con giúp lễ thích nhất điều gì? Nó hồn nhiên trả lời, thích được rước Mình Thánh to của Cha bẻ ra làm tư ấy. Cha Cố hỏi tại sao con lại thích thế?. Nó tròn mắt trả lời vì Mình Thánh được Cha nâng niu thật cẩn thận nên con nghĩ Chúa ở trong ấy lâu hơn. Vị Linh Mục Già bật cười thật phúc hậu. Và rồi hình như Cha Cố thường để lại một phần tư Mình Thánh Lớn ấy cho Nó khi đến phiên Nó giúp lễ. Giấc mơ làm Linh mục theo Nó ám ảnh Nó

Nhưng bỗng một ngày Nó phát hiện ra Nó đang thay đổi, nước da của Nó trắng hồng lên, môi thật đỏ, mẹ Nó không cho Nó cắt tóc nữa bắt Nó để tóc dài, cơ thể Nó cũng thay đổi nữa và điều làm Nó thật đau khổ biết bao khi Mẹ nó bảo “con là con gái con không làm Linh Mục được. Vì chẳng có Cha nào là con gái cả”. Nó sợ hãi giấc mơ Linh Mục của Nó tan vỡ.

Đi học về ngang qua cửa hàng bán sách Nó ghé vào vào uể oải lựa một cuốn sách về các thánh để mua. Trước đây Nó thường lựa sách các thánh Linh mục để đọc như Gioan Vianey, Thánh Inhaxio, thánh Vinh Sơn để đọc, nhưng hôm nay Nó không muốn lựa sách về loại này nữa, bước ra khỏi quầy sách. Cô bán sách gọi với theo: hôm nay con gái không mua sách gì à?. Nó ghét cô bán sách gọi Nó là con gái, giấc mơ Linh Mục của Nó còn đó.

Ba ơi con đi tu nha ba! Sau một phút thinh lặng ba Nó thở dài: trong nhà đã có bốn đứa con trai có mình con là con gái Ba tôn trọng ý muốn của con, nhưng con hãy suy nghĩ trong một tháng nữa rồi hãy quyết định. Một tháng trời lặng lẽ trôi đi ngày nào nó cũng đi lễ, sau lễ Nó đứng rất lâu trước tượng đài Đức Mẹ chẳng ai biết Nó xin gì!

Khi lên chiếc xe đồ lên Nhà Dòng ba Nó tặng Nó một cuốn sách Tự Thuật của thánh Têrêsa Hải đồng Giêsu. Cuốn sách gói đầu giường của Nó khi đi tu. Nó phát hiện ra chị Thánh Têrêsa cũng đã có ước mơ làm linh mục, và cả việc ước ao được học tiếng Hy Lạp để có thể đọc bản văn Kinh Thánh gốc nữa cơ. Nhưng rồi Thánh nữ không thể thực hiện ước mơ của mình nhưng Chị đã trở thành người cầu nguyện cách đặc lực cho các linh Mục. Chị là linh mục của các linh Mục khi về trời đã đổ hoa hồng cho bao tâm hồn các linh mục. Nó hạnh phúc với ơn gọi của mình trong sứ mệnh cầu nguyện cho các Linh Mục, Nó hạnh phúc là con gái để có thể làm Hiền Thê của Chúa Kitô, để lời cầu nguyện của Nó sẽ xuyên qua những bức tường của tu viện để nâng đỡ các Linh Mục ở nhiều nơi.

Trong mỗi thánh lễ khi vị linh mục bẻ mình Thánh Chúa ra Nó đã thật thinh lặng để nghe được tiếngRắc... tiếng ấy thật nhỏ có lẽ chỉ mình vị Linh Mục nghe được nhưng tiếng ấy thật quan trọng nhắc Nó biết rằng “một Thiên Chúa bị bẻ gãy vì tội của nhân loại”(cha Henri Nouwen) và của chính Nó nữa tiếng ấy làm nó ý thức cuộc đời của Nó cũng phải bẻ ra để trao ban để chết đi mỗi ngày, để Chúa được tỏ lộ trong thế gian hôm nay, Nó phải là Tấm Bánh

Sau tám năm người ta thấy Nó trở về quê thăm gia đình trong thánh lễ chiều hôm ấy Nó trong bộ áo dòng đen xinh xắn và nhẹ nhàng, mọi người nhận ra Nó trong thái độ ngạc nhiên, có người xì xầm: nhà có mỗi đứa con gái mà cũng để nó đi tu!. Con bé xinh thế mà đi tu mất ổng!!.....

Trông thấy Cha Cố, Nó ngoan ngoãn khoanh tay chào “ Con chào Cha ạ”

Thấy Nó Cha Cố mỉm cười nhận ra : à con Bé thích làm Linh Mục đây.

Nó trả lời lại : con Bé cầu nguyện cho các Linh Mục ạ.

Maria Hồng Hà CMR

VỀ MỤC LỤC

MAY I, I'M SORRY, THANK YOU (BÀI GIẢNG THUYẾT DỊP GIA ĐÌNH NAZARETH TỈNH TÂM 20 THÁNG 10 NĂM 2019)

ĐGM Phụ Tá Nguyễn Thái Thành

Người ta thường nói có một công thức dẫn tới thành công. Và công thức dẫn tới thành công đó, gồm có 3 yếu tố: Yếu tố thứ nhất là kiên trì; Yếu tố thứ hai là kiên trì và Yếu tố thứ ba cũng là kiên trì. Hay là nói đúng hơn chỉ có kiên trì mới đạt được thành công.

Thành công không đến với ai chỉ một hay vài lần, mà nhất là phải kiên trì trước những thất bại. Việt Nam chúng ta có câu : *“Thất bại là mẹ thành công”*.

Mỗi lần thất bại là thêm một bước tiến tới thành công. Quan trọng là ta phải vượt lên trên chính mình và không bao giờ được bỏ cuộc. Bởi vì người chiến thắng thì không bao giờ được bỏ cuộc. Và người bỏ cuộc không bao giờ chiến thắng.

Một nhát rìu chặt vào thân cây cổ thụ chỉ tạo ra một dấu vết cạn không hề hấn gì. Nhưng mà nhiều nhát rìu nối tiếp nhau liên tục trong thời gian dài sẽ đốn ngã bất cứ cây cổ thụ lớn lao nào.

Những bình họa trên đây chứng tỏ rằng những cố gắng của chúng ta dù rất nhỏ bé nhưng nếu được thực hiện một cách kiên trì thì chắc chắn sẽ đem đến thành quả như lòng mong ước. Trong lãnh vực tâm linh cũng vậy. Nếu chúng ta biết kiên trì cầu nguyện chúng ta sẽ nhận được điều chúng ta khẩn nài cầu xin.

Tin mừng hôm nay (Thường Niên 29 C), Chúa dạy các môn đệ “Phải cầu nguyện luôn không được nản chí”. Như Mose quì giang tay suốt ngày cầu nguyện cho dân Do Thái thắng trận như trong bài đọc I. Như bà goá cầu xin quan toà minh xét cho bà như trong bài tin mừng. Rồi như Thánh Monica rờn rã 17 năm trường cầu nguyện cho người con là Augustino trở lại. Cuối cùng tất cả đã thành công. Chúng ta hãy vầu nguyện liên tục và bền chí như vậy không hề nhàm chán. Cả khi xem ra Chúa ngoảnh mặt làm ngơ. Xin hãy minh oan cho tôi. Xin hãy minh oan cho tôi.

Ông quan toà trong Tin Mừng hôm nay tuy ngang ngược chẳng kính sợ Thiên Chúa, coi thường mọi người. Tuy nhiên bà goá cứ kêu nài mãi cho nên cuối cùng ông quan toà nghĩ lại. Cái mụ goá này quấy rầy mãi, ta xét xử cho rồi kéo mụ cứ đến hoài làm ta nhức đầu nhức óc.

Kết luận của Chúa Giêsu thật rõ ràng. Nếu như một vị thẩm phán bất lương, phải thua trước sự kiên trì của một bà goá vô danh, thì Thiên Chúa là Cha Nhân Ái lẽ nào mà chẳng mau chóng đáp lời cầu xin của chúng ta là những người con đã được cứu chuộc bằng chính Máu Thánh của Con Ngài sao?

Qua dụ ngôn Phúc Âm hôm nay, Chúa hứa đáp ứng lời cầu nguyện của chúng ta. Nhưng mà là theo đường hướng của Chúa, theo Thánh Ý của Chúa. Bao giờ Chúa mới ban ơn, chúng ta không biết được. Chúa ban ơn bằng cách nào, chúng ta cũng không biết. Nhưng mà chúng ta phải đặt tin tưởng phó thác vào Chúa. Có đôi khi chúng ta xin ban ơn này, Chúa lại ban ơn khác. Khiến cho người ta không ý thức được là Chúa đã ban ơn. Có khi chúng ta không nhận được điều chúng ta cầu xin vì Thiên Chúa thấy điều đó không mang lại ích lợi cho đời sống thiêng liêng của chúng ta.

Chúa Nhật 29 Thường Niên hôm nay cả Giáo Hội đã đi hết nửa tháng 10. Tháng 10 gắn liền với Chuỗi Mân Côi. Chính vì thế tinh thần cầu nguyện vốn đã được đề cao lại càng được nhắc nhở thường xuyên trong tháng 10 này. Trong Tháng Mân Côi chúng ta có mẫu gương tuyệt vời về việc cầu nguyện đó là Maria.

Mẹ Maria là một phụ nữ cầu nguyện. Mẹ âm thầm chấp nhận thánh ý Chúa. Có khi không hiểu hết ý Chúa nhưng mà đã đón nhận tất cả bằng cả một đời trầm lặng bên con mình. Không ồn ào, không khoa trương. Mẹ đã chiêm ngắm Con Thiên Chúa từ khi người chưa nhập thể đến lúc người Con đó về với Chúa Cha. Sự chiêm ngắm đó đã làm cho Đức Tin nơi Mẹ ngày một sâu lắng. Lời nhắc nhở chuyên năng cầu nguyện cả Giáo Hội luôn liên kết với lòng tin, lòng mến với sự phó thác vào ơn hiệu nghiệm của Chuỗi Mân Côi.

Và không phải chỉ có Mẹ Maria là gương mẫu cầu nguyện cho chúng ta mà luôn cả Gia Đình Nagiaret. Thánh Giuse cũng thế, gặp khó khăn trong cuộc sống hôn nhân khi thấy Maria mang thai trước khi ăn ở với nhau. Chắc chắn điều quan trọng trong sự giảng dạy của Chúa Giêsu là cầu nguyện như trong bài Phúc Âm hôm nay.

“Family pray stay together” (Gia đình cầu nguyện, gia đình hạnh phúc). Muốn hạnh phúc hôn nhân cần đời sống cầu nguyện kiên trì. Và cốt lõi của cầu nguyện là lắng nghe thánh ý Chúa và Xin Vâng theo thánh ý Chúa.

Vậy thánh ý Chúa trong đời sống hôn nhân Gia Đình Nagiaret của chúng ta là gì? Để trả lời tôi xin mượn lời giảng dạy của Đấng đại diện Thiên Chúa. Đức Giáo Hoàng Phanxicô. Trong Năm Thánh Gia Đình, Đức Giáo Hoàng đã giảng dạy cho chúng ta ba điều rất cụ thể mà mỗi người trong chúng ta có thể áp dụng trong đời sống hôn nhân của chúng ta : May I, I'm Sorry, Thank You.

MAY I. cần có một lịch sự, nhã nhặn tối thiểu để tăng thêm tình yêu hôn nhân. Tôi nghĩ là quý vị rất kinh nghiệm trong điều này. Tôi đưa ra vài ví dụ điển hình:

Anh à hôm nay con bé Đoan nó đau nên em phải ở nhà giữ nó, anh đi làm về nhớ ghé ngang trường đưa thằng cu tí về nhé.

Em ơi, hôm nay anh có khách quý, em làm bữa cơm để đãi khách.

Cái ông này, làm biếng quá à, bữa nay lo đi thay nhót cho tôi đi.

Cái bà ham mê shopping không để ý đến con cái bệnh hoạn..

Có một chị đến tôi chia sẻ khó khăn trong đời sống hôn nhân như thế này: “Thưa Cha, trong thời gian quen nhau trước khi lập gia đình, anh gọi con nào là công chúa này, công chúa kia,

hiney hàn ni, người đẹp nhất của anh.... Đến khi lấy xong, sau vài năm, anh thay đổi cách xưng hô, anh gọi con bà chẳng này bà chẳng kia, sự tử Hà Đông. Tên con là Mai. Trước khi cưới thì anh nói: “Ồ sao em đạo đức thánh thiện hiền lành như Mai Đệ Liên trong Phúc Âm.” Còn bây giờ thì anh nói, “Bà sao mà hung dữ, táo tợn quá. Nhìn mặt bà sao giống Mai Siêu Phong trong phim chưởng Cô Gái Đồ Long.”

Nên nhớ những lời nhã nhặn lịch sự trong cuộc sống gia đình. Chuyện nhỏ hằng ngày cũng ảnh hưởng rất nhiều trong cuộc sống hôn nhân.

I'M SORRY. Đây là đề tài chính của ĐGH. Chính Ngài trả lời là: “Tôi là người có tội”. Chính vì thế mà Ngài đã tuyên bố Năm Thánh Lòng Chúa Thương xót. Cốt lõi của lòng thương xót chính là sự tha thứ của Chúa. Mà đúng thế, ai trong chúng ta dám tự xưng là không có tội.... Mà vì chúng ta có tội nên cần xin tha thứ, và bởi vậy cần xin lỗi, cần nói: “I’m Sorry”. Học xin lỗi, học tha thứ, đó là chìa khóa chính để có cuộc sống hôn nhân lâu dài.

THANK YOU. Tôi không biết là các linh mục ở đây thế nào chứ trong kinh nghiệm làm cha xứ, thì tôi không ngừng cảm ơn.....

Quý vị có tiệm phở, có người tới ăn tô phở, quý vị cảm ơn họ. quý vị có cô thư ký, quý vị cảm ơn cô. Trong gia đình người vợ, người chồng dâng hiến cuộc sống để lo cho gia đình, lo cho con cái, thì cần cảm ơn nhiều hơn chứ. Đừng ngần ngại dùng hai chữ cảm ơn.

Thêm vào ba điều cụ thể mà ĐGH giảng dạy, hôm nay tôi xin đề nghị thêm một lời khuyên và lời khuyên đó dựa vào bức ảnh quen thuộc của tôi khi còn ở Jacksonville, Florida.

Bức ảnh này có lẽ nhiều người trong chúng ta đã một lần nhìn thấy. Bức ảnh mang tên “Christ at Heart’s Door”. Tạm dịch là “Chúa Kitô Đứng Nơi Cửa Cửa Tâm Hồn”. Bức tranh này là sao y của bức tranh nổi tiếng được vẽ vào Thế Kỷ 19. Trong bức tranh đó, chúng ta thấy “Chúa Kitô gõ cửa của một căn nhà. Bức tranh này dựa trên câu của Sách Khải Huyền 3:20 : “Này đây Ta đứng trước cửa và gõ” (Behold I stand at the door and knock).

Khi nhìn vào bức tranh, người ta không thấy cái chốt trên cửa thì thắc mắc, như vậy Chúa làm sao vào được. Và đó là ý nghĩa thâm thúy của câu chuyện “Nếu muốn Chúa Kitô vào thì người bên trong phải mở cửa.”

Cầu nguyện chính là mở cửa tâm hồn chúng ta để mời Chúa vào... Khi mở cửa thì Chúa sẽ hoán cải thay đổi cuộc sống của chúng ta như Gia Kêu..... như Mattheu.....

“Mở hé hé, không dám mở rộng... mở rộng Chúa thay đổi lạ quá thì uổng lắm”. Đó là tâm sự của một thanh niên đã nói với tôi, và tôi nghĩ là cũng có nhiều người hành động như anh. Lý do, vì những người này không sẵn sàng đón nhận Chúa vào trong tâm hồn họ. Không chấp nhận để Chúa thay đổi.

Mở rộng cánh cửa tâm hồn để mời Chúa Kitô vào trong cuộc sống hôn nhân.

Mở rộng cánh cửa tâm hồn để trò chuyện với Chúa, lắng nghe những lời khuyên răn giảng dạy của Ngài - tăng thêm sự nhã nhặn lịch sự trong cuộc sống, khi cần xin lỗi và tha thứ, và luôn luôn thành kính tri ân trong đời sống lứa đôi.

Mở rộng cánh cửa tâm hồn để cùng Ngài ngồi chung bàn tiệc, đặc biệt là bàn tiệc Thánh Thể, để được nuôi dưỡng bằng chính Mình và Máu Thánh của Ngài, để thêm sức mạnh thiêng liêng trong cuộc lữ hành Đức Tin.

Mở rộng cánh cửa tâm hồn để mời Ngài cùng đồng hành khi vui cũng như khi buồn, khi thịnh vượng cũng như lúc gian truân, khi khỏe mạnh cũng như lúc bệnh hoạn, trong mọi ngày suốt cuộc sống hôn nhân.

Như lời Thiên Thần nói với Đức Mẹ trong câu chuyện Truyền tin: “Không có gì Thiên Chúa không làm được” (Nothing is impossible with God). Có Chúa là có tất cả. có Chúa là có cuộc sống hôn nhân lâu dài. Có Chúa là có gia đình trên thuận dưới hòa. Có Chúa thì cuộc sống của chúng ta phản ảnh cuộc sống gia đình Nagiaret xưa.

Cầu xin quý vị mở rộng cánh cửa tâm hồn mời Chúa cùng đồng hành với quý vị trong đời sống hôn nhân gia đình của quý vị.

VỀ MỤC LỤC

CHÚNG TA PHẢI TÔN KÍNH HAY TÔN THỜ ĐỨC MARIA, MẸ THẬT CỦA CHÚA GIÊ SU?

Xin cha vui lòng giải đáp giúp các thắc mắc sau đây:

1- Làm sao biết được Chúa Giêsu ngự bên hữu Chúa Cha ở trên trời ?

2- Đức Mẹ được tôn kính hay tôn thờ với tư cách là Mẹ Chúa Kitô và cũng là Mẹ Thiên Chúa ?

3- Đức Mẹ có nhận ơn cứu chuộc của Chúa Kitô hay không?

Trả lời:

1- Trong Kinh Tin Kính Nicene (đọc ngày Chúa nhật và các ngày Lễ trọng) và Kinh Tin Kính của các Thánh Tông Đồ, Giáo Hội đều tuyên xưng Chúa Giê-su Kitô, “ **chết, sống lại, lên trời và ngự bên hữu Chúa Cha**”.

Lời tuyên xưng này bắt nguồn từ chính lời Chúa Giê su trả lời cho viên Thượng tế Cai pha và trước toàn thể Thượng Hội Đồng Thượng tế , kỳ mục và kinh sư Do Thái họp nhau lại để tìm cách buộc tội Chúa với án tử hình. Viên thượng Tế đã hỏi Chúa xem có phải Người là Đấng Kitô, Con Thiên Chúa không.

Chúa đã trả lời như sau:

“ Phải chính thế. Rồi các ông sẽ thấy Con Người ngự bên hữu Đấng Toàn Năng và ngự giá mây trời mà đến.”(Mt 26: 64; Mc 14: 62; Lc 22: 69)

Như thế lời tuyên xưng của Giáo Hội về chỗ ngồi của Chúa Kitô, bên hữu Chúa Cha trên Nước Trời có nguồn gốc vững chắc là chính lời Chúa Giê su đã nói trên và được ghi lại trong các Tin Mừng, như bằng chứng trên đây.

Đó là lý do vì sao Giáo Hội luôn tuyên xưng Chúa Giêsu-Kitô lên trời ngự bên hữu Chúa Cha, sau khi Người hoàn tất công cuộc cứu chuộc loài người qua khổ hình thập giá, chết, sống lại và lên trời.

2-Tín điều Đức Mẹ là Mẹ là Mẹ Thiên Chúa có nguồn gốc Kinh Thánh không?

Trước khi trả lời câu hỏi này, xin được nhắc lại một lần nữa là vào thế kỷ thứ 4 sau Chúa Giáng Sinh, có một linh mục tên là **Arius** thuộc Tòa Thượng Phụ Alexandria (Ai Cập) đã lạc giáo (heretic) khi dạy rằng Chúa Giê-su Kitô có hai bản tính riêng rẽ là nhân tính (humanity) và thần tính (Divinity) khi xuống trần gian làm Con Người. Vì thế Đức Mẹ Maria chỉ là Mẹ của Chúa Giêsu về phần nhân tính mà thôi. Quan điểm lạc giáo này đã bị Công Đồng Nicea năm 325 A.D lên án và bác bỏ hoàn toàn vì đi ngược lại với niềm tin của Giáo Hội về sự đồng nhất bản thể của Ba Ngôi Thiên Chúa (Trinity) và về hai bản tính không hề tách rời nhau của Chúa Cứu Thế Giêsu. Nghĩa là, Chúa Giê-su Kitô là Thiên Chúa thật và là Con Người thật, Chúa vừa có Thần tính (Divinity) như Chúa Cha và Chúa Thánh Thần, vừa có nhân tính (humanity) như mọi con người trong nhân loại, và hai bản tính này không bao giờ tách rời nhau. Arius đã lạc giáo khi cho rằng Chúa Kitô có hai bản tính tách rời nhau, nên Mẹ Maria chỉ là Mẹ Chúa Giêsu trong phần nhân tính mà thôi. chứ không thể là Mẹ Thiên Chúa (Theotokos) như các Giáo Phụ dạy và Giáo Hội sơ khai đã tin. Quan điểm sai lầm trên đến đầu thế kỷ thứ 5, (428 A.D) lại được tán đồng bởi Thượng Phụ **Nestorius** thành Constantinople, là người cũng cho rằng Đức Mẹ chỉ là Mẹ phần xác (nhân tính) của Chúa Giê-su-Kitô để phủ nhận điều các Giáo Phụ từ thời tiên khởi đã dạy rằng : Đức Trinh Nữ Maria là Mẹ Thiên Chúa (Deipara= Theotokos= God bearer =Đấng cưu mang Thiên Chúa.

Các Công Đồng Nicea (325) và Ê-phê sô (431) đều lên án tư tưởng lạc giáo của **Arius** và **Nestorius** để khẳng định rằng Chúa Giê-su đồng bản tính (bản thể= substance) với Chúa Cha và Chúa Thánh Thần. Lại nữa, Chúa Kitô có hai bản tính không hề tách rời nhau là nhân tính (Humanity) và Thiên tính (Divinity). Do đó, Đức Mẹ là Mẹ thật của Chúa Kitô, cũng là Thiên Chúa thật, nên Mẹ được tuyên xưng là Mẹ Thiên Chúa=(Deipara=Theotokos= God bearer) như Giáo Hội đã dạy không sai lầm

Sau đây là bằng chứng Kinh Thánh :

Khi Đức Mẹ đến viếng thăm người chị em họ là bà Ê-i-sa-bét (Elizabeth), thì bà này đã được tràn đầy Thánh Thần, liền kêu lớn tiếng rằng: **“Em được diễm phúc hơn mọi người phụ nữ, và người con em đang cưu mang cũng được chúc phúc. Bởi đâu tôi được Me của Chúa tôi (**Mother of my Lord**) đến với tôi thế này** Lc 43: 39- 43)

Bà Eli-sa-bét chắc chắn đã được Chúa Thánh Thần soi sáng nên đã thốt ra những lời trên để ca tụng Đức Mẹ. Như thế đủ cho thấy Giáo Hội, từ đầu, đã không sai lầm khi tuyên xưng Đức Trinh Nữ Mara là Mẹ Thiên Chúa, vì là Mẹ thật của Chúa Giê-su-Kitô, cũng là Thiên Chúa thật, đồng bản tính (bản thể= Substance) với Chúa Cha và Chúa Thánh Thần trong Mầu Nhiệm Ba Ngôi một Thiên Chúa (Holy Trinity).

Nhưng cho dầu với địa vị cao trọng làm vậy, Đức Mẹ cũng không cao hơn Thiên Chúa là Đấng đã tạo dựng và chọn Mẹ làm Mẹ Ngôi Hai. Cho nên, Mẹ được tôn kính(venerate) ở mức **Hyperdulia** trong khi Thiên Chúa được tôn thờ (adoration) ở mức **Latria** trong phụng vụ thánh của Giáo Hội. Nghĩa là chúng ta chỉ phải thờ lạy (adore), ngợi khen, vinh danh một mình Thiên Chúa mà thôi, chứ không thờ lạy Đức Mẹ, mà chỉ tôn kính (venerate) Mẹ cách đặc biệt (**hyperdulia**) hơn các Thánh nam nữ khác, được tôn kính ở mức **Dulia**.

Do đó, trong thực hành, người tín hữu phải cầu xin Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần, nhờ Đức Mẹ và các Thánh chuyển giúp cầu thay, chứ không cầu xin Mẹ hay bất cứ Thánh Nam nữ nào như nguồn ban phát mọi ơn phúc. Chỉ có Chúa là cội nguồn của mọi ơn phúc mà chúng ta phải cầu xin cho được an vui trong cuộc sống trên trần gian này, và nhất là biết sống xứng đáng là con cái của Cha trên trời để được cứu rỗi nhờ công nghiệp Chúa Kitô và sự phù giúp đặc lực của Đức Mẹ và các Thánh Nam nữ đang vui hưởng Thánh Nhan Chúa trên Thiên Đàng.

Lại nữa, trong thực hành, khi vào nhà thờ hay nhà nguyện nào, thì phải bái lạy trong tâm tình thờ lạy Chúa Giê su đang hiện diện trong nhà tạm (Tabernacle) trước khi bái kính ảnh tượng Đức Mẹ , Thánh Cả Giuse, hay Thánh nam nữ nào khác. Phải nói rõ điều này vì có nhiều người, khi vào nhà thờ, đã chạy ngay đến nơi có thánh tượng Đức Mẹ để cầu xin mà quên bái quỳ thờ lạy Chúa Kitô đang hiện diện thực sự trong nhà tạm cùng Chúa Cha và Chúa Thánh Thần, vì ở đâu có Chúa Con hay Chúa Giêsu thì ở đó có Chúa Cha và Chúa Thánh Thần trong Mầu Nhiệm Ba Ngôi Một Thiên Chúa (Three Persons One God=The Holy Trinity)

Tóm lại, sùng kính Đức Mẹ là việc đạo đức rất tốt đẹp và đáng khuyến khích cho mọi tín hữu, nhưng đừng quên là trên hết phải thờ lạy Thiên Chúa là Đấng mà Mẹ Maria cũng phải tôn thờ cùng các Thánh nam nữ và các Thiên Thần, mặc dù Mẹ có địa vị cao trọng là Mẹ Chúa Kitô và cũng là Mẹ Thiên Chúa như Giáo Hội dạy.

3- **Me Maria có nhân công nghiệp cứu chuộc của Chúa Kitô không ?**

Theo giáo lý của Giáo Hội, chúng ta phải tin Mẹ được diễm phúc thụ thai không mắc tội nguyên tổ (immaculate Conception) và mọi tội khác như mọi người trong nhân loại, cũng như được tuyên xưng là Mẹ Thiên Chúa, vì là Mẹ thật của Chúa Kitô, cũng là Thiên Chúa thật đồng bản thể với Chúa Cha và Chúa Thánh Thần như đã nói ở trên. Nhưng Mẹ không cao hơn Thiên Chúa và không cùng một bản thể (substance) với Ba Ngôi Thiên Chúa, nên Mẹ vẫn phải nhận ơn cứu chuộc của Chúa Kitô như chính Mẹ đã tuyên xưng như sau:

“ Linh hồn tôi ngợi khen Đức Chúa

Thần trí tôi hớn hờ vui mừng

Vì Thiên Chúa Đấng cứu độ tôi....” (My Savior)

(Bài ca Ngợi khen Magnificat, Lc 1: 46-55)

Thánh giáo phụ Irenêo cũng dạy rằng: **“ Chính Ngài (Mẹ Maria) , nhờ vâng phục, đã trở nên nguyên nhân cứu rỗi cho chính mình và cho toàn thể nhân loại.”** (LG, số 56)

Vì là Mẹ Chúa Kitô, nên Mẹ được diễm phúc khỏi tội tổ tông và mọi tội cá nhân từ khi được thụ thai cho đến khi về trời cả hồn xác. Mẹ được sinh ra như mọi tạo vật khác, trừ đặc ân được giữ gìn khỏi mọi vết nhơ của tội lỗi để xứng đáng làm Mẹ Ngôi Lời nhập thể.

Nhưng việc nhận ơn cứu chuộc của Chúa Giêsu ,Con của Mẹ, không làm thương tổn địa vị cao trọng của Mẹ là Mẹ Ngôi Hai và là Mẹ Thiên Chúa. Ngược lại, Mẹ đã vinh danh Chúa Cứu Thế Giêsu khi nhận ơn cứu chuộc của Chúa, vì **“ ngoài Người ra(Chúa Kitô), không ai đem lại ơn cứu độ; vì dưới gầm trời này, không có một danh nào khác được ban cho nhân loại, để chúng ta phải nhờ vào danh ấy mà được cứu độ.”** (Cv 4 :12)

Không phải chỉ riêng Mẹ Maria mà tất cả các Thánh nam nữ nói chung đều phải nhận ơn cứu chuộc của Chúa Giê su-Kitô để vào Nước Trời vui hưởng Thánh Nhan Chúa là nguồn vui và hạnh phúc của các Thánh, các Thiên Thần.

Như thế khi nhận ơn cứu độ của Chúa Kitô, Mẹ đã tôn vinh Chúa là Đấng cứu thế duy nhất đã hòa giải con người với Thiên Chúa qua vâng phục và hy sinh chịu chết trên thập giá năm xưa, mặc dù Mẹ không có tội lỗi nào cần phải được tha thứ nhờ công nghiệp cứu chuộc vô giá của Chúa.

Chúng ta cảm tạ Mẹ Maria thật nhiều vì Mẹ đã **“ xin vâng”** với Thiên Chúa để làm Mẹ Chúa Cứu Thế Giêsu, và cộng tác với Con của Mẹ trong sứ mệnh cứu chuộc cho nhân loại khỏi phải

chết vì tội. Vai trò của Mẹ thật quan trọng trong Chương Trình cứu chuộc loài người của Thiên Chúa nhờ Chúa Kitô, Con của Mẹ.

Vậy chúng ta hãy siêng năng chạy đến với Mẹ để nhờ Mẹ nguyện giúp cầu thay cho chúng ta được mọi ơn cần thiết của Chúa trong cuộc lữ hành về quê Trời giữa bao khốn khó, gian nan vì cản trở và đánh phá của ma quỷ, cám dỗ của thế gian với đầy rẫy gương xấu, dịp tội và vì bản chất yếu đuối nơi mỗi người chúng ta, bao lâu chúng ta còn sống trong thân xác có ngày phải chết đi này..Amen

Ước mong những giải đáp trên thỏa mãn các câu hỏi đặt ra.

Lm. Ngô Tôn Huân, Doctor of Ministry

VỀ MỤC LỤC

TÁC PHẨM KÍNH CHÀO NỮ VƯƠNG RẤT THÁNH - MẸ THIÊN CHÚA QUA LỜI CHÚA (CHƯƠNG 4)

Chuyển ngữ: Trần Mỹ Duyệt

Xin giới thiệu bản dịch tác phẩm KÍNH CHÀO NỮ VƯƠNG RẤT THÁNH.

Đây là tác phẩm Thánh Mẫu được một giáo sư thần học viết. Ông trước đây là một mục sư Tin Lành, nên những dẫn chứng và toàn bộ tác phẩm có nền tảng Thánh Kinh rất vững vàng. Sách có thể dùng làm sách giáo khoa hay dùng trong những đề tài trao đổi Thánh Kinh và Thánh Mẫu.

Nguyên tác: Hail, Mary Queen; Tác giả: SCOTT HAHN là giảng sư thần học và Thánh Kinh tại Đại Học Phanxicô ở Steubenville, và gần đây được Đức Giáo Hoàng Benedict XVI chỉ định Khoa Trưởng Thần Học Thánh Kinh và Tuyên Ngôn Phụng Vụ tại Đại Chủng Viện Saint Vincent. Ông là tác giả của hơn một tá tác phẩm, bao gồm The Lamb's Supper; Hail, Mary Queen; Swear to God; và Understanding the Scriptures. Tiến sỹ Hahn còn là người sáng lập và chủ tịch của the St. Paul Center for

Biblical Theology, ở Steubenville, Ohio, cũng là nơi ông đang sống với vợ ông là Kimberly, và sáu người con của họ.

Tác phẩm gồm 8 chương ngoài lời tựa, lời giới thiệu, phụ bản và kê cứu. Đặc San GSVN sẽ hân hạnh phổ biến mỗi kỳ một chương.

CHƯƠNG 4

QUYỀN LỰC SAU NGAI VÀNG

HOÀNG HẬU

VÀ DÒNG TỘC VUA ĐAVÍT

Chúng ta đã thấy trong Tin Mừng và Sách Khải Huyền của Gioan, công cuộc cứu chuộc của Chúa Giêsu được hoàn thành qua nhiều cách thế, hoặc được tiên báo, trong Sách Sáng Thế Ký như thế nào. Cuộc sáng tạo đầu tiên đã nói trước về cuộc sáng tạo đổi mới và cứu độ bởi Chúa Giêsu Kitô (Kh 21:5). Vườn Địa Đàng là hình ảnh của vườn Giêtsimani. Cây trong vườn Địa Đàng ám chỉ gỗ cây thập tự. Adong là hình ảnh của Chúa Giêsu Kitô, Evà là hình ảnh của Đức Nữ Rất Thánh Maria.

Tuy nhiên, đọc kỹ Khải Huyền 12, chúng ta cũng có thể mừng rỡ những khía cạnh khác cho việc khảo cứu. Một khía cạnh - liên quan đến Maria như Hòm Bia của giao ước - một cách rõ ràng dẫn chúng ta về với Maisen, người đã đồng hành cùng Israel trong sa mạc 40 năm. Theo Maisen, Israel “đã chiến thắng... bằng máu Con Chiên” (Kh 12:11) khi họ đã chuộc con trai đầu lòng tại Lễ Vượt Qua đầu tiên. Trong một cách tương tự, Israel mới “đã chiến thắng... bởi máu Con Chiên, “Chúa Giêsu Kitô, người là Maisen Mới, người thiết lập luật mới. Theo sau khía cạnh này, chúng ta cũng có thể nhìn thấy người chị của Maisen, tên là Miriam (Maria), cũng giống như Evà, người đàn bà sa ngã nắm hết quyền hành trong gia đình, chối bỏ tôn thờ Thiên Chúa và phản loạn với quyền bính được chỉ định của Thiên Chúa. Tuy nhiên, trong giao ước mới, Maria mới đã hoàn tất mẫu mực và hình ảnh tuyệt vời của sự vâng phục.

Tiếp theo, có lẽ còn nhiều khía cạnh kích thích sự tìm hiểu được gặp thấy trong triều đại của Đavít. Chính ở triều đại Đavít đã cho Israel trước đây một viễn ảnh về vương quyền của Đấng Cứu Thế. Là vị vua thứ hai của dân Do Thái, Đavít đã qui tụ 12 chi họ và thiết lập Giêrusalem làm thủ đô và trung tâm tinh thần của quốc gia. Dân chúng tôn kính Đavít vì sự công chính, thánh thiện, và đức tin của ngài đối với Chúa. Tuy nhiên, người kế vị Đavít, đã không sống với những nhân đức của tiên đế. Trong khi Đavít hiệp nhất quốc gia, những vị vua sau này không ngừng gây giận dỗi giữa các chi họ. Kết quả sau đó đã dẫn đến nổi loạn và phân rã sự hiệp nhất của vương quốc Israel. Điều này làm cho Israel ra suy yếu và trở nên dễ dàng hơn cho những kẻ thù ngoại bang. Trong thời gian bị thống trị bởi người Babylon, ngoại bang đã bắt họ, và dòng dõi Đavít hoàn toàn bị xóa bỏ - hoặc hoàn toàn bị chấm dứt. Zedekiah, vị vua sau cùng của dòng dõi Đavít đã bị cưỡng bức nhìn những người Chaldeans, kẻ thù của mình, hành quyết tất cả các con trai của mình, rồi họ móc mắt của Zedekiah để những hình ảnh còn sót lại trong ký ức của ông chỉ là những xác chết của các con ông - và xem như chấm dứt triều đại của Đavít (xem 2V 25:7).

Thật vậy, qua cuộc lưu đày và trải dài những thăng trầm của lịch sử, người Israel đã có thể nhìn lại vương quốc Đavít như một giấc mơ - và nhìn về tương lai với sự xuất hiện của Đấng Cứu Thế, Vua và Tư Tế được xức dầu bởi Thiên Chúa. Ngay cả trong thời gian của Chúa Giêsu, những Pharisêu cũng đã không ngần ngại xác nhận Đấng Cứu Thế như “Con của Đavít” (Mt 22:42). Vì Chúa đã hứa với Đavít rằng một vị vua thuộc dòng dõi của ông một ngày kia thống trị tất cả các dân nước, và sẽ trị vì đến muôn đời: “Ta sẽ đặt miếu duệ ngươi sau ngươi, nó sẽ xuất hiện từ thân ngươi... Và Ta sẽ thiết lập ngai báu của triều đại nó đến muôn đời, Ta sẽ là cha nó, và nó sẽ là con Ta” (2 Sm 7:12-14). Chúng ta cũng thấy lời hứa trong Thánh Vịnh: “Chúa thề cùng Đavít, một lời thề từ đó, Ngài sẽ không quay lưng lại: ‘Một trong những người con của ngươi sẽ được đặt trên ngai ngươi... Những người con cũng đòi đòi ngai trên ngai ngươi.’ Vì Chúa đã chọn Sion làm dân Ngài: ‘Đây là nơi ta cư ngụ đến muôn đời’ ” (Tv 132:11-13).

Các tiên tri đã diễn tả sự lẫn lộn nỗi nhớ nhung quê hương và trông chờ của dân Israel, và các ngài đã nói trước sự xuất hiện của Đấng Cứu Thế với sự chính xác kinh ngạc: Ngay cả trước thời gian của Zedekiah, Isaiah đã tiên báo rằng dòng dõi Đavít - gia phả của thân phụ Đavít, Jesse - sẽ nảy sinh một “mầm”, nhưng từ mầm này sẽ nảy sinh “một chồi”, “một cành”:

Đấng Cứu Thế (Is 11:1). “Này đây, hỡi nhà Đavít!... chính Chúa sẽ ban cho ngươi một dấu. Này đây, một trinh nữ sẽ thụ thai và sinh con trai, và sẽ gọi tên người là Immanuel” (Is 7:13-14).

Tôi Mơ Về Một Dòng Tộc

Ngay từ những chữ đầu tiên của Tân Ước đã bao gồm đầy đủ lời hứa của các tiên tri và niềm mong đợi của Israel: “Gia phả của Chúa Giêsu Kitô, con vua Đavít” (Mt 1:1). Từ mở đầu Mátthêu xác nhận Chúa Giêsu như là con của Đavít, Đấng Cứu Thế mong đợi lâu đời. Đúng vậy, Mátthêu làm thế trong một cách khác lạ, hầu như không được báo trước. Mặc dù gia phả là một tài liệu truyền thống thuộc những người đàn ông, Mátthêu cũng pha trộn một cách khác thường những tên của bốn phụ nữ. Hơn thế, những phụ nữ này tất cả đều không đúng với ý niệm trong sạch của người Israel - luân lý và chủng tộc.

Người được nhắc đến đầu tiên là Tamar (Mt 1:3), đàn bà Canaan, bà đã ăn nằm với cha chồng mình (St 38:15-18). Người thứ hai là Rahab, một gái điếm và cũng là đàn bà Canaan (Mt 1:5; Gs 2:1-24). Người thứ ba là Ruth, một dân ngoại, Moabite (Mt 1:5). Và người cuối cùng, cũng là người rất đặc biệt, Bathsheba, “vợ của Uriah”, người Hittite (Mt 1:6). Chính Bathsheba người mà vua Đavít đã phạm tội ngoại tình với bà.

Mátthêu dường như chế nhạo những luật lệ khi ghi lại những đàn bà này trong gia phả của Chúa Giêsu; nhưng ông hành động một cách nào đó khôn ngoan hơn: một lời xin lỗi cần thiết trước. Bằng cách đặt những người phụ nữ - những phụ nữ dân ngoại, và những người phụ nữ dân ngoại có bóng dáng tai tiếng - giữa những tổ tiên của Chúa Giêsu, Mátthêu đã cất bỏ một cách có hiệu quả những tranh chấp của bất cứ ai muốn hỏi về căn cước cứu độ của Chúa Giêsu. Một cách chắc chắn rằng thánh ký đã biết việc công bố một trinh nữ thụ thai Chúa Giêsu sẽ làm dấy lên những nụ cười mỉa mai từ những kẻ phê bình. (Và thực tế, Chúa Giêsu đã bị chế nhạo là con hoang ở nhiều chỗ trong Talmud, và danh xưng “Con bà Maria” tự nó có thể là một dấu hiệu xỉ nhục. Phong tục người Do Thái là gọi một nam nhân “con của” ông ấy. Chỉ có những người không cha mới được gọi “con của” bà này). Thật vậy, Mátthêu hầu như thách thức những độc giả Do Thái nêu lên câu hỏi về tổ tiên của Chúa Giêsu. Bởi vì nếu người Do Thái đã chế nhạo Chúa Giêsu như “con của Maria”, thì vua Salômon, *người con mô phỏng của Đavít*, sẽ mất đi giá trị 4 lần trên. Bởi vì Salômon đã chia sẻ cùng bốn mẫu người phụ nữ tổ tiên với Chúa Giêsu - và người sau cùng trong số họ, Bathsheba, mẹ ruột của Salômon.

Mátthêu đang bảo vệ những giá trị căn tính cứu thế của Chúa Giêsu cùng lúc ông cho thấy công việc thần linh qua việc trinh nữ mang thai. Nếu không xuất phát từ dòng tộc Đavít - vương quốc, lời hứa, và những lời tiên tri - không ai hiểu một cách tường tận sự xuất hiện của Đức Kitô. Thánh ký tiếp tục nghiêng về cuộc tranh luận huyết thống bằng cách ghi lại lời tiên đoán của Isaia về việc trinh nữ thụ thai đấng Immanuel. “Thiên Chúa ở cùng chúng ta” (Mt 1:23). Một số huyết thống sau này khi Mátthêu nhắc về việc Chúa Giêsu sinh tại Belem, thành Đavít, ông trích dẫn lời tiên tri Micah: “Cả ngươi nữa, hỡi Belem... từ ngươi sẽ sinh ra một đấng thủ lãnh, người sẽ cai trị Israel dân ta” (Mt 2:6). Sau cùng, kết thúc bản tường trình về hài nhi của mình, Mátthêu miêu tả Thánh Gia định cư “trong thành gọi là Nadarét” (2:23). Nguyên ngữ của từ “Nadarét” là *netser*, hay là “cành” - và “cành” là tên mà Isaia đã đặt cho Đấng Cứu Thế, đấng sẽ trở sinh từ chồi của cây Jesse (Is 11:1).

Nhìn Thấy Những Ngôi Sao

Tóm lại, ngay từ đầu của Tân Ước, chúng ta thấy rằng vương quốc của Đavít, giống như vườn Diệu Quang, là một tiên báo đơn thuần về việc xuất hiện của Chúa Giêsu Kitô. Qua ánh sáng này, những chi tiết nhỏ mọn của triều đại Đavít - một lần nữa giống như những chi tiết của *Ngụy Kinh* - có một ý nghĩa lớn lao. Cấu trúc của vương quốc Đavít không phải là một sự ngẫu nhiên hay một biến cố tự nhiên; trong chương trình tiên định của Thiên Chúa, nó báo trước vương quốc Thiên Chúa.

Ở phần kết thúc của Tân Ước, sách Khải Huyền, hình ảnh Đavít tiếp tục ở chương 11 và 12 dựa vào Thánh Vịnh 2, thánh vịnh của vua Đavít. Thánh vịnh bắt đầu, “Sao chư dân lại ồn ào náo động? Sao vạn quốc dám bày kế viển vông? đem lại cho họ sự “giận dữ” của Thiên Chúa (Kh 11:18; xem thêm Tv 2:5). Trong Thánh Vịnh 2, Thiên Chúa nói với vua Đavít: “Con Ta con Ta, hôm nay Ta đã sinh ra con” (câu 7) - tiên báo những lời đã được nói về Chúa Giêsu khi Ngài chịu phép rửa: “Đây là con yêu dấu Ta, Ta hài lòng về người” (Mt 3:17). Người con của Đavít sẽ thống trị “các dân tộc” bằng “roi sắt” theo Thánh Vịnh 2:8-9. Trong Khải Huyền, lời hứa này được hoàn thành khi “người nữ” sinh “người con trai”, người sẽ “thống trị các dân tộc với cây roi sắt” (Kh 12:5).

Tiếp tục sự khảo cứu của chúng ta về Khải Huyền, và dưới ánh sáng của tinh thần Đavít, chúng ta sẽ hiểu thế nào về “người nữ” qua hình ảnh hoàng hậu “mặc áo mặt trời”, và đội triều thiên 12 ngôi sao?

Trước hết, rõ ràng là người phụ nữ này phải nắm giữ một vị trí trội vượt trong liên hệ với Israel, mà 12 chi họ được tượng trưng bằng 12 ngôi sao trên triều thiên đội trên đầu. Thật ra, viễn ảnh của Gioan gợi lại giấc mơ của Giuse trong sách Sáng Thế Ký, về “mặt trời, mặt trăng, và mười một ngôi sao... quì phục” trước ông (37:9). Trong giấc mơ của Giuse, mười một ngôi sao chỉ các anh em, và các chi họ của các tổ phụ.

Đúng vậy, vẫn còn nhiều hơn thế về vai trò người phụ nữ của Khải Huyền. Trong những ngày huy hoàng nhất của giao ước cũ, mười hai chi tộc đã hợp nhất, và đã bày tỏ sự cung kính đối với hình ảnh vương quyền của một phụ nữ, và hình ảnh này chắc chắn tiên báo về người nữ chúng ta gặp trong Khải Huyền.

Mẫu Hậu

Nền quân chủ của Israel đã phát sinh trong những hoàn cảnh lịch sử đặc biệt giữa một khu vực địa lý đặc thù. Thời cổ xưa tại Cận Đông, hầu hết các quốc gia được các nền quân chủ cai trị bằng một vị vua. Thêm vào đó, hầu hết các nền văn hóa này đều áp dụng tục lệ đa thê, do đó, các vị hoàng đế thường có năm bảy bà vợ. Điều này tạo nên nhiều vấn đề. Đầu tiên, ai trong số họ sẽ được dân chúng trọng vọng như hoàng hậu? Nhưng quan trọng nhất là con của vợ nào sẽ là người được thừa kế ngai vàng của cha mình.

Trong hầu hết những nền văn hóa Cận Đông, cả hai vấn nạn trên được giải quyết bằng một tục lệ đơn giản. Người phụ nữ được tôn kính như hoàng hậu lại không phải là bất cứ người vợ nào của vua, mà là mẹ vua. Một yếu tố chính đáng được áp dụng, vì thường sức mạnh thuyết phục (hoặc quyến rũ) của người mẹ đã thắng được ngai vàng cho người con. Tục lệ này cũng được dùng như một yếu tố ổn định trong những nền văn hóa quốc gia. Là người vợ của tiên đế, và là người mẹ của quân vương, mẫu hậu điều chỉnh thành quả liên tục của một triều đại.

Theo lịch sử, điều này rất cần tiếp tục khi người dân nhìn quanh họ như những mẫu mực của chính quyền. Hãy nhớ rằng, người dân mong mỗi một vị vua để “giống như mọi quốc gia”. Vì vậy, theo các mô hình của những phần đất lân bang, họ đã thiết lập một triều đại, hệ thống luật lệ, triều đình - và một mẫu hậu. Chúng ta thấy điều này bắt đầu từ triều đại Đavít. Người kế vị đầu tiên của Đavít là Salômon, cai trị dân với mẹ của ông là Bathsheba, ở bên phải của ông. Mẫu hậu của Israel hoặc *gebirah* (quý bà cao cả), xuất hiện qua lịch sử của một nền quân chủ, tới tận cùng. Khi Giêrusalem rơi vào tay quân Babylon, chúng ta thấy kẻ thống trị bắt vua, Jehoiachin, và cùng với mẹ của ông là Nehushta, người đứng đầu, trong hành động, trên các bà vợ của nhà vua (2 V 24:15; xem thêm Gr 13:18).

Giữa Bathsheba và Nehushta cũng có nhiều người mẹ các vua. Một số hành động tốt, một số không; nhưng không ai là một hình ảnh tiêu biểu. *Gebirah* còn hơn một danh hiệu, nó là một chức phận với thẩm quyền thực thụ. Nhìn vào bối cảnh sau đây khởi đầu từ ngày đầu trị vì của

Salômon: “Rồi Bathsheba đến với vua Salômon nói với nhà vua nhân danh Adonijah. Và nhà vua đã đứng dậy để đón tiếp bà, và cúi chào bà; rồi nhà vua ngồi xuống trên ngai, và truyền đem ghế cho mẫu hậu; và bà ngồi bên hữu nhà vua” (1 V 2:19).

Đoạn văn ngắn này chứa những hàm xúc về cấu trúc và nghi thức triều đình Israel. Trước hết, chúng ta thấy rằng mẹ của vua tiếp cận với con bà để nói nhân danh một người khác. Điều này xác định những gì chúng ta biết về một mẫu hậu trong văn hóa Cận Đông. Chúng ta thấy trong anh hùng ca của Gilgamesh chẳng hạn, mẹ của vua tại Mesopotamia được coi như một quan thầy, hoặc một trạng sư đối với dân chúng.

Tiếp đến, chúng ta ghi nhận rằng Salômon đã đứng dậy khỏi ngai vàng của ông khi mẹ của ông tiến vào gian phòng. Điều này làm cho mẹ của vua thành một nhân vật cá biệt giữa những nhân vật của hoàng tộc. Mọi người đều phải nghe theo luật pháp, đứng dậy trước mặt Salômon, những người vợ của vua buộc phải cúi đầu trước ông (1 V 1:16). Nhưng Salômon lại đứng dậy để tôn kính Bathsheba. Hơn thế nữa, nhà vua còn chứng tỏ sự tôn kính hơn nữa bằng cách cúi mình trước mặt bà, và bằng cách đặt bà vào một vị trí danh dự nhất, ở tay phải của mình. Không còn nghi ngờ gì, điều này diễn tả nghi lễ hoàng triều thời kỳ của Salômon; nhưng tất cả mọi nghi lễ diễn tả một sự liên quan thực tế. Những gì Salômon làm cho chúng ta biết về vai trò của ông trong mối tương quan với mẹ mình?

Trước tiên, uy quyền và sức mạnh quyền lực của vua đã không làm hoảng sợ bà. Nhà vua cúi đầu trước bà, nhưng ông vẫn là hoàng đế. Dù bà ngồi bên hữu vua cũng không thay đổi khác hơn địa vị mỗi người.

Dù rõ ràng là vua tôn trọng mọi yêu cầu của bà - nhưng không có một ràng buộc luật lệ đòi hỏi phải vâng lời, đúng hơn chỉ thuần túy là lòng yêu mến. Ở vào bối cảnh lúc đó, Salômon rõ ràng đã lập một thành tích về việc làm hài lòng những gì mẹ ông yêu cầu. Khi lần đầu tiên Adonijah đến với Bathsheba để xin bà cầu xin cho mình, ông nói: “Xin hãy nói với Vua Salômon, - *ngài sẽ không từ chối bà*”. Dù trên nguyên tắc, Salômon là bề trên của Bathsheba, trong trật tự tự nhiên và pháp lý, ông vẫn là con của bà.

Vua cũng đã lệ thuộc vào bà nữa, là người cố vấn chính, bà có thể đưa ra những lời khuyên và hướng dẫn, có thể trong một cách thế mà một vài vấn đề có thể là một sự khích lệ để tuân theo. Chương 31 sách Phụng vụ cung cấp một hình ảnh mô phỏng một cách nghiêm túc thế nào nhà vua có thể lắng nghe lời cố vấn của mẹ mình.

Được giới thiệu như “những lời của Lemuel, vua xứ Massa, mà mẹ ông ta đã dạy ông ta” chương sách tiếp tục đưa ra hướng dẫn quan trọng và thực hành trong chính quyền. Chúng ta không nhấn mạnh đến khía cạnh khôn ngoan dân già ở đây. Như một cố vấn chính trị và cũng như một nhà chiến thuật, một trạng sư cho dân chúng, và như một chủ thể được nhìn nhận là ngay thẳng, người mẹ của vua là một đặc thù trong mối tương quan của bà đối với vua.

Chìa Khóa Đavít

Nếu không có cấu trúc phức tạp về nguồn gốc Đavít, chúng ta không hiểu việc Chúa Giêsu Kitô xuất hiện. Qua Đavít tổ tiên của Ngài, không chỉ là sự hiểu biết về chính Ngài, nhưng với hy vọng về những người đồng thời với Ngài, phản ảnh thần học của những môn đệ đầu tiên theo Ngài như thánh Phaolô và thánh Gioan. Đáng Cứu Thế phải là con Đavít, nhưng cũng là con Thiên Chúa (x 2 Sm 7:12-14). Vị vua muôn thuở sẽ xuất phát từ nhà Đavít, từ “huyết thống” Đavít. Khi “con trẻ nam” trở nên cai trị các dân nước, Người sẽ cai trị như một vị vua của dòng tộc Đavít, với roi sắt, như chính Đavít đã hát.

Vâng, sự liên quan chủng loại này sẽ không ngừng với dữ kiện về vương quyền, nó còn bao gồm nhiều những chi tiết nhỏ về một chính thể quân chủ. Khi Đavít xây dựng thành thánh ở

Giêrusalem, cũng vậy người kế vị cuối cùng sẽ xây một Giêrusalem trên trời. Như người kế vị đầu tiên của Đavít đã cai trị bên mẹ của mình, cũng thế, Đấng kế vị sau cùng và muôn thuở. Triều đại Đavít tìm thấy sự viên mãn của nó trong sự ngự trị của Chúa Giêsu Kitô - và *không bao giờ* có vị vua nào thuộc dòng dõi Đavít mà không có một hoàng hậu theo dòng dõi Đavít: người mẹ của riêng nhà vua, một mẫu hậu.

Chỉ duy với chìa khóa Đavít này mới có thể mở được những mâu nhiệm, thí dụ, ở tiệc cưới Cana. Maria tiến đến con của mình để cầu bầu cho loài người - giống như Bathsheba nói với Salômon nhân danh Adonijah. Maria đề nghị con của mình về một điều trước mắt. Cũng thế, Mẹ nói với người khác vâng lời *Ngài*, chứ không phải vâng lời mình. Và, Chúa Giêsu nói với Mẹ của mình như người bề trên. Đúng vậy, Ngài mau mắn đáp lời yêu cầu của Maria - giống như sự ngưỡng mộ của một vị vua thuộc dòng dõi Đavít chấp nhận điều cầu xin của mẹ mình.

Giống như chìa khóa Đavít này cũng có thể mở những mâu nhiệm của “người nữ” trong sách Khải Huyền. Đầu đội triều thiên với 12 ngôi sao - tượng trưng mười hai chi họ Israel - vì bà sẽ sinh vị vua thuộc giòng dõi Đavít. Bà bị đe dọa bởi con rồng vì những đồng minh của con rắn, nhà Hêrôđê, sẽ chiến đấu lại sự cai trị của nhà Đavít và người kế vị Đavít.

Sau cùng, triều đại quân chủ Đavít hoàn tất trong nối kết giữa Adong và Evà, những người đã sa ngã, còn Adong và Evà Mới, những người đã thành công và chiến thắng ơn cứu độ cho nhân loại.

Trong Sáng Thế Ký, chúng ta thấy rằng Adong được tạo thành đầu tiên và được ban cho quyền thống trị hoặc vương quyền, trên khắp trái đất. Tuy nhiên, ông không bao giờ có ý muốn cai trị bởi chính ông: “Thiên Chúa phán, ‘đàn ông sống một mình không tốt’ (St 2:18). Bởi thế Thiên Chúa đã tạo dựng Evà, người phụ tá đắc lực và hoàng hậu của Adong. Cả hai cùng chia sẻ quyền thống trị. Khi Adong tỉnh thức và thấy Evà, ông đã nói: “Cuối cùng đây là xương bởi xương tôi và thịt bởi thịt tôi” (St 2:23), một mệnh đề, một cách rõ ràng xuất hiện đó đây trong Thánh Kinh - khi các chi họ Israel tung hô Đavít là vua của họ. Họ nói: “Chúng tôi là xương và thịt của Ngài” (2 Sm 5:1). Vì thế, lời của Adong có một ý nghĩa đặc biệt hơn: họ là một lời tuyên xưng vương quyền.

Trong Sáng Thế Ký, sau khi Adong vui mừng, thánh ký nhận định: “Bởi thế, người đàn ông bỏ cha mẹ mình và luyến ái vợ mình” (St 2:24). Những nhà phê bình cổ xưa đã lúng túng về bản văn này với nhiều lý do. Một trong những lý do đó là tại những nền văn hóa cổ xưa, người phụ nữ già từ gia đình để đi lấy chồng, nhưng đây lại là “người nam”. Tuy nhiên, cái khó khăn nhất để suy nghĩ là Sáng Thế Ký nêu lên người cha và người mẹ trong văn bản, trong khi Adong lại không có cha và cũng không có mẹ. Khi trích dẫn đoạn văn này trong Sách Sáng Thế Ký, Thánh Phaolô hiểu rằng đây là một mâu nhiệm sâu thẳm, nhưng ngài đã giải thích mâu nhiệm bằng cùng một hơi thở: “Tôi nói rằng, điều này liên quan đến Đức Kitô và Hội Thánh” (Ep 5:32). Đó là Chúa Giêsu, Đấng sẽ lìa Cha và Mẹ để hiệp nhất với hiền thê của Ngài, là Giáo Hội.

Sự kiến tạo một nền quân chủ tiên khởi sẽ không đạt được mục đích của Thiên Chúa - cũng không phải là nền quân chủ của Đavít - nhưng có một điều tốt hơn. Adong Mới - Chúa Giêsu - sẽ cai trị, như đã được tiên báo trong khu vườn và trong triều đình của Salômon. Adong Mới, Quân Vương giòng dõi Đavít mới sẽ ngự trị với hiền thê của Ngài, Evà Mới, và bà sẽ trở nên một phụ nữ lịch sử, người mà Sách Khải Huyền sẽ nghĩ về Giáo Hội. Bà sẽ là mẹ của sự sống. Bà sẽ bầu cử cho dân chúng. Bà sẽ là một mẫu hậu. Đó là Đức Maria.

[VỀ MỤC LỤC](#)

CHUYỆN MỖI TUẦN – CHUYỆN VỀ CÂU NÓI “BUÔNG ĐAO ĐỒ TÊ THÀNH PHẬT”...



Đây là câu chuyện có thật của một vị hòa thượng - trước khi xuất gia nương nhờ cửa Phật - vốn là một tay thợ săn rái cá để lột lấy da...Vị hòa thượng ấy kể rằng:

Một ngày nọ, sáng sớm ông đã săn được một con rái cá cái...Sau khi lột bộ da quý của nó, ông đặt con rái còn thoi thóp lên một bãi cỏ...rồi đi lo chuyện bộ da...Sẩm tối ông trở lại chỗ cũ nhưng không thấy con rái cá đâu cả...Quan sát kỹ và ông phát hiện những giọt máu khô...Vết máu đưa ông tới một cái hang nhỏ gần đấy...

Nhìn vào hang, ông giật mình thấy con rái cá nằm đó...Tại sao bị lột da đau đớn như vậy mà con rái cá vẫn cố gắng lết tìm đến cái hang này chứ ?

Thò tay lôi con rái cá đã chết ra, ông ngẩn người phát hiện hai con rái cá con còn chưa mở mắt vẫn đang ngậm chặt đầu vú khô của con rái cá mẹ...Thì ra trước khi chết, con rái cá mẹ vẫn còn nghĩ đến chuyện phải tìm chỗ cho con mình sinh ra và được bú no bầu sữa mẹ...Người thợ săn sững sờ...và cảm thấy đôi cánh mũi cay cay vì nhận ra hành vi tội lỗi của mình...Ông xấu hổ...và – từ đó – ông gác đao đồ tể, giã từ nghề săn rái cá, xuất gia tu hành...

Số 86 bản kinh Trung Bộ của Phật Giáo có một câu chuyện nhằm giải thích câu nói cửa miệng “ buông đao đồ tể thành Phật”...

Một sát thủ biệt danh là Daku Angulimala – nghĩa là “kẻ đeo râu chuỗi bằng ngón tay người” - chuyên giết người, chặt lấy một ngón tay và xâu thành một chuỗi đeo ở cổ...Dân chúng Kosala – nơi Đức Phật cư trú thời đó – rất hoang mang...Họ nài xin nhà vua Pasenadi của Kosala truy lùng anh ta để trừ họa...

Đức Phật quan sát và biết rằng người này – trong các tiền kiếp – cũng từng có quan hệ thân tộc với ngài và là người vốn có thiện tâm...Sở dĩ anh ta có hành động ghê gớm ấy là do **tà kiến** cho rằng phải kiếm đủ 1.000 cái ngón tay làm lễ vật dâng người dạy thần thông cho mình...thì thần thông ấy mới hiệu nghiệm...Vậy là Đức Phật quyết tâm thu phục Angulimala, vừa để giải thoát tà kiến cho anh ta, vừa tiêu trừ tai họa cho dân chúng...Khi ấy, Daku Angulimala đã có được 999 ngón tay và đang bị truy bắt ráo riết...Phu nhân của vị đại thần trong triều vua Pasenadi không hiểu sao luôn nghĩ rằng Angulimala là người con trai của mình...Cậu ta khi sinh ra được đặt tên là Ahimsaka – nghĩa là “kẻ không gây hại” – nhằm giải trừ một điềm báo khi con bà mới sinh rằng đưa trẻ lớn lên sẽ thành một kẻ giết người không góm tay...Thủa nhỏ, cậu ta được nuôi dạy rất kỹ nhằm giúp cậu trở thành một con người hiền lành...Nhưng khi trưởng thành, cậu được gửi đến cho một vị thầy nổi tiếng thời đó ở cách nhà vài trăm dặm...Và ngay khi rời khỏi nhà thầy mình...thì anh ta trở thành một sát thủ...mà cả nhà không ai hay biết...Bà mẹ thương con đã tìm cách báo cho anh ta biết lệnh truy bắt của nhà vua đồng thời cũng tìm mọi cách để tiếp cận con hầu có thể khuyên bảo anh...Nghe tin Angulimala đang ẩn trú trong một khu rừng hoang vắng, bà quyết định lên đường gặp con...Đấy cũng là lúc Đức Phật muốn ra tay hoán cải Angulimala...Trong nơi trú ẩn đợi chờ nạn nhân thứ 1.000, Angulimala thấy mẹ mình và chột lóe lên ý nghĩ giết mẹ...thì lại nhìn thấy một sa-môn đi

tới...Bỏ ý định giết mẹ, anh chàng sát thủ quyết định ra tay với vị sa-môn dù biết rằng khó hơn...Anh ta đuổi theo Đức Phật, và mặc dù ngài vẫn đi theo nhịp thiền hành, nhưng anh ta vẫn người ra vẫn không đuổi kịp...Ngạc nhiên, Angulimala gọi lớn :”Sa-môn, hãy đứng lại!”...Đức Phật cũng lớn tiếng : “Ta đã đứng lại rồi...Này, Angulimala, ngươi cũng hãy đứng lại !”...Câu trả lời của Đức Phật – “Angulimala, ngươi cũng hãy đứng lại !” - làm anh ta hoang mang...và **thiện tính** nơi anh bừng sáng, anh “ngộ” và quyết từ bỏ ác nghiệp, tu tập tinh tấn, nhẫn nhục chịu nhiều quả báo đau khổ để rồi cuối cùng đạt thành quả A-la-hán – nghĩa là “người xứng đáng”, “người hoàn hảo”, “người thoát được sinh tử luân hồi”...

Như vậy “buông đao đồ tể thành Phật”...là “biết đứng lại” giữa ngổn ngang những điều ác quanh mình để tu tập tinh tấn và trở thành “người xứng đáng”, “người hoàn hảo”...



Tháng 11 là tháng cầu cho các linh hồn – tháng “vu lan” của người Công Giáo...Mong sao mỗi người chúng ta “biết đứng lại” để rõ mình và dành thời gian cầu nguyện cho các linh hồn...

Lm Giuse Ngô Mạnh Điệp

[VỀ MỤC LỤC](#)

VAI TRÒ CỦA DINH DƯỠNG

Từ khoảng thế kỷ thứ V trước Công nguyên, danh y Hy Lạp là Hippocrates đã chủ trương rằng, để phòng ngừa và điều trị một số bệnh ta chỉ cần áp dụng những chế độ ăn uống cân bằng hợp lý và sống hài hòa với thiên nhiên.

Ở Trung Hoa xưa kia, ngoài việc triều chính, vua Hoàng Đế đã biết chỉ dẫn cho dân chúng về bệnh tật cũng như cách sản xuất lương thực và sử dụng những món ăn thức uống có tác dụng trị bệnh và có lợi cho sức khỏe.

Các vị danh y Tuệ Tĩnh, Hải Thượng Lãn Ông của Việt Nam trước đây đều nhấn mạnh vai trò quan trọng của ẩm thực trong việc ngăn ngừa và chữa trị một số bệnh. Hãy nghe lời khuyên sau đây của danh y Tuệ Tĩnh :

*“Muốn cho phủ tạng được yên;
Bớt ăn mấy miếng, nhịn thềm hơn đau”.*

Hoặc:

“ *Chết vì bội thực cũng nhiều;*

Ngờ đâu lại có người nghèo chết no”.

Như vậy, có thể nói rằng từ rất xa xưa các vị danh y trên khắp thế giới hầu như đều đã nhận biết được là vấn đề dinh dưỡng có ảnh hưởng rất lớn đến sức khỏe con người, có thể giúp ta phòng trị bệnh cũng như duy trì được một cuộc sống luôn khỏe mạnh.

Khái niệm

Nói một cách đơn giản và dễ hiểu thì khoa Dinh Dưỡng là khoa học về dinh dưỡng. Tuy nhiên, cụ thể và chi tiết hơn thì đây là bộ môn khoa học nghiên cứu về:

- Thực phẩm và các chất dinh dưỡng;
- Tác dụng của chất dinh dưỡng tới các điều kiện sức khỏe và bệnh tật của cơ thể;
- Tiến trình tiêu hóa thức ăn, bao gồm từ lúc cơ thể tiếp nhận thực phẩm, chuyển vận qua hệ tiêu hóa để hấp thụ các chất dinh dưỡng và loại bỏ phần cặn bã ra khỏi cơ thể.

Còn sự Dinh dưỡng là quá trình trong đó thực phẩm được đưa vào cơ thể và cách thức cơ thể sử dụng chất dinh dưỡng thu được từ những thức ăn đó cho các nhu cầu của tế bào, cơ quan.

Mục đích của sự Dinh Dưỡng

Dinh dưỡng có ba mục đích chính:

- 1- Tạo điều kiện thuận lợi để cơ thể có sức khỏe tốt lành;
- 2- Phòng ngừa các bệnh liên quan tới dinh dưỡng;
- 3- Khôi phục sức khỏe sau thời kỳ bệnh tật, thương tích.

Người Anh có câu ngạn ngữ rằng “*You are what you eat*” (*Ăn ra sao thì người thế ấy*), đó cũng là nói lên tầm quan trọng của vấn đề dinh dưỡng.

Thực phẩm ăn vào sẽ có ảnh hưởng rất lớn tới sức khỏe của ta trong suốt các giai đoạn khác nhau của đời người. Ăn uống không đúng với tình trạng sinh lý cơ thể sẽ có hậu quả xấu mà đôi khi chỉ với một vài thay đổi nhỏ về dinh dưỡng cũng cải thiện sức khỏe rất nhiều.

Cứ nhìn người Á Châu lấy căn bản thức ăn là gạo, ít calcium, thường đều nhỏ con hơn dân Âu châu ăn lúa mì, nhiều calcium.

Quan sát người Việt ta, trước đây dân miền Bắc, miền Trung dinh dưỡng thiếu hụt nên cơ thể nhỏ hơn so với người sanh trưởng ở miền Nam, gạo lúa dư thừa.

Con cháu chúng ta ở nước ngoài, dinh dưỡng tốt nên cháu nào cũng to hơn hơn bố mẹ, ông bà.

Cho nên mỗi người *cần có một thói quen ăn uống lành mạnh*. Nhiều người ý thức được việc đó nhưng ít người thực hiện được. Vì thế, càng tìm hiểu nhiều về ích lợi cũng như tác hại của dinh dưỡng với sức khỏe thì ta càng biết cách ăn uống sao cho thích hợp và có lợi cho sức khỏe.

Các lời khuyên về phương cách ăn uống thì nhiều và khác nhau nhưng mục đích đều hướng về sự bảo vệ sức khỏe. Tuy nhiên cũng có người bối rối, không biết theo lời khuyên nào, nên tùy hứng làm theo ý mình. Thế là người ta đã tạo ra một thói quen đôi khi xấu hơn hơn tốt. Do đó việc tập luyện thói quen tốt trong ăn uống đôi khi cũng không hẳn là dễ dàng

Thói quen ăn uống cũng thay đổi tùy chủng tộc, văn hóa, khả năng cung cầu, điều kiện tâm lý, nếp sống cá nhân, sự hấp dẫn của món ăn, cách thức mời chào, quảng cáo của giới sản xuất.

Hầu hết các quốc gia đều có đưa ra những tiêu chuẩn về dinh dưỡng cho người dân, quy định mức dinh dưỡng tối thiểu để cơ thể tăng trưởng mạnh và phát triển trí óc tốt đồng thời tránh được bệnh tật cũng như kéo dài tuổi thọ. Ngoài ra, còn có các chương trình quốc gia hướng dẫn để người dân biết cách áp dụng những tiêu chuẩn ấy trong việc ăn uống hàng ngày.

Chất dinh dưỡng

Trước hết, cần có sự phân biệt giữa *thực phẩm hoặc thức ăn* (Foods) với *chất dinh dưỡng* (Nutrients).

Thực phẩm là nguồn cung cấp *chất dinh dưỡng*. Thịt, cá, rau, trái cây, gạo đều là thực phẩm. Đa số thực phẩm cần được nấu nướng, chế biến để trở thành món ăn.

Chất dinh dưỡng là những chất nuôi sống cơ thể và có sẵn trong thực phẩm. Các chất này rất cần thiết cho sự thành hình của bào thai, sự lớn của trẻ sơ sinh, sự tăng trưởng từ tuổi thơ tới tuổi trưởng thành và duy trì sức khỏe cơ thể trong suốt cuộc đời.

Tình trạng cơ thể tùy thuộc một phần lớn vào chế độ dinh dưỡng mà ta áp dụng.

Mỗi chất dinh dưỡng có một hoặc nhiều tác dụng như:

1. Cung cấp năng lượng cho các hoạt động của cơ thể;
2. Cung cấp nguyên liệu để cấu tạo và tu bổ các mô, tế bào;
3. Tham dự vào sự điều hòa các sinh hoạt cơ thể.

Các nhà dinh dưỡng ước lượng có tới vài chục chất dinh dưỡng khác nhau dưới dạng đơn thuần hoặc hỗn hợp, được chia làm sáu nhóm chính: nhóm carbohydrat, nhóm chất đạm, nhóm chất béo, nhóm sinh tố, nhóm khoáng chất, và nước.

Mỗi loại thực phẩm chứa một số chất dinh dưỡng khác nhau, cho nên ta cần có chế độ ăn đa dạng mới có đủ các chất dinh dưỡng cần thiết cho cơ thể.

Một chất dinh dưỡng được coi là *thiết yếu* khi sự thiếu nó sẽ làm suy giảm một số chức năng của cơ thể. Nếu chất này được bổ sung kịp thời trước khi tổn thương xảy ra thì cơ thể sẽ trở lại bình thường.

Ngoài chất bổ dưỡng, *năng lượng* là nhu cầu kế tiếp mà chất dinh dưỡng phải cung cấp cho cơ thể.

Các nhóm chất đạm, chất béo và carbohydrat đều cung cấp năng lượng.

Các nhóm sinh tố, muối khoáng và nước không cung cấp năng lượng nhưng rất cần thiết cho các mục đích khác.

Ngoài ra trong thực phẩm còn vài chất không được xem là dinh dưỡng nhưng lại cung cấp năng lượng. Đó là các chất xơ, rượu, đường.

Một chế độ dinh dưỡng nhiều về lượng và phẩm cũng chưa đủ để có một sức khỏe tốt nếu không có *sự cân đối* hợp lý các thành phần dinh dưỡng. Trong cơ thể, các cơ quan luôn luôn hoạt động một cách nhịp nhàng tương ứng, để sử dụng các chất dinh dưỡng khác nhau cho các nhu cầu về năng lượng, kiến tạo cũng như tu bổ các mô tế bào sau khi bị thương tích, bệnh tật.

Số lượng thực phẩm tiêu thụ còn tùy thuộc các yếu tố xã hội, tâm lý, sinh học của con người. Tâm trạng vui buồn đều có ảnh hưởng tới sự ăn uống và tiêu hóa chất dinh dưỡng. Các phản ứng sinh hóa trong cơ thể cũng ảnh hưởng tới sự hấp thụ và chuyển hóa dinh dưỡng.

Tóm lại, chất dinh dưỡng có thể làm ta mập hay gầy ốm, hoạt động nhanh nhẹn hay chậm chạp, sống vui khỏe hay thường xuyên đau ốm...

Nghĩa là chất dinh dưỡng có rất nhiều ảnh hưởng.

Nhu Cầu.

Một chế độ dinh dưỡng có thể xem là:

a-*Thỏa đáng*: khi cung cấp đủ chất dinh dưỡng cho các hoạt động, chức năng của cơ thể cũng như có dự trữ cho nhu cầu cấp bách.

b-*Không đầy đủ*: khi hấp thụ ít hơn nhu cầu. Trong trường hợp này, cơ thể sẽ lấy nguyên liệu từ kho dự trữ để nuôi dưỡng và tái tạo tế bào. Kho sẽ vơi dần dần nếu không được bổ sung.

Lấy ví dụ: hồng huyết cầu chỉ sống khoảng 120 ngày, tế bào niêm mạc ống tiêu hóa cần được thay thế mỗi tuần lễ. Tất cả đều cần có nguyên liệu từ chất dinh dưỡng. Nếu chỉ thiếu dinh dưỡng trong thời gian ngắn, kho dự trữ có thể đáp ứng, nhưng nếu kéo dài lâu ngày sẽ nảy sinh nhiều bệnh tật liên quan.

c-*Quá mức*: khi cung cấp chất dinh dưỡng nhiều hơn nhu cầu, sẽ tạo ra tình trạng dư thừa. Chẳng hạn, sắt rất cần cho việc tạo huyết cầu tố, nhưng quá nhiều sẽ đưa tới suy gan; Năng lượng thừa dư được cơ thể hấp thụ và chuyển sang dự trữ, quá nhiều sẽ gây ra tình trạng béo phì.

Mọi người đều cần những thành phần dinh dưỡng như nhau, bất kể tuổi tác, giới tính, chủng tộc, điều kiện sinh hoạt khác nhau. Tuy nhiên về số lượng thì mỗi cơ thể đều có nhu cầu khác biệt.

Cơ thể càng to lớn thì nhu cầu càng cao.

Một người hoạt động nhiều chắc chắn cần nhiều thực phẩm hơn người sống tĩnh tại.

Khi ngủ nghỉ, nhu cầu năng lượng giảm; khi cơ thể run vì lạnh thì cần thêm năng lượng để khởi lạnh cóng.

Thực phẩm sản xuất ra năng lượng mà đơn vị đo cơ bản là calori (Cal).

Một calori là số năng lượng đủ để làm tăng nhiệt độ của một gram nước lên 1°C. Vì đơn vị calori quá nhỏ, cho nên khi tính toán năng lượng người ta thường dùng kilocalorie (Kcal), tương đương với 1000 calori. Mặc dù do thói quen người ta vẫn gọi là calori nhưng trong dinh dưỡng nên hiểu là được dùng để chỉ cho kilocalorie (Kcal).

Mức cung cấp năng lượng của một vài nhóm thực phẩm tiêu biểu như sau:

1 gram carbohydrate cho 4 Kcal

1 gram chất béo cho 9 Kcal

1 gram chất đạm cho 4 kcal

1 muỗng canh đường cát trắng tinh chế (khoảng 4 gr) cho 16 Kcal.

Một muỗng canh dầu thực vật (khoảng 5 gr) cho 45 Kcal.

Khẩu phần ăn phải phù hợp với mỗi người, không gây cảm giác ngầy ngất mệt mỏi vì ăn quá no nhưng cũng không ăn quá ít, vì sẽ không cung cấp đủ dinh dưỡng cho hoạt động của cơ thể.

Thông thường, khi ăn con người chỉ nhìn thấy món ăn mà không biết được mối tương quan giữa dinh dưỡng trong bữa ăn với những điều kiện sức khỏe và bệnh tật của cơ thể. Vì vậy, nếu có một hướng dẫn đúng đắn để lựa món ăn thích hợp với nhu cầu cơ thể là điều lý tưởng và hữu hữu ích nhất.

Chế độ dinh dưỡng hợp lý

Lời khuyên chung của các chuyên gia dinh dưỡng và y tế về sự ăn uống là chúng ta nên:

1-*Ăn nhiều loại thực phẩm khác nhau*, vì mỗi loại có chất dinh dưỡng mà loại khác không có.

Chẳng hạn sữa mẹ được coi như gần hoàn hảo, nhưng lại có ít sắt và sinh tố D.

Sữa bò có nhiều đạm nhưng rất ít sắt và không có chất xơ.

Thịt động vật có vú nhiều đạm nhưng ít calci.

Trứng không có vitamin C và có rất ít calci vì hầu hết nằm ở vỏ trứng.

Như vậy cần có chế độ ăn đa dạng mới cung cấp đủ chất dinh dưỡng.

2-Duy trì *trọng lượng cơ thể ở mức trung bình*. Để tránh tăng cân quá mức, chỉ nên ăn đủ số năng lượng mà cơ thể cần.

3-*Giảm chất béo động vật* bão hòa và cholesterol: lượng cholesterol ăn vào mỗi ngày không quá 300mg; chất béo động vật bão hòa không chiếm tỷ lệ quá 10% tổng số năng lượng được cung cấp mỗi ngày. Cho nên mọi người cần dùng dầu thực vật với chất béo chưa bão hòa. Mức tiêu thụ chất béo nói chung không nên quá 30% tổng số năng lượng mỗi ngày.

4-*Giảm thịt động vật có nhiều mỡ* hoặc loại bỏ bớt mỡ khi ăn thịt; ăn nhiều cá. Việc ăn thịt tự nó không có hại cho người khỏe mạnh, nhưng ăn nhiều thịt thường kèm theo nhiều chất béo và cung cấp nhiều năng lượng.

5-Dùng sữa đã gạn bỏ bớt chất béo.

6-Ăn thực phẩm có *chất xơ và tinh bột*.

7-Tránh tiêu thụ quá nhiều đường tinh chế. Đường không gây bệnh tiểu đường, bệnh tim như nhiều người vẫn lầm tưởng, nhưng vì có nhiều năng lượng nên dễ dẫn tới béo phì, một nguy cơ của bệnh tiểu đường loại 2.

8-Giới hạn muối không quá 2500 mg mỗi ngày để giảm thiểu rủi ro bị cao huyết áp.

9-Hạn chế rượu bia. Nếu không thể bỏ hẳn thì không nên quá 350 ml bia hoặc 150 ml rượu vang, rượu mạnh thì không quá 50ml, hai lần một ngày đối với nam giới, một lần với phụ nữ..

Hậu quả của chế độ dinh dưỡng sai.

Chế độ dinh dưỡng sai có nguy cơ đưa tới một số bệnh tật. Sai có thể là quá dư, quá thiếu hoặc không cân đối.

Thiếu dinh dưỡng, cơ thể sẽ chậm phát triển, trí nhớ kém, sức đề kháng bệnh tật của cơ thể giảm, cơ thể suy nhược và đưa tới giảm tuổi thọ.

Dinh dưỡng dư thừa sẽ dẫn đến ác bệnh kinh niên, như bệnh tim, ung thư, cao huyết áp, tai biến động mạch não, tiểu đường. Ngoài ra còn có thể mắc phải những bệnh khác như xơ gan, viêm túi ruột hoặc tai nạn, tự tử do tiêu thụ nhiều rượu.

Dinh dưỡng sai mà lại thiếu vận động cơ thể còn đưa tới nhiều ảnh hưởng không tốt khác cho sức khỏe.

Dinh dưỡng không đúng cũng gây ra tổn thương về nhiều phương diện cho các thể hệ sau.

Nghệ thuật ăn uống

Mục tiêu chính của ăn uống là để có chất bổ dưỡng nuôi cơ thể, như các cụ ta vẫn nói “*An để mà sống*”. Nhưng ăn uống cũng là cả một nghệ thuật và việc ăn uống trong cuộc sống còn đáp ứng một số nhu cầu khác:

-Bữa ăn chung tạo ra sự ràng buộc, gắn bó giữa con cái với cha mẹ, giữa mọi người trong gia đình với nhau.

-Phương thức ăn uống bộc lộ nền văn hóa dân tộc, vì mỗi dân tộc đều có những quan niệm, hiểu biết, kinh nghiệm khác nhau về ăn uống (văn hóa ẩm thực).

-Mời nhau ăn uống cũng là một hình thức giao tế phổ biến ở mọi tầng lớp, như các bữa ăn thân mật, tiệc giao lưu hay những buổi chiêu đãi ngoại giao.

-Nấu ăn ngon cũng là một nghệ thuật mang tính sáng tạo mà ai cũng có thể học hỏi ở từng mức độ khác nhau.

-Mời nhau dự tiệc tại một nhà hàng danh tiếng cũng chứng tỏ mình là người sành điệu, biết thưởng thức món ăn.

-Ăn uống ngon cũng là một sự hưởng thụ chính đáng trong cuộc sống. Việc ăn uống không chỉ là để nuôi dưỡng cơ thể mà còn có thể mang lại niềm vui sống.

-Biết cách cất giữ thực phẩm chứng tỏ mình là người lo xa, cẩn thận.

Ngoài ra, cũng có người lấy sự ăn uống để hy vọng giải quyết các cảm xúc khó khăn, căng thẳng hoặc dùng sự ăn uống để kiểm soát, kiểm chế người khác.

Tùy theo cảm nghĩ của mình mà việc ăn uống trở thành hấp dẫn, ngon lành hoặc phải miễn cưỡng, ngồi ăn cho xong bữa.

Người Việt ta vẫn có nhiều quan niệm phổ biến về việc ăn uống, chẳng hạn như: thức ăn ngon phải hợp với thời tiết trong năm (*mùa nào thức đó*); phải có chỗ ngồi ăn ngon chứ không phải bạ đâu ngồi đó mà ăn (*ăn có nơi, ngồi có chỗ*); cần bạn bè tâm giao, biết thưởng thức để cùng ăn và tạo một không khí vui vẻ thân mật thì món ăn càng ngon thêm.

Ăn đúng cách đòi hỏi sự hiểu biết về thức ăn và nhu cầu của cơ thể trong các giai đoạn khác nhau của đời người. Đặt thực phẩm đúng vị trí, hiểu tầm quan trọng của chúng rồi tạo ra danh mục cung cấp dinh dưỡng cần thiết, tốt nhất cho cơ thể.

Vừa phải, cân đối, đa dạng là những yêu cầu chung rất cần thiết để thỏa mãn nhu cầu năng lượng và mang lại sức khỏe tốt.

Cần tuân theo việc ăn uống điều độ, đúng giờ giấc, đúng cách thức. Thực hiện được như thế, lâu dần sẽ thành thói quen tốt trong việc ăn uống.

Thói quen này cũng tùy thuộc vào nhiều yếu tố như hiện trạng sức khỏe, hiểu biết về dinh dưỡng, tín ngưỡng, tôn giáo, chủng tộc, trình độ giáo dục; nghề nghiệp, tình trạng kinh tế cá nhân, sống ở thành thị hay thôn quê, ảnh hưởng từ bạn bè, hương vị, vẻ hấp dẫn của món ăn và cách thức món ăn được quảng cáo.

Bác Sĩ Nguyễn Ý-Đức, MD.

VỀ MỤC LỤC

TUỔI THƠ BỊ ĐÁNH CẤP

LỜI TẠM BIỆT:



Quán trọ đời chân trần nay đã mỗi,

Chào mọi người tôi tạm biệt ra đi,

Đột ngột chia tay chẳng kịp nói gì.

Xin nhắn gửi đôi lời ai ở lại:

"Quà Tặng Tin Mừng" đang đợi tiếp theo...

"Cơm Yêu Thương" giúp ung thư ngặt nghèo.

Đa tạ tấm lòng chung tình bác ái.

Làm đẹp lòng Thiên Chúa: giáng Hồng Ân.

Kính báo: Mọi sự giúp đỡ cho chương trình Quà Tặng Tin Mừng và Cơm Yêu Thương,
xin vui lòng liên lạc BBT CGVN conggiaovietnam@gmail.com

Để tưởng nhớ và tri ân Lm Gã Siêu Hoàng Đình Mai, Đặc San GSVN sẽ cho đăng mỗi kỳ một Chuyện Phiếm của Gã Siêu.

TUỔI THƠ BỊ ĐÁNH CẤP

Trước cửa nhà gã, có một khoảng sân rộng được lát bằng gạch tàu. Ban tối, nhất là những đêm trăng sáng, bọn nhóc thường tụ tập ở đó để chạy nhảy vui đùa...Thế nhưng hôm nay, chúng kéo nhau đến để tập múa lân. Tiếng trống vang dội trong xóm vắng :

- Tùng tùng cắc tùng tùng...tùng tùng cắc tùng tùng.

Tiếng trống dồn dập làm cho gã bỗng sực nhớ ra rằng : trung thu đã gần kề. Mà đúng vậy, bước chân ra đường, từ chợ thành thị cho đến chợ thôn quê, đâu đâu cũng thấy người ta bày bán đèn lồng và bánh ngọt.

Thế nhưng, phần lớn số đèn và bánh này được dành cho con nhà giàu, hay cho những xếp nhỏ, bởi vì đây chính là dịp dân lính lác biếu lộ tình cảm đối với các xếp của mình bằng quà biếu. Còn bọn khố rách áo ôm thì chỉ đứng nhìn mà thèm rỏ rãi. May mắn lắm thì mới được bu mua cho khi trung thu đã qua rồi. Số hàng ế ẩm bị tồn đọng này, các chủ tiệm cũng muốn tống khứ đi cho khuất mắt, nên được bán với giá rẻ mạt. Vì thế, con nhà nghèo chịu khó “ăn” trung thu muộn một chút cũng không sao. Méo mó có vẫn hơn không kia mà. Và lỡ bị đau bụng thì cũng phải cắn răng chịu vậy. Song le Đức Chúa Trời vốn lòng lành vô cùng, nên Ngài thường ban cho con nhà nghèo một cái bao tử với chất lượng cao, dù xơi phải những thứ quá “đát” thì cũng chẳng hề hấn gì.

Tết trung thu, như tên gọi, đến với chúng ta vào đúng giữa mùa thu, mùa đẹp đẽ nhất trong năm với trăng thanh và gió mát. Theo Toan Ánh trong “Tín ngưỡng Việt Nam” thì tết Trung thu bắt đầu từ thời vua Duệ Tôn, đời nhà Đường.

Số là vào một đêm rằm tháng tám, trăng tròn sáng tỏ, nhà vua bèn hứng chí bèn làm một vòng ngự chơi ngoài thành mãi tới tận khuya. Lúc bấy giờ có một ông lão, râu tóc bạc phơ, chống gậy trúc tới bên nhà vua, rồi kính cẩn chào và hỏi :

- Bệ hạ có muốn lên cung trăng hay không ?

Nhà vua trả lời :

- Có.

Vị tiên liền giơ chiếc gậy lên trời. Và thế là ngay lập tức có một cây cầu, một đầu giáp trăng, một đầu giáp đất. Tiên ông liền đưa nhà vua lên cầu và chẳng bao lâu đã đến cung trăng. Phong cảnh nơi đây thật tuyệt vời với những nàng tiên nữ xinh như mộng, xiêm y cực kỳ, múa nay hết ý. Đang say xưa ru hồn vào cõi trên, thì tiên ông đã đưa nhà vua trở lại hạ giới.

Để kỷ niệm ngày được chu du nguyệt điện, nhà vua đã đặt ra tết trung thu. Trong tết này, người ta uống rượu thưởng trăng, vì thế còn được gọi là tết trông trăng.

Nói đến trung thu thì không thể nào bỏ qua ông Trăng, chị Hằng và chú Cuội.

Trước hết là ông Trăng. Người Việt Nam chúng ta vốn dạt dào tình cảm, nên đã xếp những kẻ xa lạ và ngay cả những vật vô tri giác vào lãnh vực thân thương của mình, vì thế mới có chú ba tàu, anh bầy cà ry, ông trời, ông trăng...cho nó thêm phần gần gũi :

- Ông trăng xuống cô gái đẹp, thì gái đẹp cho chồng.

Ông trăng xuống anh đàn ông, thì đàn ông cho vợ.

Thực chất ông trăng chỉ là một vệ tinh của trái đất và xoay quanh trái đất mỗi tháng một vòng. Chúng ta thấy được mặt trăng nhờ ánh sáng mặt trời chiếu vào. Dựa trên những bức hình của phi thuyền Apollo gửi về, thì dung mạo của mặt trăng cũng lồi lõm, cũng rỗ chằng rỗ chịt, chứ nào phải mặt hoa da phấn...

Thế nhưng, mấy ông thi sĩ, nhất là thi sĩ bên Tàu, thường nhìn mặt trăng bằng cặp kính tươi hồng của mình. Và dưới cặp kính tươi hồng ấy, thì mặt trăng còn được gọi là cung Quảng hàn, nơi ở của Thái âm thần nữ, vợ của thần Thái dương, tức là mặt trời.

Tiếp đến là chị Hằng. Sách "Hoài Nam Tử" cho biết :

Hằng Nga vốn là vợ của Hậu Nghệ. Ông ta đã dùng ba tác lưởi năn nỉ ỉ ôi bà Tây Vương Mẫu và đã xin được một viên thuốc trường sinh. Vốn thuộc nòi nề vợ, nên ông ta đã trao cho Hằng Nga cất giữ viên thuốc quý hiếm ấy. Biết chồng là kẻ độc ác, lại toan tính làm phản, Hằng Nga liền vãi nuốt trứng viên thuốc và hóa thành cô tiên mà bay lên cung trăng. Vì thế, người ta thường gọi mặt trăng là Hằng Nga, là chị Hằng. Ngoài ra danh từ này còn được dùng để chỉ người con gái đẹp, như trong "Cung oán ngâm khúc" có câu :

- Chìm đáy nước cá lờ đờ lặn,

Lửng da trời nhạt ngấn ngơ sa.

Hương trờ đắm nguyệt say hoa,

Tây Thi mất vía, Hằng Nga giật mình.

Tuy nhiên có sách lại bảo :

Hằng nga bay lên cung trăng và ra mắt Thái âm thần nữ, kể rõ sự tình và xin thần nữ che chở. Thái âm thần nữ liền hóa phép biến Hằng Nga thành con cóc và đem giấu ở một nơi kín đáo trong cung Quảng hàn cho tới ngày nay.

Sau cùng là chú Cuội. Theo người Tàu thì chú Cuội chính là Ngô Cương. Xưa kia Ngô Cương đã tu và đắc đạo thành tiên, nhưng sau vì làm nhiều điều xằng bậy trên thượng giới, nên đã bị Ngọc hoàng nổi giận, bắt đày xuống cung trăng, trao cho việc chặt và bóc vỏ cây quế đỏ. Thế nhưng cây quế đỏ này lại cứng như thép, nên Ngô Cương chặt mãi, bóc hoài cho đến bây giờ cũng chẳng xong. Vì vậy mỗi đêm nhìn lên mặt trăng, chúng ta mới thấy bóng Ngô Cương đang lúi húi ở dưới gốc cây quế.

Thế nhưng, theo người Việt chúng ta thì Ngô Cương lại chính là chú Cuội. Còn cái bóng mà người Tàu gọi là cây quế đỏ, thì lại chính là cây đa thần. Vì thế mới có câu :

- Thằng cuội ngồi gốc cây đa,

Bỏ trâu ăn lúa, gọi cha ời ời.

Cha còn cắt cỏ trên trời,

Mẹ còn cưỡi ngựa đi mời quan viên.

Sự tích chú Cuội, hẳn chúng ta đã rõ. Đó là một kẻ đi nói dối cha, về nhà nói dối chú. Suốt đời đánh lừa mọi người. Hồi còn nhỏ, ngày kia vì cha mẹ đi vắng, chú phải coi nhà. Buồn tình, chú bỗng nghĩ ra một trò chơi, nên vội kêu la thất thanh :

- Bớ làng nước ơi, cháy nhà, cháy nhà. Cứu tôi với.

Mọi người hồi hải mang chậu, xách thùng tới tiếp cứu. Thấy vậy, chú bèn cưỡi ngựa nghênh đến vãi cả nước mắt. Lần khác, chú ngồi thổi cơm, chẳng may để lửa bén vào đồng rơm và căn nhà bốc cháy. Chú cũng kêu la thất thanh :

- Bớ làng nước ơi, cháy nhà, cháy nhà. Cứu tôi với.

Thế nhưng, lần này chẳng một ma đại nào đến tiếp cứu cho chú cả. Vì thế, dân gian mới bảo :

- Bức thang lên đến tận mây,

Hỏi sao Cuội phải áp cây cả đời.

Cuội nghe hỏi thế, Cuội cười,

Bởi hay nói dối nên ngồi áp cây.

Cũng bởi hay cái tính táy máy này, mà chú Cuội bỗng trở thành hình ảnh tượng trưng cho những kẻ chuyên môn lừa gạt : nói dối như cuội. Hay nói một đàng làm một nẻo : hứa cuội có nghĩa là hứa lèo, hứa thì rất nhiều mà chẳng làm được gì sất, đầu voi đuôi chuột, trăm voi không được một bát nước xáo.

Lớn lên, chú đánh lừa được một lão trượng hiền lành và lão trượng này đã cho chú một cây đa thần mà lá có thể làm người chết sống lại. Lão trượng dặn chú mang về phải trồng ở mé đồng và phải luôn tưới cho cây được xanh tươi, đồng thời còn cho chú hay cây đa thần này rất kỵ nước tiểu. Nếu trồng cây ở hướng đông thì mọi người phải đi tiểu ở hướng tây, không thì cây sẽ đông lên trời mất.

Hàng ngày chú vào rừng đốn củi. Ở nhà chị vợ vẫn tưới cây rất chăm chỉ theo lời chỉ dẫn của chú. Cho tới một hôm vì mãi mê công việc nên quên tưới, chợt thấy chú về đến ngõ, chị vợ sực nhớ ra nhiệm vụ của mình. Sợ đi múc nước bị chú trông thấy sẽ la mắng, nên chị vợ vội chạy lại gốc cây, tốc váy lên và...tè vào đó. Vừa tè xong, thì cây đa bỗng từ từ nhỏ gốc và bay lên trời.

Về tới nhà, thấy cây đông lên trời, trong tay lại sẵn có chiếc cuốc, chú lèn móc ngay vào gốc cây, mong giữ được cây lại. Nào ngờ, chú chẳng giữ được cây mà lại còn bị cuốn theo cây bay lên cung trăng cho đến tận hôm nay. Thành thử cứ mỗi độ trung thu về, bọn nhóc tí thường hay ca hát :

- Bóng trắng trắng ngà,

Có cây đa to,

Có thằng Cuội già,

Ôm một mối lo...

Dĩ nhiên, còn nhiều điều phải nói về ông Trăng, chị Hằng và chú Cuội cũng như về những tập tục dân gian của ngày tết trung thu, chẳng hạn như thi cỗ, thi đèn và múa lân... Nhưng bằng đó mà thôi cũng đã đủ để cho thấy : tết trung thu trước kia là tết của người lớn, nhưng dần dần được chuyển hệ và biến thành tết của trẻ nhỏ.

Toan Ánh cũng viết :

“...Để đón tết, các em có những đèn xếp, đèn lồng sắc sỡ thấp sáng, kéo nhau thành từng đoàn vui reo ca hát, tối tối cùng nhau nhón nhơ, cùng đi đường này ngõ khác. Đây là dịp để người lớn đặc biệt quan tâm và chăm sóc tới các trẻ nhỏ, nhất là những em tàn tật, mồ côi và bất hạnh...”

Ăn theo vào đó, gã xin tán đông tán dài đôi điều về tuổi thơ.

Thực vậy, Thánh vịnh đã coi con nít là quà tặng Đức Chúa trời ban cho những bậc làm cha làm mẹ vì thế chắc chắn nó phải mang nhiều vẻ đẹp tuyệt vời.

Người ta đã gọi tuổi thơ là tuổi thần tiên, cặp mắt của nhóc ti là cặp mắt của thiên thần và hương thơm của trẻ nhỏ xuất phát từ thiên đàng, mặc dù người ta chẳng hề nhìn thấy các thiên thần, chưa một lần bước chân vào thiên đàng và cũng chẳng biết thế giới thần tiên là gì, ngoại trừ một vài kẻ đã được diễm phúc lạc vào đó, chẳng hạn bên Tàu thì có vua Duệ Tôn, vua Đường Minh Hoàng... Bên ta thì có Lưu Thần, Nguyễn Triệu, Từ Thức...nhưng tất cả đều đã nằm yên trong phần đất của cỏ tích.

Ông thánh Phaolô trong bức thư thứ hai gửi giáo đoàn Côrinthô cũng đã cho biết một môn đệ được đưa lên tầng trời thứ ba. Nhưng có lẽ cách diễn tả đúng nhất, vẫn là mắt chưa hề thấy và tai chưa hề nghe và trái tim chưa một lần cảm nghiệm...

Còn Chúa Giêsu, Ngài đã khám phá ra nơi trẻ nhỏ vẻ đẹp của các nhân đức nên Ngài không phải chỉ yêu mến, chúc lành và bênh vực mà hơn thế nữa còn lấy trẻ nhỏ làm khuôn vàng thước ngọc cho người lớn phải noi theo :

- Nếu các con không trở nên như trẻ nhỏ thì sẽ chẳng được vào Nước trời đâu.

Nhìn vào trẻ nhỏ chúng ta sẽ ghi nhận được biết bao nhiêu nhân đức cao đẹp. Trước hết, nơi trẻ thơ không có hận thù, bạo lực mà chỉ có một tình yêu thương dạt dào và không biên giới.

Mẫu chuyện mang tựa đề “Đứa bé của hòa bình”, trong mục nghệ thuật sống của báo Tuổi Trẻ Chủ Nhật, gã thấy hay hay nên “cóp pi” ra đây để cả và thiên hạ cùng đọc.

“...Hôm ấy, tôi được trao nhiệm vụ đi thám thính cho bộ lạc của mình. Sau ba ngày đêm rông rã, tôi phát hiện một túp lều của kẻ thù. Tôi bò từng bước đến gần và khoét một lỗ nhỏ bằng bàn tay trên vách. Nhìn vào trong, tôi thấy một đôi vợ chồng trẻ đang ngồi sưởi bên bếp lửa và một thằng bé chưa đầy hai tuổi đang chơi cạnh đó. Với bước chân đi chập chững, nó đứng dậy cầm chiếc thìa gỗ thọc sâu vào nồi xúp, rồi nó bắt chước người lớn khuấy đi khuấy lại nhiều lần. Bất thần đứa bé quay sang nhìn đúng ngay cái lỗ mà tôi đã khoét để ngó vào trong lều. Tôi hốt hoảng sợ bị phát giác. Nhưng đúng lúc bố mẹ của nó đang mãi mê bên bếp lửa, đứa bé lại thọc cái thìa gỗ vào nồi, rồi múc lấy một ít xúp và đưa thẳng vào miệng tôi. Cứ thế, nó xúc cho tôi ăn liên tiếp nhiều lần mà bố mẹ nó vẫn không hề hay biết. Cuối cùng thì tôi quyết định phải rút lui và tìm đường trở về bộ lạc của mình. Nhiệm vụ đã hoàn tất, tôi đã tìm được vị trí đóng trại của kẻ thù...Tôi cầm cổ chạy trên tuyết cho tới khi đuối sức thì dừng lại...Hình ảnh và cử chỉ của thằng bé đã không buông tha tôi lấy một giây. Nó là ai ? Tại sao nó

lại can đảm múc xúp cho kẻ thù của bố mẹ, của cả bộ tộc nó ? Sức mạnh thiêng liêng nào đã thúc đẩy nó làm như vậy ? Cứ thế, tôi suy nghĩ miên man về thằng bé, nó phải được sống trong trận càn quét sắp tới. Tôi chợt nảy ra ý định phải quay trở lại tức khắc, bí mật giết chết bố mẹ thằng bé rồi bắt cóc nó đem về nuôi dạy theo phong tục của bộ lạc mình. Thế nhưng thú thật là tôi không thể làm như vậy vì thằng bé còn quá nhỏ, nó cần được chính bố mẹ nó nuôi nấng. Nghĩ như vậy, tôi quay trở lại túp lều, đi thẳng vào cửa trước. Bị bất ngờ, đôi vợ chồng trẻ kinh hoàng, nhưng tôi ra dấu trấn an họ ngay. Nhận thấy tôi không có ý gì đe dọa, họ đã vui vẻ mời tôi vào, ngồi bên bếp lửa. Người chồng chuẩn bị một tẩu thuốc, người vợ bưng xúp để mời khách, còn thằng bé thì mừng rỡ như nhận ra khuôn mặt quen thuộc của tôi. Và thế là nó lại lấy chiếc thìa gỗ xúc một ít xúp, phùng má thổi phù phù cho bớt nóng, rồi mới đưa vào tận miệng tôi. Tôi chậm rãi tiết lộ tông tích của mình và bảo họ : trước tiên vì sự hồn nhiên vô tư của thằng bé, kể đó vì lòng hiếu khách của anh chị, tôi sẽ không làm gì hại đến gia đình bé nhỏ này. Anh chị hãy mau mau lánh nạn đi ở chỗ khác. Không sớm thì muộn, bộ lạc chúng tôi cũng sẽ phát hiện nơi này, họ sẽ đến và chiến tranh hận thù sẽ xảy ra. Hình ảnh cuối cùng mà tôi còn giữ mãi chính là hình ảnh thằng bé được mẹ địu trên lưng, tay vẫn múa may chiếc thìa gỗ và mỉm cười với tôi. Mùi tử khí trong tôi đã được thay thế bằng mùi xúp thơm phức mà thằng bé đã đưa tận miệng tôi. Tôi đã từ bỏ thói hung hăng hiếu chiến, lòng hận thù dai dẳng trong tôi cũng đã tắt ngấm. Càng có tuổi, tôi càng tin rằng tất cả chúng ta cần phải có một “đứa bé của hòa bình” như thế, mãi mãi ở giữa chúng ta”.

Tiếp đến, nơi trẻ thơ không có mưu mô và gian dối, mà chỉ có một sự đơn sơ thành thực.

Một ông bố kia mắc nợ như chúa chổm. Vừa mới thò mặt ra ngoài, bỗng thấy thiên hạ tới đòi tiền, bèn vội thụt vào và căn dặn đứa bé :

- Tí nữa họ đến, con cứ bảo với họ rằng bố đi vắng nhé.

Khi vị khách bất đắc dĩ này gõ cửa, đứa bé đã vô tư nói :

- Bố cháu sai cháu ra thưa với bác rằng bố cháu đi vắng.

Chả thế mà bên tây người ta thường bảo :

- Chân lý xuất phát từ môi miệng trẻ thơ. La vérité sort de la bouche des enfants.

Còn bên ta thì nói :

- Đi hỏi già, về nhà hỏi trẻ.

Sau một thời gian đi vắng, muốn biết rõ những sự việc xảy ra ở nhà thì chỉ cần hỏi bọn nhóc, chúng sẽ vô tư phun ra cho bằng hết, kể cả những sự việc người nhớn muốn dấu diếm và che đậy.

Thế nhưng, ngày hôm nay, những nét đẹp này dần bị phai nhòa, thậm chí còn bị bôi xóa trong tâm hồn trẻ thơ. Vì thế, gã mới giám cả tiếng lại dài hơi mà la lên rằng :

- Tuổi thơ đã bị đánh cắp.

Vậy ai đã đánh cắp tuổi thơ của các trẻ nhỏ ?

Gã không phải là một chuyên viên về xã hội xã hiếc hay tâm lý tâm liếc gì cả, nên chẳng dám múa rìu qua mắt thợ, hay đánh trống qua cửa nhà sấm, mà chỉ xin mạo muội đưa ra một vài nhận xét thô thiển dựa vào những điều mắt thấy tai nghe mà thôi.

Tên trộm xa đánh cắp tuổi thơ chính là xã hội.

Thực vậy, nhìn vào môi trường sống hiện nay, gã thấy tình trạng đạo đức dường như đang xuống cấp hay tuột dốc không phanh. Nhan nhản khắp nơi những bạo lực, những gian tham, những đòi trụy...Trên báo chí và truyền hình, không ngày nào mà không có những vụ cướp bóc và trộm lộn, xì ke và ma túy, cưỡng bức và hiếp dâm.

Trẻ nhỏ hôm nay không mấy đứa còn thích chơi những trò chơi dân gian. Chẳng hạn con gái thì chơi rồng rổng rần rần, chơi đánh khăng, chơi đánh nôm, chơi thả điều...Con gái thì chơi chuyền, chơi trái gianh, chơi ô quan, chơi nhảy giấy, nhảy cò cò...Nhưng lại có sẵn những trò chơi điện tử. Có đứa thay vì học bài, đã miệt mài ngồi bấm máy loạn cào cào hết giờ này qua giờ khác, như ngày xưa thiên hạ ghiền tiểu thuyết kiếm hiệp của Kim Dung, đọc ngày quên ăn, đọc đêm quên ngủ vậy. Mà trò chơi điện tử thì nhan nhản những bạo lực, náo bắn súng, náo bỏ bom, náo triệt hạ tàu bay, tàu bò, tàu thủy. Và để ăn đồ tiền của con nít, người ta khéo chế tạo ra những đồ chơi hấp dẫn chúng : náo kiếm, náo gươm, náo đao, náo chùy...Thôi thì đủ món ăn chơi, không thiếu một thứ gì sót.

Chả thế mà trong những năm gần đây tại Việt Nam đã xảy ra những vụ học trò đâm đá thầy cô và ở bên Mỹ đã xảy ra những vụ nhóc tí vác súng bắn nhau loạn cào cào nơi sân trường cũng như nơi công viên, đâu còn hình ảnh đứa bé của hòa bình nữa.

Thế nhưng thủ phạm chính, tên trộm gần đã đánh cắp tuổi thơ lại chính là gia đình và đặc biệt là cha mẹ.

Thực vậy, có những bậc cha mẹ luôn hục hặc, thượng cẳng chân hạ cẳng tay với nhau, cơm chẳng lành, canh chẳng ngọt, rồi lôi nhau ra ba tòa quan lớn mà ly dị. Những đứa con bị hắt ra ngoài đường, đi bụi đời, lang thang kiếm sống bằng những công việc nặng nhọc. Nếu may mắn còn được sống trong mái gia đình, thì cũng chẳng tìm thấy một tình yêu thương chăm sóc, Những em nhỏ bất hạnh này chẳng có được tuổi thơ. Và nếu có, thì cũng chẳng giữ được cho mình.

Tuy nhiên, phần lớn cha mẹ đã đánh cắp tuổi thơ của con cái mình với những hình thức giáo dục sai lạc.

Chẳng hạn có những đáng làm cha làm mẹ đã cố tình bôi xóa sự đơn sơ chân thật của con cái bằng cách dạy cho chúng gian tham. Một cô giáo đã tâm sự qua mục “triển lãm cách dạy con” của báo “Phụ nữ Chủ nhật” như sau :

“Chiều qua, trên đường đi làm về, nhìn thấy mấy hàng cam tươi bên hông chợ Phạm văn Hai, tôi bèn rẽ vào mua. Trước đó, một bà mẹ trẻ đón con trai từ trường mẫu giáo về cũng vừa ngồi trên xe Dream cúi xuống lựa cam cho vào bịch ny lông. Trong khi lựa, chị vô tình làm rớt một trái cam khá lớn xuống đất. Sau đó, thay vì nhặt trái cam lên, trả vào thùng cam của chị bán hàng, thì người mẹ này lại thản nhiên cho vào giỏ xe của mình sau khi bịch cam chị lựa đã được cân và trả tiền đầy đủ. “Mẹ ơi, đó là trái cam của cô bán hàng chứ mẹ ?” Cậu bé ngạc nhiên hỏi mẹ. Người mẹ trẻ không ngờ cặp mắt ngây thơ của cậu con trai đã kịp phán hiện ra...sự “lầm lẫn” của mẹ nó, nhưng chị lờ đi. Thằng bé tưởng mẹ không nghe thấy, khẽ giật vạt áo mẹ, hỏi lớn hơn : “Mẹ ơi, đó là trái cam của cô bán hàng bị rơi xuống đất, chứ có phải của mình đâu mà mẹ lượn lên cho vào giỏ xe hở mẹ ?” Bất ngờ, người mẹ quay lại, tát đánh “bốp” vào mặt con, vừa tức giận la lên : “Mày có câm miệng ngay đi không hả thằng khùng. Mắt mũi mày để đâu mà không thấy đó là cam trong bịch của mình bị rớt ra ngoài, mà còn cứ hỏi mãi.” Bị đánh oan, cậu bé ôm mặt, òa khóc nức nở. Chiếc xe Dream của người mẹ lao vút đi, nhưng tiếng khóc oan ức cùng câu hỏi chưa được giải đáp trong lòng cậu bé thì vẫn còn lưu lại trong tôi cho đến ngày hôm nay...”

Cũng có thể chính sự nghiêm khắc, thiếu cảm thông của cha mẹ đã đẩy con cái tới chỗ gian dối. Cũng trong mục “triển lãm cách dạy con” có một mẫu như sau :

“...Cách đây vài tháng, cháu gái tôi xin phép ba mẹ đi cắm trại hè với các bạn. Anh đồng ý cho cháu đi đến sáu giờ chiều. Hôm đó, sau khi cắm trại xong, trên đường trở về, các bạn rủ nhau đi ăn kem. Cháu tôi cảm thấy lo lo, nhưng nghĩ bụng : “Đã xin phép, chắc lỡ trễ một chút cũng không sao.” Và rồi cháu tôi vui với các bạn đến bảy giờ tối. Thế nhưng, đáp lại lời “Thưa ba, con mới về” là một cái tát như trời giáng vào mặt cháu. Sấn tay, anh túm mái tóc dài của cháu và tay kia cầm kéo (đã chuẩn bị trước), “xẹt” một cái ngắn đến cổ, gần nửa phần tóc cháu. Mớ tóc đen mượt vội rơi xuống đất. Thế là từ đó, cháu gái tôi có một mái tóc “tém” rất “mô đen”. Và cũng từ đó, mỗi khi muốn cùng đi chơi, giải trí với các bạn, cháu tôi đều nói dối là đi học nhóm, hoặc mượn tập, vở...Chiều này, anh của nhỏ bạn cháu từ nước ngoài về, ngó ý “khao” các bạn của em một chút hải sản tươi sống, cháu tôi buộc phải nói dối là cùng đi học nhóm. Thế mới được sự đồng ý của ba. Cháu nói nhỏ với tôi rằng : “ Chính ba cháu buộc cháu phải nói dối, cô ạ.” Tôi nghe mà không khỏi giật mình. Bây giờ thì cháu tôi chỉ nói dối những chuyện đơn giản, mai sau cháu sẽ quen dần, rồi chuyện gì sẽ xảy ra ? Còn cháu út, vì không có dịp tụ tập, vui chơi với các bạn, nên dần dà các bạn cô lập cháu với lý lẽ “có rủ nó cũng chẳng đi”. Theo thời gian, cháu út đã trở nên mặc cảm, chán nản và mặc dù trước mặt vẫn ngoan ngoãn, lễ phép, nhưng sau lưng đã bắt đầu tỏ thái độ “phản đối” ba.

Ngoài ra, còn có những bậc cha mẹ tập cho con cái mình thói bạo lực, vũ phu chi cục mịch.

Có lần gã được chứng kiến cảnh hai nhóc tí bịch nhau. Một đứa chạy về méc bố và ông bố đã làm quân sư quạt mo, vẽ đường cho hiêu chạy. Ông ấy đã phán với nó như sau :

- Mà y cứ sang nhà nó, phét cho nó một trận. Mà y mà không phét được nó thì về đây tao sẽ phét cho mày te tua.

Tương tự như thế, vào một buổi chiều người mẹ đón thằng bé học ở trường mẫu giáo, chị bỗng thẳng thốt hỏi : “Sao lại trầy mặt như thế này ?” Thằng bé trả lời : “Bạn Hải cào mặt con”. Người mẹ liền quay hỏi cô giáo : “Hải là thằng nào vậy cô ?” Cô giáo trả lời : “Cháu Hải về rồi chị ạ, nhưng ban nãy cháu đã bị rầy và xin lỗi cu Bim rồi, xin chị đừng giận, các cháu chỉ đùa và lỡ tay một tí thôi mà. Không thể trút giận vào cô giáo, người mẹ quay ra quát thằng bé : “Sau ngu thế, mai mốt bạn nào cào con, thì con cứ cào lại nó, ai đánh mình, thì mình phải đánh lại gấp đôi cho nó sợ chứ, đừng yên ra đấy cho người ta cào cả mặt”. Dạy cho con đánh nhau như vậy quả là hết nước nói...”

Cha ông chúng ta thường bảo :

- Học ăn học nói, học gói học mở.

Trẻ nhỏ cần phải được học kể cả những cái đơn sơ và tầm thường nhất, thế nhưng nhiều bậc cha mẹ lại quên mất sự thật này, để rồi vô tình đẩy con cái vào những thói hư tật xấu. Một tác giả trên báo “Phụ nữ Chủ nhật” cũng đã ghi nhận như sau :

“Một lần tôi tới nhà người bạn chơi, lúc đó mọi người trong nhà đang quây quần bên một đĩa nhỏ chừng ba tuổi. Trông đứa bé mập mạp, trắng trẻo thật dễ thương, tôi đến gần và nựng bé, bỗng bé kêu lên : “Đ.M. mày”. Tôi thật ngỡ ngàng, nhưng mọi người trong gia đình ấy lại cười ồ và lặp lại cái từ xấu xa kia nhiều lần, như thể kích thích bé nói lại lần nữa.”

Gã bỗng nhớ lại một mẫu chuyện khác trong sách “Cổ học tinh hoa” như thế này :

Vợ thầy Tăng tử đi chợ, thấy con khóc đòi theo, bà nói :

- Con ở nhà, rồi khi về, mẹ sẽ làm thịt heo cho con ăn.

Lúc vợ về, thầy Tăng tử bèn bắt heo làm thịt. Thấy vậy bà vợ bảo :

- Mình chỉ đùa thôi.

Nhưng thầy lắc đầu và nói :

- Đừng khinh trẻ thơ không biết chi. Cha mẹ làm gì thì con cái thường bắt chước làm theo. Nay mình nói dối con là mình đã dạy con nói dối rồi đó.

Nói xong, thầy bèn đi làm thịt heo cho con ăn thật.

Nhưng thôi, viết nữa thì chỉ thêm buồn. Cùng với tiếng trống tập múa lân : Tùng tùng các tùng tùng... tùng tùng các tùng tùng... Xin hãy trả lại tuổi thơ cho con em chúng ta.

Chuyện phiếm của Gã siêu.

VỀ MỤC LỤC

Giáo sĩ: xuất phát từ giáo dân, hiện diện vì giáo dân và cậy dựa vào giáo dân

- Mọi liên lạc: Ghi danh, thay đổi địa chỉ, đóng góp ý kiến, bài vở..., xin gửi về địa chỉ giaosivietnam@gmail.com

- Những nội dung sẽ được đề cao và chú ý bao gồm:

Trao đổi, chia sẻ những kinh nghiệm thực tế trong việc mục vụ của Giáo sĩ; Những tài liệu của Giáo hội hoặc của các Tác giả nhằm mục đích Thăng tiến đời sống Giáo sĩ; Cổ võ ơn gọi Linh mục; Người Giáo dân tham gia công việc “Trợ lực Giáo sĩ” bằng đời sống cầu nguyện và cộng tác trong mọi lãnh vực; Mỗi Giáo dân phải là những “Linh mục” không có chức Thánh; Đối thoại trong tinh thần Bác ái giữa Giáo dân và Giáo sĩ... (Truyền giáo hay xây pháo đài?)

- Quy vị cũng có thể tham khảo những số báo đã phát hành tại www.conggiaovietnam.net

Rất mong được sự cộng tác, hưởng ứng của tất cả Quý vị

Xin chân thành cảm ơn tất cả anh chị em đã sẵn lòng cộng tác với chúng tôi bằng nhiều cách thể khác nhau.

TM. Đặc San Giáo Sĩ Việt Nam

Lm. Luca Phạm Quốc Sử USA